

## HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Hợp đồng bảo hiểm số: **8131616**  
Bên mua bảo hiểm: **Nguyễn Hồng Loan**  
Người được bảo hiểm chính: **Nguyễn Hồng Loan**

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“Dai-ichi Life Việt Nam”) chân thành cảm ơn Quý khách đã tin nhiệm tham gia bảo hiểm cùng chúng tôi.

Với phương châm “Khách hàng là trên hết”, chúng tôi không ngừng nỗ lực để mang lại cho Quý khách sự hài lòng với những Sản phẩm, dịch vụ và phong cách phục vụ của Dai-ichi Life Việt Nam. Dai-ichi Life Việt Nam xin trân trọng thông báo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của Quý Khách đã chính thức được phát hành.

**Hợp đồng** này xác nhận Dai-ichi Life Việt Nam đã nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm từ Bên mua bảo hiểm và đã chấp nhận bảo hiểm theo các Quy tắc và Điều khoản bảo hiểm cùng văn bản thỏa thuận (nếu có) kèm theo Hợp đồng này. Dai-ichi Life Việt Nam cam kết rằng nếu Bên mua bảo hiểm nộp đầy đủ các khoản phí đến hạn, Dai-ichi Life Việt Nam có trách nhiệm chi trả các Quyền lợi bảo hiểm quy định cụ thể theo các điều kiện, Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng này.

Quý khách vui lòng kiểm tra lại các thông tin đã cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam đồng thời tham khảo kỹ về nội dung Hợp đồng bảo hiểm, những điều kiện, Quy tắc và Điều khoản cũng như các quyền lợi và nghĩa vụ để chắc chắn Hợp đồng bảo hiểm đã đáp ứng đúng nhu cầu của Quý khách.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý khách cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào,



**Trần Đình Quân**  
**Chủ Tịch kiêm Tổng Giám Đốc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

(Giấy chứng nhận này được in vào lúc 2:51:13 am ngày 05/08/2022)

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.



1174492726

## I. Thông tin về hợp đồng bảo hiểm:

|                                    |            |                                          |             |
|------------------------------------|------------|------------------------------------------|-------------|
| Hợp đồng bảo hiểm số:              | 8131616    | Phí bảo hiểm định kỳ (VNĐ):              | 59.228.700  |
| Ngày phát hành hợp đồng:           | 31/07/2022 | Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (VNĐ): | 120.000.000 |
| Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực: | 31/07/2022 | Định kỳ đóng phí:                        | Năm         |

## II. Thông tin về Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm:

|                           | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số giấy tờ tùy thân/ GPKD |
|---------------------------|------------------|---------------------|-----------|---------------------------|
| Bên mua bảo hiểm          | Nguyễn Hồng Loan | 08/12/1964          | Nữ        | 001164036347              |
| Người được bảo hiểm chính | Nguyễn Hồng Loan | 08/12/1964          | Nữ        | 001164036347              |

## III. Thông tin về quyền lợi bảo hiểm:

|                                      | Người được bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm (VNĐ) | Ngày đáo hạn | Phí bảo hiểm định kỳ (VNĐ) | Ngày kết thúc thời hạn đóng phí |
|--------------------------------------|---------------------|------------------------|--------------|----------------------------|---------------------------------|
| Sản phẩm trọn gói: An Tâm Đầu Tư     |                     |                        |              |                            |                                 |
| 1. Quyền lợi bảo hiểm chính          |                     |                        |              |                            |                                 |
| An Thịnh Đầu Tư                      | Nguyễn Hồng Loan    | 600.000.000            | 31/07/2064   | 49.438.500                 | 31/07/2064                      |
| 2. Quyền lợi bảo hiểm bổ sung/bổ trợ |                     |                        |              |                            |                                 |
| BH Tai Nạn Cao Cấp                   | Nguyễn Hồng Loan    | 200.000.000            | 31/07/2040   | 1.120.000                  | 31/07/2040                      |
| BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu        | Nguyễn Hồng Loan    |                        | 31/07/2023   |                            | 31/07/2023                      |
| Quyền lợi điều trị Nội trú Cao cấp   |                     |                        |              | 8.670.200                  |                                 |

**Thông tin cho bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn cầu:** Thời hạn bảo hiểm là 1 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

## IV. Thông tin về Người thụ hưởng:

| Họ và tên của Người thụ hưởng | Số giấy tờ tùy thân | Mối quan hệ với Người được bảo hiểm | Tỷ lệ thụ hưởng (%) |
|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|
| Nguyễn Hồng Loan              | 001164036347        | Bản thân                            | 100%                |

## THƯ BÁO

V/v: Chi tiết giao dịch Quỹ liên kết đơn vị

Kính gửi Quý khách:

**Nguyễn Hồng Loan**

0510 R6 72A Nguyễn Trãi

P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân

TP. Hà Nội

**Hợp đồng bảo hiểm số: 8131616**

Người được bảo hiểm chính: Nguyễn Hồng Loan

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“Dai-ichi Life Việt Nam”) xin chân thành cảm ơn Quý khách đã tin nhiệm tham gia bảo hiểm cùng chúng tôi.

Chúng tôi xin thông báo chi tiết các giao dịch phát sinh của hợp đồng bảo hiểm nêu trên như sau:

- Tổng số tiền phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) đã nộp là **120.000.000** đồng.
- Phí bảo hiểm được phân bổ là **72.539.600** đồng.

### CHI TIẾT GIAO DỊCH

| Ngày giao dịch | Loại giao dịch                              | Quỹ liên kết đơn vị    | Số tiền (đồng) | Số lượng đơn vị Quỹ | Giá đơn vị Quỹ (đồng) |
|----------------|---------------------------------------------|------------------------|----------------|---------------------|-----------------------|
|                | <b>Số dư đơn vị Quỹ đầu kỳ</b>              | <b>Quỹ Tăng trưởng</b> |                | -                   |                       |
| 03/08/2022     | Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ             | Quỹ Tăng trưởng        | 72.539.600     | 3.105,816266        | 23.356,05             |
| 03/08/2022     | Thanh toán chi phí phát sinh <sup>(1)</sup> | Quỹ Tăng trưởng        | -1.611.800     | -69,009957          | 23.356,05             |
|                | <b>Số dư đơn vị Quỹ cuối kỳ</b>             | <b>Quỹ Tăng trưởng</b> |                | 3.036,806309        |                       |

### SỐ DƯ ĐƠN VỊ QUỸ VÀ TỈ LỆ ĐẦU TƯ NGÀY 03/08/2022:

| Quỹ liên kết đơn vị | Tỉ lệ đầu tư (%) | Số dư đơn vị Quỹ cuối kỳ | Giá đơn vị Quỹ (đồng) | Giá trị Quỹ hợp đồng <sup>(2)</sup> (đồng) |
|---------------------|------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------------------------|
| Quỹ Tăng trưởng     | 100              | 3.036,806309             | 23.356,05             | 70.927.800                                 |

#### Ghi chú:

(1) Chi phí phát sinh bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.

(2) Giá trị Quỹ hợp đồng sẽ thay đổi tùy thuộc vào Giá đơn vị Quỹ xác định tại các Ngày định giá tiếp theo. Giá trị này được làm tròn đến đơn vị đồng.

Trường hợp Quý khách cần trao đổi thêm, vui lòng liên hệ với các Văn phòng và Trung tâm Dịch vụ khách hàng Dai-ichi Life Việt Nam, hoặc Tổng đài dịch vụ Khách hàng, điện thoại: (028) 3810 0888. Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ Quý khách.

Trân trọng kính chào,

**Công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam**

## MỘT SỐ ĐIỂM QUAN TRỌNG QUÝ KHÁCH HÀNG CẦN LƯU Ý

*Kính thưa Quý Khách hàng,*

Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là một tài sản quý giá dành cho Quý Khách hàng và gia đình, vì thế để chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đã đáp ứng đúng nhu cầu tham gia bảo hiểm của mình, Quý Khách hàng cần tham khảo kỹ tất cả các nội dung Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung cũng như các quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm. Trong đó, Quý Khách hàng đặc biệt lưu ý các điểm sau đây:

- Thời hạn xem xét lại:** Quý Khách hàng có 21 (hai mươi một) ngày để xem xét lại Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Quyền lợi bảo hiểm:** các quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung tham gia kèm (nếu có) được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Giải quyết quyền lợi bảo hiểm:** Các chứng từ và thủ tục cần thiết khi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung tham gia kèm (nếu có) được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Phí bảo hiểm và nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm:** Ngay cả khi không nhận được thông báo của Công ty về việc nộp phí bảo hiểm, Quý Khách hàng vẫn phải có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn. Chi tiết được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Thời gian gia hạn nộp phí:** Khi hợp đồng đến hạn nộp phí bảo hiểm, nếu Quý Khách hàng chưa thể nộp phí ngay, thời gian nộp phí sẽ được tự động gia hạn thêm 60 (sáu mươi) ngày theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:** Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực trong một số trường hợp theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Giá trị hoàn lại (nếu có):** là số tiền Quý Khách hàng sẽ nhận được khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn. Quý Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.
- Nghĩa vụ kê khai, cung cấp thông tin:** Quý Khách hàng có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Việc kê khai không chính xác bất cứ thông tin nào có thể dẫn đến việc Công ty có quyền đơn phương đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Chi tiết được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm trong bộ hợp đồng này.  
Khi Người được bảo hiểm có sự thay đổi các thông tin về nghề nghiệp, nơi cư trú, tuổi, ... Quý Khách hàng cần thông báo bằng văn bản ngay cho Công ty.
- Các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:** Công ty sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm đối với các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm trong bộ hợp đồng này.
- Công ty được quyền khấu trừ các Khoản nợ chưa được hoàn trả (nếu có) trước khi thanh toán giá trị hoàn lại hoặc chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.
- Việc giao kết các Hợp đồng bảo hiểm bổ sung kèm theo các Hợp đồng bảo hiểm chính không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính.

*Trường hợp Quý Khách hàng cần trao đổi thêm bất kỳ thông tin liên quan về Hợp đồng bảo hiểm, xin vui lòng liên hệ với Tổng đài Dịch vụ Khách hàng của chúng tôi, điện thoại (028) 38 100 888, bấm phím số 1.*



# **QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM AN THỊNH ĐẦU TƯ**

*(Theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo công văn số 4945/BTC-QLBH ngày 15/04/2015, công văn số 14107/BTC-QLBH ngày 06/10/2016 chỉnh sửa bổ sung theo công văn số 623/BTC-QLBH ngày 16/01/2020 và công văn số 1785/BTC-QLBH ngày 24/02/2022)*

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CHƯƠNG 1: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG</b> .....                                                    | <b>3</b>  |
| Điều 1: ĐỊNH NGHĨA .....                                                                         | 3         |
| Điều 2: THỦ TỤC THAM GIA BẢO HIỂM .....                                                          | 6         |
| Điều 3: BẢO HIỂM TẠM THỜI.....                                                                   | 6         |
| Điều 4: THỜI HẠN XEM XÉT LẠI .....                                                               | 7         |
| Điều 5: CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ .....                                                              | 7         |
| Điều 6: TRƯỜNG HỢP KÊ KHAI NHẦM TUỔI VÀ GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM .                      | 9         |
| Điều 7: THAY ĐỔI THÔNG TIN LIÊN HỆ, NƠI CƯ TRÚ VÀ NGHỀ NGHIỆP/ VIỆC LÀM .....                    | 10        |
| Điều 8: THAY ĐỔI TRONG TRƯỜNG HỢP BÊN MUA BẢO HIỂM TỬ VONG .....                                 | 10        |
| Điều 9: TRƯỜNG HỢP PHÁ SẢN, GIẢI THỂ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM .....                                  | 10        |
| Điều 10: CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM.....                                                    | 11        |
| Điều 11: PHÍ BẢO HIỂM VÀ NGHĨA VỤ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM.....                                         | 11        |
| Điều 12: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG TRONG HAI NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN.....                              | 11        |
| Điều 13: THỜI GIAN GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM VÀ MẤT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG .....                      | 12        |
| Điều 14: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM .....                                                        | 12        |
| Điều 15: CHỈ ĐỊNH VÀ THAY ĐỔI NGƯỜI THỤ HƯỞNG .....                                              | 12        |
| <b>CHƯƠNG 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b> .....                                      | <b>13</b> |
| Điều 16: QUYỀN LỢI TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TỬ VONG .....                            | 13        |
| Điều 17: QUYỀN LỢI TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM BỊ THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN ..... | 14        |
| Điều 18: GIỚI HẠN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM ĐỐI VỚI TRẺ EM.....                                      | 14        |
| Điều 19: QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN HỢP ĐỒNG .....                                                    | 15        |
| Điều 20: QUYỀN LỢI THƯỜNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG.....                                                  | 15        |

|                                                                               |    |
|-------------------------------------------------------------------------------|----|
| Điều 21: CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM.....                    | 15 |
| CHƯƠNG 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ ĐẦU TƯ.....                                       | 17 |
| Điều 22: QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ.....                                             | 17 |
| Điều 23: ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ .....                                            | 17 |
| Điều 24: MUA VÀ BÁN CÁC ĐƠN VỊ QUỸ.....                                       | 18 |
| Điều 25: MỘT SỐ TÌNH HUỐNG BẤT KHẢ KHÁNG .....                                | 18 |
| CHƯƠNG 4: CÁC KHOẢN CHI PHÍ BẢO HIỂM.....                                     | 18 |
| Điều 26: CHI PHÍ BAN ĐẦU.....                                                 | 18 |
| Điều 27: CHI PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO.....                                         | 18 |
| Điều 28: CHI PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG .....                                       | 19 |
| Điều 29: CHI PHÍ CHUYỂN ĐỔI QUỸ .....                                         | 19 |
| Điều 30: CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ .....                                            | 19 |
| Điều 31: CHI PHÍ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM .....                               | 19 |
| Điều 32: CHI PHÍ RÚT MỘT PHẦN GIÁ TRỊ QUỸ HỢP ĐỒNG .....                      | 19 |
| CHƯƠNG 5: GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM .....                                 | 19 |
| Điều 33: GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM.....                                   | 19 |
| Điều 34: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....                                           | 20 |
| PHỤ LỤC 1 - CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ DO DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM THÀNH LẬP ..... | 21 |
| PHỤ LỤC 2 – CHI TIẾT CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM.....                      | 22 |
| PHỤ LỤC 3 – CÁC LOẠI CHI PHÍ.....                                             | 25 |

## CHƯƠNG 1: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Sản phẩm Bảo hiểm liên kết đơn vị cung cấp quyền lợi đầu tư và bảo vệ dài hạn trong cùng Hợp đồng bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn các Quỹ liên kết đơn vị do Dai-ichi Life Việt Nam thành lập và đầu tư phí bảo hiểm để mua các Đơn vị quỹ của các Quỹ liên kết đơn vị này. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn.

### **Điều 1: ĐỊNH NGHĨA**

Các từ ngữ, thuật ngữ dùng trong Quy tắc và Điều khoản dưới đây được thống nhất hiểu và giải thích như sau:

- 1.1 Dai-ichi Life Việt Nam:** là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.
- 1.2 Hợp đồng bảo hiểm:** là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và Dai-ichi Life Việt Nam, bao gồm Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm; Giấy chứng nhận bảo hiểm; Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này; Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung và các thỏa thuận bằng văn bản khác của hai bên (nếu có) trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.3 Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm:** bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm, giấy xác nhận và bất cứ thông tin nào bằng văn bản có liên quan đến việc yêu cầu tham gia Hợp đồng bảo hiểm do đích thân hoặc do đại diện hợp pháp của Bên mua bảo hiểm ký tên và cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam.
- 1.4 Giấy chứng nhận bảo hiểm:** là bảng liệt kê các chi tiết của Hợp đồng bảo hiểm và là bằng chứng của việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.5 Bên mua bảo hiểm:** là cá nhân hoặc tổ chức tham gia bảo hiểm, ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm là cá nhân: phải đủ 18 tuổi trở lên, hiện đang cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, là người cung cấp thông tin và ký tên trên Giấy yêu cầu bảo hiểm.

Nếu Bên mua bảo hiểm là tổ chức: phải được đăng ký, thành lập và đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- 1.6 Người được bảo hiểm:** là cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam, được Dai-ichi Life Việt Nam đồng ý bảo hiểm theo các quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

Người được bảo hiểm phải nằm trong độ tuổi có thể tham gia bảo hiểm. Theo Quy tắc và Điều khoản này, độ tuổi có thể tham gia bảo hiểm là từ 0 (không) đến 65 (sáu mươi lăm) tuổi tính theo tuổi sinh nhật vừa qua.
- 1.7 Người thụ hưởng:** là cá nhân, hoặc tổ chức được Bên mua bảo hiểm chỉ định nhận toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm này theo thứ tự ưu tiên nhận quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 33.1. Người thụ hưởng được ghi tên trong Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm và các thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 1.8 Tuổi bảo hiểm:** là tuổi của Người được bảo hiểm vào sinh nhật vừa qua. Tuổi bảo hiểm được dùng làm cơ sở tính phí bảo hiểm, chi trả quyền lợi bảo hiểm và áp dụng các Quy tắc và Điều khoản có liên quan khác của Hợp đồng bảo hiểm. Tất cả các từ “tuổi” sử dụng trong Hợp đồng bảo hiểm này đều được hiểu là “Tuổi bảo hiểm”.
- 1.9 Ngày hợp đồng bắt đầu hiệu lực:** là ngày Dai-ichi Life Việt Nam quyết định chấp thuận bảo hiểm và ngày này được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm vẫn còn sống vào thời điểm Dai-ichi Life Việt Nam cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.



Gắn bó dài lâu.

- 1.10 Ngày kỷ niệm năm hợp đồng:** là ngày lặp lại hàng năm của Ngày hợp đồng bắt đầu hiệu lực. Nếu năm không có ngày này, ngày cuối tháng tương ứng sẽ là Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.
- 1.11 Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng:** là ngày lặp lại mỗi tháng của Ngày hợp đồng bắt đầu hiệu lực. Nếu tháng không có ngày này, ngày cuối tháng sẽ là Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng.
- 1.12 Ngày đáo hạn hợp đồng:** là ngày cuối cùng của thời hạn bảo hiểm được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm nếu hợp đồng vẫn còn hiệu lực vào thời điểm đó. Đối với Quy tắc và Điều khoản hợp đồng bảo hiểm này, Ngày đáo hạn hợp đồng là Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 99.
- 1.13 Ngày đến hạn nộp phí:** là ngày đến hạn nộp phí bảo hiểm theo định kỳ nộp phí được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 1.14 Năm hợp đồng:** là khoảng thời gian một năm tính từ ngày Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực cho đến Ngày kỷ niệm năm hợp đồng đầu tiên hoặc bất kỳ năm tiếp theo nào tính từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng gần nhất cho đến Ngày kỷ niệm năm hợp đồng tiếp theo.
- 1.15 Năm hợp đồng hiện hành:** là năm hợp đồng mà một sự kiện hoặc một giao dịch bảo hiểm xảy ra theo Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.
- 1.16 Năm phí bảo hiểm:** là năm mà Phí bảo hiểm cơ bản đã được đóng đủ.
- 1.17 Quỹ liên kết đơn vị:** viết tắt là Quỹ, là (các) Quỹ liên kết đầu tư do Dai-ichi Life Việt Nam thiết lập tại từng thời điểm.
- 1.18 Đơn vị quỹ:** là tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 1.19 Giá đơn vị quỹ:** là giá một Đơn vị quỹ của Quỹ khi Dai-ichi Life Việt Nam mua của Bên mua bảo hiểm hoặc bán cho Bên mua bảo hiểm. Với sản phẩm này, giá mua sẽ bằng giá bán.
- 1.20 Ngày định giá:** là ngày Dai-ichi Life Việt Nam tiến hành xác định giá của các Đơn vị quỹ của Quỹ theo định kỳ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định.
- 1.21 Ngày định giá tiếp theo:** là ngày định giá ngay sau ngày (các) yêu cầu của Bên mua bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận hoặc (các) giao dịch có liên quan đến việc mua hoặc bán các Đơn vị quỹ của Bên mua bảo hiểm.
- 1.22 Giá trị quỹ:** là giá trị của một Quỹ được tính bằng số lượng Đơn vị quỹ hiện hữu của Quỹ nhân với Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá tiếp theo.
- 1.23 Giá trị quỹ hợp đồng:** là tổng Giá trị quỹ của (các) Quỹ liên kết đơn vị của Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.24 Số tiền bảo hiểm:** là số tiền mà Dai-ichi Life Việt Nam nhận bảo hiểm và được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận bằng văn bản khác (nếu có), tương ứng với quyền lợi bảo hiểm theo các điều kiện quy định trong Hợp đồng bảo hiểm này. Số tiền bảo hiểm không được thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu và phí bảo hiểm tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; và không thấp hơn 05 (năm) lần của Phí bảo hiểm cơ bản đóng hàng năm.
- 1.25 Phí bảo hiểm cơ bản:** là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản được xác định phụ thuộc vào Số tiền bảo hiểm, tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và không được thấp hơn Phí bảo hiểm cơ bản tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm.
- 1.26 Phí bảo hiểm đóng thêm:** ngoài phần Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm phí bảo hiểm để mua các Đơn vị quỹ; khoản phí này gọi là Phí bảo hiểm đóng thêm.

- 1.27 Phí bảo hiểm được phân bổ:** là phần phí bảo hiểm được đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị để mua Đơn vị quỹ, sau khi đã trừ đi Chi phí ban đầu.
- 1.28 Tỷ lệ đầu tư:** là tỷ lệ Phí bảo hiểm được phân bổ đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị theo yêu cầu bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm. Tỷ lệ đầu tư được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận bằng văn bản khác (nếu có).
- 1.29 Chi phí ban đầu:** là khoản tiền được khấu trừ theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định trước khi Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Quỹ liên kết đơn vị.
- 1.30 Chi phí quản lý quỹ:** là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị.
- 1.31 Chi phí chuyển đổi quỹ:** là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải trả cho Dai-ichi Life Việt Nam khi có yêu cầu chuyển đổi Quỹ.
- 1.32 Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng:** là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng.
- 1.33 Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm:** là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- 1.34 Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản hợp đồng sản phẩm bảo hiểm này. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro được điều chỉnh theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm và tương ứng với Số tiền bảo hiểm.
- 1.35 Chi phí quản lý hợp đồng:** là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.
- 1.36 Khoản khấu trừ hàng tháng:** là khoản tiền bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.
- 1.37 Khoản nợ:** là các khoản phí, chi phí đến hạn và các khoản khác mà Bên mua bảo hiểm nợ Dai-ichi Life Việt Nam theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm này.
- 1.38 Giá trị hoàn lại:** bằng Giá trị quỹ hợp đồng trừ đi Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. Giá trị hoàn lại được tính toán theo phương thức đã được đăng ký với Bộ Tài chính.
- 1.39 Giá trị tiền mặt thực trả:** bằng Giá trị hoàn lại trừ đi các Khoản nợ (nếu có).
- 1.40 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** nghĩa là khi:
- Người được bảo hiểm bị thương tật, do tai nạn hoặc bệnh tật, làm mất hoặc liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:
    - Hai tay; hoặc hai chân; hoặc hai mắt; hoặc
    - Một tay và một chân; hoặc một tay và thị lực một mắt; hoặc một chân và thị lực một mắt.
 Trường hợp liệt phải đạt tỷ lệ trên 80% theo Bảng quy định tiêu chuẩn thương tật do cơ quan có thẩm quyền ban hành có hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.  
Hoặc:
  - Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn (do tai nạn hoặc bệnh tật) đạt tỷ lệ trên 80% theo Bảng quy định tiêu chuẩn thương tật do cơ quan có thẩm quyền ban hành có hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Gắn bó dài lâu.

- 1.41 Tai nạn:** là một hoặc một chuỗi sự kiện khách quan xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài lên cơ thể Người được bảo hiểm và gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm. Các sự kiện này chỉ được xem là tai nạn theo định nghĩa của Hợp đồng này, nếu hội đủ các điều kiện sau:
- Xảy ra do ngoài sự tiên liệu, kiểm soát cũng như ý muốn của Người được bảo hiểm;
  - Phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm;
  - Không phải là những tổn thương thân thể do: đau ốm; bệnh tật; nhiễm các loại vi khuẩn hoặc vi-rút; ngộ độc; sử dụng trái phép các loại thuốc hoặc chất gây nghiện bất kỳ.
- 1.42 Nghề nghiệp/Việc làm:** là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm.

## **Điều 2: THỦ TỤC THAM GIA BẢO HIỂM**

- 2.1** Khi yêu cầu tham gia bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực và trực tiếp ký tên vào Giấy yêu cầu bảo hiểm, đính kèm các giấy tờ nhân thân hoặc giấy phép hoạt động (nếu là tổ chức) và đóng khoản phí bảo hiểm đầu tiên theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- 2.2** Để Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận, Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm.
- Theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này, Bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm với:
- Bản thân Bên mua bảo hiểm;
  - Vợ, chồng, con, cha, mẹ hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
  - Anh, chị, em ruột; người có quan hệ nuôi dưỡng và giám hộ hợp pháp;
  - Cháu ruột của Bên mua bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; và
  - Người khác, nếu Bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 2.3** Nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi và Bên mua bảo hiểm không phải là cha, mẹ hay Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm thì phải có văn bản đồng ý của cha, hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm.
- Nếu Người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên và không là Bên mua bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm phải được sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm.
- 2.4** Nếu chấp nhận bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ phát hành Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực kể từ ngày ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Nếu Người được bảo hiểm không được Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng.

## **Điều 3: BẢO HIỂM TẠM THỜI**

- 3.1** Trong thời hạn bảo hiểm tạm thời, nếu Người được bảo hiểm của sản phẩm chính tử vong do tai nạn, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả giá trị nào nhỏ hơn của:
- 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tính trên mỗi Người được bảo hiểm của sản phẩm chính; hoặc
  - (tổng) Số tiền bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm chính của (các) Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm mới tại thời điểm tham gia bảo hiểm, tính trên mỗi Người được bảo hiểm của sản phẩm chính.

- 3.2** Thời hạn bảo hiểm tạm thời nêu trên sẽ bắt đầu sau khi Dai-ichi Life Việt Nam đóng dấu xác nhận đã nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hợp lệ và đã thu phí bảo hiểm đầu tiên. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ chấm dứt vào ngày Dai-ichi Life Việt Nam cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc tạm hoãn hoặc từ chối bảo hiểm.
- 3.3** Trong trường hợp quyền lợi bảo hiểm tạm thời này được chi trả, phí bảo hiểm đầu tiên sẽ không được hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm lớn hơn 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thì quyền lợi bảo hiểm tạm thời sẽ bằng tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi.
- 3.4** Quyền lợi bảo hiểm tạm thời nêu trên sẽ không được chi trả nếu Người được bảo hiểm tử vong do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra, dù trực tiếp hay gián tiếp:
- Tự tử, dù trong trạng thái tinh tảo hay mất trí; hoặc
  - Sử dụng chất ma túy, chất kích thích, chất gây nghiện hoặc các thức uống có cồn vi phạm pháp luật hiện hành; hoặc
  - Các hành vi vi phạm pháp luật do cố ý của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm hoặc của Người thụ hưởng; hoặc
  - Sự kiện tai nạn dẫn đến tử vong của Người được bảo hiểm xảy ra trước khi thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu.

Trong trường hợp này, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ hoàn lại toàn bộ phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không tính lãi, cho Bên mua bảo hiểm.

#### **Điều 4: THỜI HẠN XEM XÉT LẠI**

Trong thời hạn 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày khách hàng nhận được Hợp đồng bảo hiểm và với điều kiện chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Trong thời gian này, nếu Bên mua bảo hiểm trả lại Hợp đồng bảo hiểm cho Dai-ichi Life Việt Nam cùng với văn bản yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ hoàn trả lại phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã đóng, không tính lãi, sau khi khấu trừ chi phí khám, xét nghiệm y khoa liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

#### **Điều 5: CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ**

##### **5.1 Quyền của Bên mua bảo hiểm:**

- Đầu tư thêm;
- Thay đổi Tỷ lệ đầu tư;
- Chuyển đổi Quỹ;
- Thay đổi Số tiền bảo hiểm;
- Tham gia thêm các sản phẩm bổ sung;
- Linh hoạt đóng phí;
- Rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng;
- Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm;
- Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn.

Nội dung các quyền này được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**5.2 Nghĩa vụ cung cấp thông tin của Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm:**

Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp trung thực, đầy đủ và chính xác tất cả những thông tin theo yêu cầu và quy định của Dai-ichi Life Việt Nam để làm cơ sở cho việc giao kết khi bắt đầu tham gia bảo hiểm, khi thay đổi Số tiền bảo hiểm hay khi tham gia thêm sản phẩm bổ sung hoặc khi khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm.

Tùy theo từng trường hợp, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền yêu cầu thăm định sức khỏe của Người được bảo hiểm. Tuy nhiên, việc thăm định sức khỏe (nếu có) không thay thế cho nghĩa vụ phải cung cấp thông tin đầy đủ và trung thực của Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm theo quy định của Điều này.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này hoặc cố ý kê khai không trung thực bất cứ thông tin nào làm ảnh hưởng đến quyết định của Dai-ichi Life Việt Nam về việc chấp thuận bảo hiểm, hoặc chấp thuận tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng và thu các Khoản nợ (nếu có).

Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm hay hoàn trả bất cứ khoản phí bảo hiểm nào mà Bên mua bảo hiểm đã đóng. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chỉ trả Giá trị tiền mặt thực trả tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt.

**5.3 Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu của Đạo luật thuế đối với các chủ tài khoản nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Đạo luật FATCA):**

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/ Người thụ hưởng thuộc đối tượng chịu thuế theo yêu cầu của Đạo luật FATCA, Bên mua bảo hiểm đồng ý và cam kết cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin sau đây cho Dai-ichi Life Việt Nam tại thời điểm giao kết hợp đồng và cập nhật thay đổi (nếu có) trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm:

- a. Số hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc giấy tờ chứng minh Bên mua bảo hiểm/ Người thụ hưởng là công dân Hoa Kỳ hoặc được phép cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ;
- b. Mã số thuế tại Hoa Kỳ;
- c. Nơi sinh, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ;
- d. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ hộp thư tại Hoa Kỳ.

Dai-ichi Life Việt Nam được phép cung cấp các thông tin nêu trên và thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm (số Hợp đồng bảo hiểm, Giá trị quỹ hợp đồng hoặc Giá trị tiền mặt thực trả của Hợp đồng bảo hiểm tính đến thời điểm cung cấp thông tin) cho Cơ quan Quản lý Thuế vụ Hoa Kỳ, phù hợp với nghĩa vụ của người phải khai báo hoặc nộp thuế tại Hoa Kỳ.

**5.4 Nghĩa vụ cung cấp thông tin của Dai-ichi Life Việt Nam:**

Khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, giải thích đầy đủ các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

Trường hợp Dai-ichi Life Việt Nam cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm; Dai-ichi Life Việt Nam phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.



Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được các báo cáo thường niên liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, các Quỹ liên kết đơn vị và các thông tin khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

#### 5.5 Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của Dai-ichi Life Việt Nam:

Dai-ichi Life Việt Nam không được chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:

- a. Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn.
- b. Các trường hợp khác được Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:
  - Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm phải được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
  - Việc Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài điểm a thuộc Điều này không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết hợp đồng.

#### **Điều 6: TRƯỜNG HỢP KÊ KHAI NHẦM TUỔI VÀ GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai tuổi và/ hoặc giới tính của Người được bảo hiểm thì có thể điều chỉnh theo các nguyên tắc như sau:

- 6.1 Nếu việc kê khai nhầm tuổi và/ hoặc giới tính dẫn đến Phí bảo hiểm cơ bản phải đóng lớn hơn Phí bảo hiểm cơ bản quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm và các thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm (nếu có), Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng theo độ tuổi và/ hoặc giới tính đúng và Phí bảo hiểm cơ bản đã đóng.
- 6.2 Nếu việc kê khai nhầm tuổi và/ hoặc giới tính dẫn đến Phí bảo hiểm cơ bản phải đóng ít hơn Phí bảo hiểm cơ bản quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm và các thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm (nếu có); Phí bảo hiểm cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm theo độ tuổi và/ hoặc giới tính đúng và tương ứng với Số tiền bảo hiểm.
- 6.3 Nếu theo tuổi và/ hoặc giới tính đúng, Người được bảo hiểm không được Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này, Hợp đồng bảo hiểm sẽ được hủy bỏ. Trong trường hợp này, các nghĩa vụ bảo hiểm liên quan của Dai-ichi Life Việt Nam cũng sẽ chấm dứt, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm:
  - Giá trị quỹ hợp đồng tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm; và
  - Chi phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản và của Phí đóng thêm (nếu có); và
  - Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng;

Trừ đi:

- Các chi phí xét nghiệm y khoa (nếu có); và
- Các Khoản nợ (nếu có); và
- Các khoản giảm trừ phí (nếu có).

**Điều 7: THAY ĐỔI THÔNG TIN LIÊN HỆ, NƠI CƯ TRÚ VÀ NGHỀ NGHIỆP/ VIỆC LÀM**

- 7.1** Nếu Bên mua bảo hiểm và/ hoặc Người được bảo hiểm thay đổi địa chỉ liên hệ, họ tên, hoặc Chứng minh nhân dân, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thay đổi.
- 7.2** Nếu Người được bảo hiểm ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong thời gian từ 03 (ba) tháng trở lên hoặc thay đổi Nghề nghiệp/ Việc làm, Bên mua bảo hiểm cần phải thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam ngay khi có sự thay đổi Nghề nghiệp/ Việc làm hoặc tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày Người được bảo hiểm xuất cảnh. Trong trường hợp này, Dai-ichi Life Việt Nam có toàn quyền quyết định tiếp tục thực hiện Quyền lợi bảo hiểm cho Người được bảo hiểm tương ứng với các điều kiện không thay đổi; hoặc thay đổi Chi phí bảo hiểm rủi ro và/ hoặc Phí bảo hiểm cơ bản; hoặc loại trừ bảo hiểm theo những điều kiện riêng do Dai-ichi Life Việt Nam quyết định; hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Nếu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ trả lại Bên mua bảo hiểm Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.
- 7.3** Nếu Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thông báo về việc Người được bảo hiểm thay đổi Nghề nghiệp/ Việc làm hoặc ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều 7.2 nói trên, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm. Trường hợp từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm và chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ trả lại Bên mua bảo hiểm Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 8: THAY ĐỔI TRONG TRƯỜNG HỢP BÊN MUA BẢO HIỂM TỬ VONG**

- 8.1** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm tử vong, nhưng Người được bảo hiểm còn sống, thì người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm sẽ thừa kế toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật về thừa kế.
- 8.2** Nếu có từ hai người thừa kế hợp pháp trở lên thì tất cả những người thừa kế sẽ phải thỏa thuận chỉ định bằng văn bản cho một người hội đủ điều kiện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới. Bên mua bảo hiểm mới này phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm theo quy định tại Điều 2.2.
- 8.3** Nếu (những) người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm không muốn tiếp tục thực hiện Hợp đồng bảo hiểm thì phải thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong. Trong trường hợp này, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực và Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) cho Người đại diện được (những) người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm chỉ định.
- 8.4** Dai-ichi Life Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ, và tranh chấp liên quan đến việc chỉ định Bên mua bảo hiểm mới của (những) Người thừa kế.

**Điều 9: TRƯỜNG HỢP PHÁ SẴN, GIẢI THỂ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM**

Trường hợp Bên mua bảo hiểm là một tổ chức và tổ chức này giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực mà chưa được chuyển nhượng, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm cho Người nhận quyền lợi bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 10: CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam. Người nhận chuyển nhượng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm theo quy định tại Điều 2.2. Việc chuyển nhượng phải có sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc cha, mẹ hay Người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm dưới 18 (mười tám) tuổi, và chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

Sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực:

- Mọi quyền lợi và nghĩa vụ trong Hợp đồng bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm trước đó sẽ chấm dứt;
- Người nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm và có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ đối với Hợp đồng bảo hiểm;
- (Những) Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm trước đó chỉ định sẽ tự động bị hủy bỏ.

Dai-ichi Life Việt Nam không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng này.

**Điều 11: PHÍ BẢO HIỂM VÀ NGHĨA VỤ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM**

Phí bảo hiểm cơ bản được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung (nếu có). Bên mua bảo hiểm sẽ chịu các khoản thuế trên phí bảo hiểm và thuế phát hành Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

Các khoản tiền Bên mua bảo hiểm nộp vào sẽ được đóng cho Phí bảo hiểm cơ bản chưa đóng cho đến Năm hợp đồng hiện hành. Phần tiền dư ra sau khi đã đóng cho tất cả các Năm phí bảo hiểm nêu trên sẽ được coi là Phí bảo hiểm đóng thêm cho Năm hợp đồng hiện hành.

Phí bảo hiểm khi đóng vào sẽ được phân bổ như sau:

- Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính khi đóng vào sẽ được phân bổ theo tỷ lệ phân bổ Phí bảo hiểm như sau:

| Năm phí bảo hiểm       | Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm cơ bản | Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm đóng thêm |
|------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1                      | 25%                                       | 95%                                          |
| 2                      | 45%                                       | 95%                                          |
| 3                      | 70%                                       | 95%                                          |
| 4                      | 80%                                       | 95%                                          |
| Kể từ năm thứ 5 trở đi | 97%                                       | 95%                                          |

- Phần phí bảo hiểm được phân bổ sẽ đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị đang có hiệu lực theo Tỷ lệ đầu tư do Bên mua bảo hiểm chỉ định; và sẽ được dùng để mua các Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá tiếp theo.

Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn và đảm bảo Giá trị quỹ hợp đồng không được thấp hơn Khoản khấu trừ hàng tháng cộng các Khoản nợ (nếu có), ngay cả khi không nhận được thư thông báo của Dai-ichi Life Việt Nam về việc đóng phí bảo hiểm.

**Điều 12: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG TRONG HAI NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN**

Trong 02 (hai) Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ được duy trì hiệu lực, cho dù Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để trả Khoản khấu trừ hàng tháng cộng các Khoản nợ (nếu có); với điều kiện Bên mua bảo hiểm nộp đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm đến hạn.



Gắn bó dài lâu.

Các Khoản khấu trừ hàng tháng còn thiếu trong giai đoạn 02 (hai) Năm hợp đồng đầu tiên của Hợp đồng bảo hiểm sẽ trở thành Khoản nợ của Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ từ Giá trị quỹ hợp đồng.

### **Điều 13: THỜI GIAN GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM VÀ MẤT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

**13.1** Thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm là 60 (sáu mươi) ngày và sẽ bắt đầu kể từ:

- a. Ngày đến hạn nộp phí trong 04 (bốn) Năm hợp đồng đầu tiên nếu Bên mua bảo hiểm không nộp đủ Phí bảo hiểm cơ bản khi đến hạn; hoặc
- b. Ngày Giá trị quỹ hợp đồng nhỏ hơn tổng Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có), từ Năm hợp đồng thứ 03 (ba) của Hợp đồng bảo hiểm trở đi.

Trong Thời gian gia hạn đóng phí, Hợp đồng bảo hiểm vẫn duy trì hiệu lực.

**13.2** Ngay sau khi kết thúc Thời gian gia hạn đóng phí, nếu Bên mua bảo hiểm vẫn không thanh toán phí bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực.

**13.3** Sau khi Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chuyển các Đơn vị quỹ còn lại (nếu có), sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có), của Hợp đồng bảo hiểm thành tiền vào Ngày định giá tiếp theo ngay sau khi kết thúc Thời gian gia hạn đóng phí và lưu tại Dai-ichi Life Việt Nam, không tính lãi suất.

**13.4** Nếu Bên mua bảo hiểm có yêu cầu rút hết số tiền như quy định tại Điều 13.3 vào bất cứ thời điểm nào sau khi Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực; và khi đó Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực.

### **Điều 14: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt nếu một trong các sự kiện sau xảy ra:

- a. Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Phụ lục 2; hoặc
- b. Hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực quá thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực theo quy định tại Điều 13; hoặc
- c. Ngay Ngày đáo hạn hợp đồng; hoặc
- d. Người được bảo hiểm của sản phẩm chính tử vong; hoặc
- e. Quyền lợi khi Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn theo quy định tại Điều 17 được chấp nhận chi trả; hoặc
- f. Do những nguyên nhân khác được quy định cụ thể tại các Điều hoặc Khoản khác trong Hợp đồng bảo hiểm này; hoặc
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15: CHỈ ĐỊNH VÀ THAY ĐỔI NGƯỜI THỤ HƯỞNG**

**15.1** Bên mua bảo hiểm có quyền chỉ định một hoặc nhiều Người thụ hưởng để nhận toàn bộ hay một phần quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm này. Bên mua bảo hiểm có thể quy định cụ thể tỷ lệ thụ hưởng mà mỗi Người thụ hưởng được hưởng. Nếu Bên mua bảo hiểm không quy định cụ thể thì tất cả những Người thụ hưởng sẽ nhận một tỷ lệ bằng nhau.

**15.2** Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu Dai-ichi Life Việt Nam thay đổi Người thụ hưởng hoặc tỷ lệ thụ hưởng của Người thụ hưởng vào bất cứ lúc nào. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

**15.3** Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc chỉ định hay thay đổi Người thụ hưởng.

## **CHƯƠNG 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

### **Điều 16: QUYỀN LỢI TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TỬ VONG**

#### **16.1 Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong:**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả:

- Số tiền bảo hiểm; và
- Giá trị quỹ hợp đồng tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 33; và
- Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính và sản phẩm bổ sung (nếu có) đã bị khấu trừ từ ngày Người được bảo hiểm tử vong đến ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 33; và
- Các quyền lợi bảo hiểm phải trả của sản phẩm bổ sung (nếu có).

Trừ đi:

- Quyền lợi Chu toàn hậu sự đã được chi trả; và
- Các Khoản nợ (nếu có).

Trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong trước khi tròn 05 (năm) tuổi, Số tiền bảo hiểm sẽ được chi trả theo quy định tại Điều 18.

#### **16.2 Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn:**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong khoảng thời gian từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 05 (năm) tuổi đến trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 65 (sáu mươi lăm) tuổi, ngoài quyền lợi bảo hiểm được chi trả như quy định tại Điều 16.1, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả thêm số tiền nào nhỏ hơn của 1 tỷ đồng hoặc 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này.

#### **16.3 Quyền lợi Chu toàn hậu sự:**

Ngay khi Người nhận quyền lợi bảo hiểm nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đối với trường hợp Người được bảo hiểm của sản phẩm này tử vong theo quy định tại Điều này, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ ứng trước 10% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này và không vượt quá 30 (ba mươi) triệu đồng Việt Nam tính trên mỗi Người được bảo hiểm của tất cả các hợp đồng sản phẩm chính; nếu thỏa các điều kiện sau:

- Sự kiện tử vong xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và sau 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm này hoặc ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và
- Nguyên nhân tử vong ghi trên giấy chứng tử của Người được bảo hiểm không nằm trong những loại trừ bảo hiểm theo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong trước khi tròn 05 (năm) tuổi, 10% Số tiền bảo hiểm sẽ được chi trả theo giới hạn quy định tại Điều 18.

Gắn bó dài lâu.

Quyền lợi Chu toàn hậu sự sẽ không bị tính phí hoặc lãi.

Khi quyền lợi Chu toàn hậu sự đã được chi trả, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ khấu trừ số tiền này khi chi trả (tổng) quyền lợi bảo hiểm tử vong của (các) Hợp đồng bảo hiểm của Người được bảo hiểm sản phẩm chính này sau khi có quyết định chính thức về giải quyết yêu cầu bồi thường.

Trong trường hợp số tiền thực trả của (tổng) quyền lợi tử vong của (các) Hợp đồng bảo hiểm theo quyết định giải quyết quyền lợi bảo hiểm hoặc từ chối thanh toán quyền lợi tử vong của Dai-ichi Life Việt Nam nhỏ hơn quyền lợi Chu toàn hậu sự, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không thu hồi khoản chênh lệch giữa hai quyền lợi này.

## **Điều 17: QUYỀN LỢI TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM BỊ THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm được xác nhận Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn theo quy định tại Điều 1.40 trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi đạt tuổi 65 (sáu mươi lăm), Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có); tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 33.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi tròn 05 (năm) tuổi, Số tiền bảo hiểm sẽ được chi trả theo quy định tại Điều 18.

Để yêu cầu giải quyết quyền lợi Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, Người được bảo hiểm phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn. Việc xác nhận này phải được thực hiện không sớm hơn 06 (sáu) tháng và không muộn hơn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn tay hoặc chân hoặc mắt theo quy định tại Điều 1.40, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm với điều kiện Người được bảo hiểm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận là bị mất hoàn toàn tay hoặc chân hoặc mắt. Việc xác nhận này có thể thực hiện sớm hơn 06 (sáu) tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn.

Khi xét thấy cần thiết, chuyên viên y tế do Dai-ichi Life Việt Nam chỉ định có quyền tiến hành kiểm tra sức khỏe của Người được bảo hiểm để xác định mức độ thương tật.

## **Điều 18: GIỚI HẠN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM ĐỐI VỚI TRẺ EM**

Nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc được xác nhận Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi tròn 05 (năm) tuổi và Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực; với Số tiền bảo hiểm chi trả, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm tương ứng theo tuổi vào thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn theo Bảng tỷ lệ % Số tiền bảo hiểm chi trả dưới đây:

| Tuổi vào thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn | Quyền lợi bảo hiểm được chi trả (% của Số tiền bảo hiểm) |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 0                                                                                   | 10%                                                      |
| 1                                                                                   | 20%                                                      |
| 2                                                                                   | 30%                                                      |
| 3                                                                                   | 40%                                                      |
| 4                                                                                   | 50%                                                      |

**Điều 19: QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN HỢP ĐỒNG**

Vào Ngày đáo hạn của hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng sau khi đã trừ đi các Khoản nợ (nếu có) tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau Ngày đáo hạn hợp đồng.

**Điều 20: QUYỀN LỢI THUỞNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 03 (năm) liền kề trước đó, Hợp đồng bảo hiểm sẽ được thưởng một khoản tiền gọi là Thuởng duy trì hợp đồng bằng 3% của Giá trị quỹ hợp đồng vào ngày cuối cùng các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15, 18 và 21 của Hợp đồng bảo hiểm.

Khoản Thuởng duy trì hợp đồng sẽ phân bổ vào các Quỹ liên kết đơn vị theo tỷ lệ tương ứng căn cứ vào giá trị của các Quỹ tại thời điểm thưởng và sẽ được tính ra Đơn vị quỹ theo Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày cuối cùng các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15, 18 và 21 của Hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 21: CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM****21.1 Loại trừ bảo hiểm đối với trường hợp tử vong:**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 16 của Quy tắc và Điều khoản này nếu Người được bảo hiểm tử vong do bất cứ nguyên nhân nào, dù trực tiếp hay gián tiếp sau đây gây ra:

- Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí, xảy ra trong vòng 02 (hai) năm kể từ Ngày hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm, tùy ngày nào xảy ra sau. Đối với khoản tăng Số tiền bảo hiểm, loại trừ do nguyên nhân tự tử sẽ được áp dụng với thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực, tùy ngày nào xảy ra sau; hoặc
- Nhiễm HIV, bị AIDS hay các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS; hoặc
- Sử dụng ma túy hoặc sử dụng trái phép các chất gây nghiện; hoặc
- Bị tử hình, tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị cơ quan chức năng bắt giữ hay vượt ngục; hoặc
- Các hành vi vi phạm pháp luật của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng

Trong các trường hợp nêu trên, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ trả lại Bên mua bảo hiểm:

- Giá trị quỹ hợp đồng tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Điều 33; và
- Chi phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản và của Phí đóng thêm (nếu có); và
- Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.

Trừ đi:

- Các chi phí xét nghiệm y khoa (nếu có); và
- Các Khoản nợ (nếu có); và
- Các khoản giảm trừ phí (nếu có).

**21.2 Loại trừ bảo hiểm đối với trường hợp tử vong do tai nạn:**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 16.2 của Quy tắc và Điều khoản này nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn do bất cứ nguyên nhân nào, dù trực tiếp hay gián tiếp sau đây gây ra:

- a. Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- b. Hành động cố ý hoặc có tính toán của Người thụ hưởng hay của Bên mua bảo hiểm hoặc của Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV, bị AIDS hay các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS; hoặc
- d. Tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị bắt giữ hay vượt ngục; hoặc
- e. Các vụ nổ hoặc phóng xạ do các vũ khí, trang thiết bị lắp đặt hạt nhân, nguyên tử hay hóa học; hoặc
- f. Trong lúc hoặc vì Người được bảo hiểm đang bị ảnh hưởng do sử dụng rượu bia hoặc do sử dụng trái phép các loại thuốc, các chất gây nghiện bất kỳ; hoặc
- g. Do tham gia các cuộc đua, các loại hình thể thao chuyên nghiệp hoặc các hoạt động dưới nước có sử dụng mặt nạ thở; hoặc
- h. Do bay hoặc tham gia các phương tiện hoạt động trên không trừ phi với vai trò hành khách có mua vé của một hãng hàng không dân dụng có giấy phép hoạt động và lịch trình bay.

**21.3 Loại trừ bảo hiểm đối với trường hợp Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:**

Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn theo quy định tại Điều 17 sẽ không được chi trả nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do bất cứ nguyên nhân nào, dù trực tiếp hay gián tiếp sau đây gây ra:

- a. Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn xảy ra trước Ngày hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất (nếu có); hoặc
- b. Hành động cố ý hoặc có tính toán của Người thụ hưởng hay của Bên mua bảo hiểm hoặc của Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị bắt giữ hay vượt ngục; hoặc
- d. Chấn thương do tham gia các cuộc đua, các loại hình thể thao chuyên nghiệp hoặc các hoạt động dưới nước có sử dụng mặt nạ thở; hoặc
- e. Chấn thương do bay hoặc tham gia các phương tiện hoạt động trên không trừ phi với vai trò hành khách có mua vé của một hãng hàng không dân dụng có giấy phép hoạt động và lịch trình bay; hoặc
- f. Nhiễm HIV, bị AIDS hay các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS.

Trong các trường hợp thuộc phạm vi các quy định loại trừ nêu trên:

- Nếu Bên mua bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hợp đồng, các quyền lợi bảo hiểm khác như quyền lợi bảo hiểm khi hợp đồng đáo hạn hoặc quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong không thuộc phạm vi loại trừ tương ứng sẽ vẫn được chi trả.
- Nếu Bên mua bảo hiểm không muốn tiếp tục duy trì hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ trả lại cho Bên mua bảo hiểm Giá trị tiền mặt thực trả tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra hành vi phạm tội đối với Người được bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam vẫn trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác theo tỷ lệ thụ hưởng tương ứng của những Người thụ hưởng này.



## CHƯƠNG 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ ĐẦU TƯ

### **Điều 22: QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

**22.1** Dai-ichi Life Việt Nam thiết lập các Quỹ liên kết đơn vị với mục tiêu và chính sách đầu tư của mỗi Quỹ được thể hiện tại Phụ lục 1. Mỗi Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều Đơn vị quỹ có giá trị ngang nhau. Giá trị của mỗi Đơn vị quỹ sẽ thay đổi từng thời điểm và tùy thuộc vào điều kiện thị trường.

Dai-ichi Life Việt Nam có toàn quyền quyết định việc đầu tư theo mục tiêu của Quỹ được quy định tại Phụ lục 1.

**22.2** Dai-ichi Life Việt Nam có thể thiết lập các Quỹ liên kết đơn vị mới bất kỳ lúc nào sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Quy tắc, Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được áp dụng cho (các) Quỹ mới trừ khi có quy định khác.

**22.3** Dai-ichi Life Việt Nam được phép sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

- a. Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng các mục tiêu đầu tư;
- b. Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- c. Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có giúp việc quản lý Quỹ được hiệu quả hơn;
- d. Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở/ trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- e. Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện các biện pháp (a), (b), (c) và (e) nêu trên, sau khi báo cáo Bộ Tài chính, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 03 (ba) ngày trước khi áp dụng.

### **Điều 23: ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ xác định Giá trị tài sản thuần và Giá trị quỹ cho mỗi Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá. Ngày định giá là ngày do Dai-ichi Life Việt Nam quy định, tối thiểu một tuần một lần hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giá trị tài sản thuần của một Quỹ sẽ phản ánh:

- a. Tất cả thu nhập, lãi (lỗ), thu được hoặc chưa thu được, bao gồm lãi và lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư của Quỹ;
- b. Tất cả chi phí phát sinh, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến các giao dịch đầu tư;
- c. Tất cả các khoản thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động đầu tư của Quỹ và quản lý tài sản của Quỹ;
- d. Phí quản lý Quỹ;

Giá đơn vị quỹ của một Quỹ liên kết đơn vị sẽ được xác định vào Ngày định giá bằng cách chia giá trị tài sản thuần của Quỹ cho tổng số Đơn vị quỹ hiện hữu vào Ngày định giá.



**Điều 24: MUA VÀ BÁN CÁC ĐƠN VỊ QUỸ**

**24.1** Số dư Đơn vị quỹ của Quỹ sẽ tăng giảm Đơn vị quỹ từ các nghiệp vụ mua mới hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:

Các trường hợp liên quan đến việc mua mới các Đơn vị quỹ:

- a. Nộp Phí bảo hiểm;
- b. Nhận khoản Thưởng duy trì hợp đồng;
- c. Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác.

Các trường hợp liên quan đến việc bán các Đơn vị quỹ:

- d. Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác;
- e. Trả Chi phí bảo hiểm rủi ro, Chi phí quản lý hợp đồng, các loại chi phí khác có liên quan đến Quỹ và các Khoản nợ;
- f. Thanh toán quyền lợi bảo hiểm;
- g. Rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng.

**24.2** Tất cả các giao dịch mua hoặc bán các Đơn vị quỹ đều sử dụng Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày các yêu cầu được chấp thuận hoặc các giao dịch có liên quan đến việc mua hoặc bán Đơn vị quỹ.

**Điều 25: MỘT SỐ TÌNH HUỐNG BẤT KHẢ KHÁNG**

Trong một số trường hợp bất khả kháng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền tạm ngưng hoặc hoãn định giá, mua hoặc bán các Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị. Những trường hợp này bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau:

- a. Việc đóng cửa hoặc tạm ngưng giao dịch của một sàn giao dịch chứng khoán chính;
- b. Một số tài sản mà Quỹ liên kết đơn vị đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- c. Các tình huống khác theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG 4: CÁC KHOẢN CHI PHÍ BẢO HIỂM**

Các loại chi phí liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm được quy định tại Phụ lục 3 có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Ít nhất 03 (ba) tháng trước khi thay đổi, Công ty sẽ thông báo và thỏa thuận bằng văn bản với Bên mua bảo hiểm.

**Điều 26: CHI PHÍ BAN ĐẦU**

Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ Phí bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**Điều 27: CHI PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, một số lượng Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được tự động bán đi theo giá của Ngày định giá tiếp theo ngay sau Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để trả Chi phí bảo hiểm rủi ro.

Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ thay đổi tùy theo tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm tại thời điểm khấu trừ. Tỷ lệ Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ trên giới tính, tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm và các nhóm tính phí khác.

**Điều 28: CHI PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, một số lượng Đơn vị quỹ của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được tự động bán đi theo giá của Ngày định giá tiếp theo để trả Chi phí quản lý hợp đồng.

Mức Chi phí quản lý hợp đồng cụ thể được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**Điều 29: CHI PHÍ CHUYỂN ĐỔI QUỸ**

Trong mỗi Năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Chi phí chuyển đổi quỹ cho một số lần chuyển đổi Quỹ nhất định được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

Từ lần chuyển đổi Quỹ vượt quá số lần chuyển đổi Quỹ miễn phí, Chi phí chuyển đổi quỹ sẽ được trừ đi từ số tiền thu được do bán các Đơn vị quỹ của Quỹ này trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ khác.

Mức Chi phí chuyển đổi quỹ cụ thể được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**Điều 30: CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ**

Chi phí quản lý Quỹ sẽ được khấu trừ trước khi Dai-ichi Life Việt Nam xác định Giá trị tài sản thuần của mỗi Quỹ vào mỗi Ngày định giá.

Chi phí quản lý Quỹ được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**Điều 31: CHI PHÍ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào Năm hợp đồng và là tỷ lệ phần trăm trên giá trị trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 (mười hai) tháng liền kề trước đó.

Mức phí cụ thể được quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

**Điều 32: CHI PHÍ RÚT MỘT PHẦN GIÁ TRỊ QUỸ HỢP ĐỒNG**

Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng sẽ được xác định theo tỷ lệ Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm quy định tại Phụ lục 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này tương ứng với tỷ lệ giữa khoản tiền rút ra so với Giá trị quỹ hợp đồng tại thời điểm rút.

**CHƯƠNG 5: GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM****Điều 33: GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM****33.1 Người nhận quyền lợi bảo hiểm:**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho những người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bên mua bảo hiểm; hoặc
- (Những) Người thụ hưởng; Trường hợp một Người thụ hưởng chết trước Người được bảo hiểm, những Người thụ hưởng còn lại sẽ có quyền đối với toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm theo tỷ lệ thụ hưởng tương ứng của những Người thụ hưởng này; hoặc
- (Những) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm.

Người nhận quyền lợi bảo hiểm có trách nhiệm đóng các khoản thuế, nếu có, liên quan đến việc nhận các khoản thanh toán của Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

**33.2 Thủ tục thông báo và Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:**

Nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm, người nhận quyền lợi bảo hiểm phải:

- Điền đầy đủ, chính xác và nộp cho Dai-ichi Life Việt Nam Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.
- Bảng chi phí của mình, cung cấp các thông tin và giấy tờ hồ sơ cần thiết theo yêu cầu của Dai-ichi Life Việt Nam để chứng minh:
  - Quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm như giấy ủy quyền, văn bản thỏa thuận phân chia (khai nhận) di sản thừa kế, Chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ xác nhận hợp pháp khác;
  - Bảng chứng về sự kiện bảo hiểm như giấy chứng tử, hồ sơ tai nạn của cơ quan cảnh sát điều tra (nếu yêu cầu giải quyết quyền lợi tử vong do tai nạn) và các giấy tờ khác được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền (tùy từng trường hợp).
- Nộp lại các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của Dai-ichi Life Việt Nam.

**33.3 Thời hạn nộp Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:**

Thời hạn nộp Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm.

**33.4 Thời hạn giải quyết Quyền lợi bảo hiểm:**

Thời hạn chi trả quyền lợi bảo hiểm là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ (kể cả yêu cầu bổ sung, nếu có). Nếu quá thời hạn trên, đối với các hồ sơ được chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm, khi thanh toán Dai-ichi Life Việt Nam sẽ phải trả thêm lãi của số tiền này theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tương đương với thời gian quá hạn do hội sở Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm chi trả.

Thời hạn chi trả quyền lợi Chu toàn hậu sự là trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi Dai-ichi Life Việt Nam nhận được yêu cầu đầy đủ và hợp lệ.

**33.5 Địa điểm và phương thức chi trả Quyền lợi bảo hiểm:**

Các yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm sẽ được Dai-ichi Life Việt Nam xem xét giải quyết tại trụ sở chính của Dai-ichi Life Việt Nam. Quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc theo hình thức thỏa thuận khác giữa Dai-ichi Life Việt Nam với người nhận quyền lợi bảo hiểm.

**Điều 34: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm nếu không thể giải quyết được bằng thương lượng hoặc hòa giải, thì một trong các bên có thể kiện ra tòa án nơi Bên mua bảo hiểm cư trú hoặc nơi có trụ sở chính của Dai-ichi Life Việt Nam để giải quyết.

Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

## PHỤ LỤC 1 - CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ DO DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM THÀNH LẬP

| Tên Quỹ                 | Mục tiêu                                                              | Chính sách và rủi ro đầu tư                                                                                                                                                        | Lĩnh vực đầu tư                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quỹ Dẫn đầu             | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn                                  | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.<br><br>Rủi ro đầu tư: Cao | 30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80%-100%).<br><br>Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác (0%-20%). |
| Quỹ Tài chính năng động | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn                                  | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.<br><br>Rủi ro đầu tư: Cao | Chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng (80%-100%).<br><br>Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác (0%-20%).        |
| Quỹ Tăng trưởng         | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn                                  | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.<br><br>Rủi ro đầu tư: Cao | Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80%-100%).<br><br>Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác (0%-20%).                     |
| Quỹ Phát triển          | Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn.<br><br>Rủi ro đầu tư: Trung bình     | Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15%-55%).<br><br>Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định (45%-85%).                          |
| Quỹ Bảo toàn            | Tạo thu nhập ổn định                                                  | Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.<br><br>Rủi ro đầu tư: Thấp                                                                          | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác (100%).                                                                                                                                                  |

## **PHỤ LỤC 2 – CHI TIẾT CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM**

### **a. Đầu tư thêm**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm khoản phí bảo hiểm sau khi đã đóng đầy đủ Phí cơ bản tính đến Năm hợp đồng hiện hành.

Phí bảo hiểm đóng thêm sẽ không làm tăng Số tiền bảo hiểm và không được vượt quá 10 (mười) lần mức Phí bảo hiểm cơ bản hoặc mức tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành. Khoản phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ sẽ được dùng để mua các Đơn vị quỹ của (các) Quỹ liên kết đơn vị mà Bên mua bảo hiểm đã chọn. Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá tiếp theo của (các) Quỹ liên kết đơn vị đó.

### **b. Thay đổi Tỷ lệ đầu tư**

Bên mua bảo hiểm có quyền thay đổi Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị vào bất kỳ lúc nào theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm. Việc thay đổi này sẽ được áp dụng cho tất cả Phí bảo hiểm được nộp kể từ sau khi yêu cầu thay đổi Tỷ lệ đầu tư của Bên mua bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận. Tổng Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ phải là 100%.

### **c. Chuyển đổi Quỹ**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển một phần hoặc toàn bộ giá trị các Đơn vị quỹ từ Quỹ liên kết đơn vị này sang (các) Quỹ liên kết đơn vị khác theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; nêu đáp ứng các điều kiện sau:

- Khi yêu cầu chuyển đổi, Giá trị quỹ của Quỹ bị chuyển đổi sẽ bị trừ một khoản tiền là Phí chuyển đổi quỹ (nếu có) được quy định tại Điều 29 và Phụ lục 3;
- Số tiền cho mỗi lần chuyển đổi không thấp hơn mức chuyển đổi tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm;
- Sau khi giao dịch chuyển đổi được thực hiện, Giá trị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị bị chuyển đổi không được thấp hơn số dư tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm. Nếu thấp hơn số dư tối thiểu, toàn bộ các Đơn vị quỹ của Quỹ đó sẽ được chuyển đến (các) Quỹ đến với tỷ lệ phân bổ mà Bên mua bảo hiểm đã xác định trong yêu cầu chuyển đổi giá trị các Đơn vị quỹ.

Số tiền chuyển đổi và Phí chuyển đổi quỹ (nếu có) sẽ được trừ từ Giá trị quỹ bị chuyển đổi. Số tiền chuyển đổi này được dùng để mua Đơn vị quỹ của Quỹ đến tương ứng, theo giá của Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được yêu cầu chuyển đổi giá trị các Đơn vị quỹ của Bên mua bảo hiểm.

### **d. Thay đổi Số tiền bảo hiểm**

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực và sau Năm hợp đồng đầu tiên, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm. Số lần tối đa để yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm cho mỗi Năm hợp đồng sẽ áp dụng theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm.

Khi thay đổi Số tiền bảo hiểm, Chi phí bảo hiểm rủi ro, Phí bảo hiểm cơ bản và các điều kiện khác có liên quan của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Trong trường hợp tăng Số tiền bảo hiểm:

- Tuổi của Người được bảo hiểm không được vượt quá 65 (sáu mươi lăm) tuổi khi yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm;



- Việc tăng Số tiền bảo hiểm sẽ áp dụng theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm;
- Dai-ichi Life Việt Nam có thể yêu cầu bằng chứng về sức khỏe của Người được bảo hiểm.
- Việc tăng Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng tiếp theo ngay sau ngày yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.

Trong trường hợp giảm Số tiền bảo hiểm:

- Số tiền bảo hiểm mới và phí bảo hiểm mới không được thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu và phí bảo hiểm tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; và không thấp hơn 05 (năm) lần của Phí bảo hiểm cơ bản đóng hàng năm.
- Việc giảm Số tiền bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào kỳ phí kế tiếp ngay sau ngày yêu cầu giảm Số tiền bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.

**e. Tham gia thêm các sản phẩm bổ sung**

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tham gia thêm các sản phẩm bổ sung với điều kiện:

- Dai-ichi Life Việt Nam có cung cấp sản phẩm bổ sung đó tại thời điểm yêu cầu; và
- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia bảo hiểm; và
- Bên mua bảo hiểm đồng ý trả thêm Phí bảo hiểm cho sản phẩm bổ sung đó.

Quyền lợi của sản phẩm bổ sung sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng tiếp theo ngay sau ngày yêu cầu bảo hiểm của sản phẩm bổ sung được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.

**f. Linh hoạt đóng phí**

Bên mua bảo hiểm có quyền tạm ngưng đóng Phí bảo hiểm cơ bản hoặc chỉ đóng một phần Phí cơ bản trong bất kỳ thời điểm nào kể từ Năm hợp đồng thứ 05 (năm) trở đi với điều kiện Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Giá trị quỹ hợp đồng vẫn còn đủ để trả các Khoản khấu trừ hàng tháng.

Trong trường hợp Giá trị quỹ hợp đồng không đủ thanh toán tổng các Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có) thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ bắt đầu tính Thời gian gia hạn đóng phí như quy định tại Điều 13.

**g. Rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng**

Từ Năm hợp đồng thứ 03 trở đi, trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng, Giá trị quỹ hợp đồng sẽ bị trừ một khoản tiền là Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng được quy định tại Điều 32 và Phụ lục 3;
- Số tiền rút ra không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm;
- Giá trị Quỹ còn lại sau khi rút không được thấp hơn số dư tối thiểu theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm.

**h. Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm đã bị mất hiệu lực theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Bên mua bảo hiểm nộp hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng cho Dai-ichi Life Việt Nam trong vòng 02 (hai) năm kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực gần nhất;



Gắn bó dài lâu.

- Bên mua bảo hiểm đóng khoản phí bảo hiểm theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam;
- Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm vẫn hội đủ điều kiện tham gia bảo hiểm theo quy định trong Hợp đồng bảo hiểm này.

Nếu được chấp thuận, thời điểm Hợp đồng bảo hiểm được khôi phục hiệu lực sẽ được tính từ ngày ghi trên văn bản chấp thuận của Dai-ichi Life Việt Nam, với điều kiện cả Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm vẫn còn sống vào thời điểm khôi phục.

Số tiền lưu tại Dai-ichi Life Việt Nam theo Điều 13.3 và số phí bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm đóng để khôi phục hiệu lực theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam (sau khi phân bổ), sẽ được dùng để mua các Đơn vị quỹ theo Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp Hợp đồng bảo hiểm không thể khôi phục hiệu lực, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ số tiền lưu tại Dai-ichi Life Việt Nam theo Điều 13.3 sau khi trừ Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực.

***i. Chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn***

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam. Ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm là ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

Khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, Bên mua bảo hiểm sẽ nhận lại Giá trị tiền mặt thực trả tại Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

## PHỤ LỤC 3 – CÁC LOẠI CHI PHÍ

### a. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm theo tỷ lệ sau:

| Năm phí bảo hiểm       | Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm cơ bản | Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm đóng thêm |
|------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1                      | 75%                                       | 5%                                           |
| 2                      | 55%                                       | 5%                                           |
| 3                      | 30%                                       | 5%                                           |
| 4                      | 20%                                       | 5%                                           |
| Kể từ năm thứ 5 trở đi | 3%                                        | 5%                                           |

Khi có sự tăng lên của Phí bảo hiểm cơ bản do tăng Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính hoặc sản phẩm bổ sung hoặc tham gia thêm (các) sản phẩm bổ sung, phần Phí bảo hiểm cơ bản tăng thêm này sẽ được khấu trừ Chi phí ban đầu trong 12 (mười hai) tháng đầu tiên với tỷ lệ Chi phí ban đầu của Năm phí bảo hiểm thứ nhất. Sau đó phần phí tăng thêm này sẽ áp dụng tỷ lệ Chi phí ban đầu theo Năm phí bảo hiểm hiện hành của Hợp đồng bảo hiểm.

### b. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Như quy định tại Điều 27 theo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này.

### c. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng mỗi tháng như quy định tại Điều 28 được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo lộ trình sau:

| Năm dương lịch                        | 2015   | 2016   | 2017   | 2018   | 2019   | 2020   | Từ năm 2021 trở đi         |
|---------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|----------------------------|
| Chi phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng) | 29.100 | 31.400 | 33.900 | 36.600 | 39.500 | 42.600 | Tăng mỗi năm không quá 15% |

Chi phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mức chi phí quản lý hợp đồng sau khi thay đổi sẽ được thông báo cho Bên mua bảo hiểm 03 (ba) tháng trước khi áp dụng.

### d. Chi phí chuyển đổi Quỹ

Trong mỗi Năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Chi phí chuyển đổi quỹ tối đa cho 04 (bốn) lần chuyển đổi Quỹ. Từ lần chuyển đổi Quỹ thứ 05 (năm) trở đi, Chi phí chuyển đổi quỹ cho mỗi lần là 50.000 đồng và sẽ được trừ đi từ số tiền thu được do bán các Đơn vị quỹ của Quỹ này trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ khác.

Số lần chuyển đổi Quỹ miễn phí không sử dụng sẽ không được tích lũy cho Năm hợp đồng tiếp theo.

Chi phí chuyển đổi quỹ có thể thay đổi sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mức phí sau khi thay đổi sẽ được thông báo cho Bên mua bảo hiểm 03 (ba) tháng trước khi áp dụng.

### e. Chi phí quản lý quỹ

Mức chi phí quản lý quỹ của từng Quỹ liên kết đơn vị như sau:

- Quỹ Dẫn đầu: 2% một năm tính trên tổng tài sản của Quỹ

Gắn bó dài lâu.

- Quỹ Tài chính năng động: 2% một năm tính trên tổng tài sản của Quỹ
- Quỹ Tăng trưởng: 2% một năm tính trên tổng tài sản của Quỹ
- Quỹ Phát triển: 2% một năm tính trên tổng tài sản của Quỹ
- Quỹ Bảo toàn: 0,5% một năm tính trên tổng tài sản của Quỹ

Chi phí quản lý quỹ có thể thay đổi sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mức phí sau khi thay đổi sẽ được thông báo cho Bên mua bảo hiểm 03 (ba) tháng trước khi áp dụng.

**f. Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm**

Chi phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm chỉ áp dụng trong 09 (chín) Năm hợp đồng đầu tiên theo mức sau:

| Năm hợp đồng  | Từ năm thứ 1 đến 5 | 6   | 7   | 8   | 9   | Từ năm thứ 10 trở đi |
|---------------|--------------------|-----|-----|-----|-----|----------------------|
| Tỷ lệ chi phí | 100%               | 80% | 60% | 40% | 20% | 0%                   |

**g. Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng**

Như quy định tại Điều 32 theo Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

## QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP VỚI PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ

(Theo công văn số 14668/BTC-BH ngày 04/12/2008, công văn số 17950/BTC-QLBH ngày 30/12/2011, công văn số 6893/BTC-QLBH ngày 26/05/2015 và công văn số 897/BTC-QLBH ngày 26/01/2021 của Bộ Tài chính)

### MỤC LỤC

|                                                            |   |
|------------------------------------------------------------|---|
| Điều 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA .....                               | 2 |
| Điều 2: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM.....                            | 2 |
| Điều 3: CÁC QUY ĐỊNH LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM .....   | 4 |
| Điều 4: THAM GIA CHIA LÃI.....                             | 4 |
| Điều 5: CÁC KHOẢN CHI PHÍ BẢO HIỂM .....                   | 5 |
| Điều 6: THAY ĐỔI NGHỀ NGHIỆP .....                         | 5 |
| Phụ lục 1: Bảng Sự kiện bảo hiểm và Tỷ lệ thanh toán ..... | 6 |

Quy tắc và Điều khoản này là những nội dung thỏa thuận bổ sung giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm nhằm bảo hiểm bổ sung các quyền lợi bảo hiểm vào Hợp đồng bảo hiểm chính đã ký kết.

Các khái niệm sử dụng trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này được hiểu đúng theo nghĩa đã được giải thích trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính đã ký kết. Nếu có những mâu thuẫn giữa Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này với Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính thì quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ được áp dụng.

Các quy định về thủ tục bảo hiểm, thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm và giải quyết tranh chấp được áp dụng tương tự như đã nêu trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính đã ký kết.

## **Điều 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA**

**1.1 Người được bảo hiểm:** là người được ghi tên là Người được bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm bổ sung và được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Độ tuổi có thể được bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này là từ 30 ngày tuổi đến 65 tuổi tính theo sinh nhật vừa qua của Người được bảo hiểm xét vào Ngày bắt đầu hiệu lực của Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này. Tuổi tối đa khi kết thúc sản phẩm bảo hiểm bổ sung này là 75 tuổi.

**1.2 Thương tật:** là thương tích/ chấn thương trên thân thể của Người được bảo hiểm do Tai nạn gây ra. Thương tật không bao gồm:

- Các tình trạng tồn tại trước: là Thương tật do tai nạn đã xảy ra hoặc đã được chẩn đoán hoặc điều trị trước ngày hiệu lực hoặc trong thời gian mất hiệu lực của sản phẩm này, hoặc
- Các tình trạng bẩm sinh, khuyết tật khi sinh, hoặc
- Mất hoặc cắt bộ phận cơ thể bị thừa do bẩm sinh.

**1.3 Mất:** có nghĩa là cắt hoàn toàn hoặc không thể hồi phục chức năng của những bộ phận cơ thể, gây ra do chấn thương và xảy ra trong vòng 365 ngày kể từ ngày bị chấn thương, được quy định trong Bảng Sự kiện bảo hiểm và Tỷ lệ thanh toán ở Phụ lục 1 dưới đây.

**1.4 Tai nạn:** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải xảy ra trong thời gian sản phẩm này có hiệu lực, gây ra Thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày tính từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó; và là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác bao gồm: đau ốm, bệnh tật, ngộ độc, nhiễm các loại vi rút/ vi khuẩn/ nấm/ ký sinh trùng, nhiễm trùng, biến chứng. Tai nạn phải xảy ra trong thời gian sản phẩm có hiệu lực.

## **Điều 2: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

**2.1 Quyền lợi bảo hiểm trường hợp tai nạn:**

Trong thời gian hiệu lực của Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này, nếu Người được bảo hiểm bị tai nạn Chết hoặc Thương tật như liệt kê ở Phụ lục 1, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ giải quyết chi trả một khoản tiền dựa theo tỷ lệ thương tật ở Phụ lục 1. Người được bảo hiểm có quyền yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho các lần bị tai nạn khác nhau, tuy nhiên tổng quyền lợi bảo hiểm không được vượt quá Số tiền bảo hiểm.

**2.2 Quyền lợi bảo hiểm nhận thanh toán gấp đôi:**

Bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tại Điều 2.1 Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thanh toán thêm 100% Số tiền bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm chết do tai nạn trong các trường hợp sau:

- Người được bảo hiểm là hành khách có mua vé đang đi trên các phương tiện giao thông công cộng (đường bộ/ đường thủy/ đường hàng không) theo lịch trình thường xuyên và trên những tuyến đường định sẵn, không bao gồm xe ta-xi hay bất kỳ phương tiện thuê nào sử dụng như phương tiện đi lại cá nhân;
- Người được bảo hiểm đang ở trong thang máy công cộng (không bao gồm thang cuốn, không bao gồm thang máy hoạt động trong hầm mỏ hay tại các công trình xây dựng);
- Do hậu quả trực tiếp của hỏa hoạn tại các tòa nhà công cộng, chỉ bao gồm: nhà hát, rạp chiếu phim, hội trường, khách sạn, trường học, bệnh viện, trung tâm thể thao và trung tâm thương mại.

### 2.3 Quyền lợi bảo hiểm nhận hỗ trợ chi phí nằm viện do tai nạn:

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thanh toán một khoản tiền là 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do chấn thương trong thời gian sản phẩm này có hiệu lực, với điều kiện là:

- Tối đa là 90 ngày cho một sự kiện gây chấn thương (nếu phải nằm viện hơn một lần cho cùng một sự kiện gây chấn thương thì lần nằm viện sau không cách ngày xuất viện của lần nằm viện trước quá 60 ngày).
- Việc nằm viện phải được bác sĩ do Dai-ichi Life Việt Nam chỉ định xác nhận là cần thiết phải điều trị nội trú.
- Bất kỳ yêu cầu đòi giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào phải được thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập viện và nộp đủ giấy tờ trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất viện.
- Thời gian nằm viện được dựa trên số ngày nằm viện tròn 24 giờ, trong đó một buổi được tính thành trọn một ngày, nhưng loại trừ bất cứ khoảng thời gian nào mà bệnh viện không tính tiền giường.

Nhằm giải thích thêm cho điều khoản này **Bệnh viện** được định nghĩa là: một cơ sở y tế hợp pháp có đăng ký hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước, có khả năng và phương tiện chẩn đoán bệnh, chăm sóc điều dưỡng thường xuyên, điều trị nội khoa và phẫu thuật do các bác sĩ và y tá có bằng cấp thích hợp thực hiện. Định nghĩa Bệnh viện không bao gồm các cơ sở sau đây (hoặc là các bộ phận sau đây của bất kỳ cơ sở khám chữa bệnh nào):

- a. Phòng khám tư nhân, trạm y tế phường xã hay trạm y tế cơ quan.
- b. Viện điều dưỡng, cơ sở/ khoa chăm sóc phục hồi chức năng, cơ sở/ khoa điều trị bằng y học cổ truyền, viện dưỡng lão hoặc một cơ sở chăm sóc đặc biệt dành riêng cho người già, hoặc các cơ sở chủ yếu cung cấp phương tiện bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe.
- c. Cơ sở cai nghiện rượu, ma túy, chất kích thích hoặc cơ sở/ khoa điều trị các bệnh rối loạn tâm thần.

### 2.4 Điều kiện yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:

Trong trường hợp phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:

- a. Đối với tất cả các yêu cầu đòi giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo Điều 2.1 hoặc 2.2, Bên mua bảo hiểm phải chứng minh đầy đủ cho Dai-ichi Life Việt Nam trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn rằng quyền lợi bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung có thể được giải quyết;
- b. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với các trường hợp loại trừ quy định tại Điều 3 dưới đây hoặc quy định tại các Điều khoản khác trong Hợp đồng bảo hiểm;



- c. Dai-ichi Life Việt Nam có thể sẽ điều chỉnh hoặc từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 6; và
- d. Khi xét thấy cần thiết, Bác sĩ được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận có quyền tiến hành kiểm tra sức khỏe của Người được bảo hiểm để xác định mức độ thương tật hoặc sự cần thiết phải nằm viện điều trị nội trú.

## 2.5 Quyền lợi bảo hiểm khi đáo hạn hợp đồng:

Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này không có Giá trị thanh toán khi đáo hạn hợp đồng.

## 2.6 Quyền lợi bảo hiểm khi hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm:

Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này không có Giá trị hoàn lại khi hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.

## 2.7 Giới hạn và chấm dứt quyền lợi bảo hiểm:

Trách nhiệm của Dai-ichi Life Việt Nam đối với Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này quy định tại Điều 2.1 không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm, và vào lúc tổng quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán tại Điều 2.1 đạt 100% Số tiền bảo hiểm (hoặc vào Ngày chấm dứt quyền lợi bảo hiểm) thì hiệu lực của Điều khoản bảo hiểm bổ sung này tự động chấm dứt.

Sản phẩm bảo hiểm bổ sung cũng có thể chấm dứt do những nguyên nhân khác được quy định cụ thể tại các Điều hoặc Khoản khác trong Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm chính.

## **Điều 3: CÁC QUY ĐỊNH LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm của Điều khoản bảo hiểm bổ sung này nếu Sự kiện đưa đến yêu cầu đòi giải quyết quyền lợi bảo hiểm xảy ra do bất cứ nguyên nhân nào, dù trực tiếp hay gián tiếp, sau đây gây ra:

- a. Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- b. Hành động cố ý hoặc có tính toán của Người thụ hưởng hay của Bên mua bảo hiểm hoặc của Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV, bị AIDS hay các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS; hoặc
- d. Bị kết án tử hình, tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị bắt giữ hay vượt ngục; hoặc
- e. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, nội chiến, nổi loạn, bạo động hay bạo loạn dân sự; hoặc
- f. Các vụ nổ hoặc phóng xạ do các vũ khí, trang thiết bị lắp đặt hạt nhân, nguyên tử hay hóa học; hoặc
- g. Chết hoặc chấn thương trong lúc hoặc vì Người được bảo hiểm đang bị ảnh hưởng do sử dụng rượu bia hoặc các loại thuốc bất kỳ trái với quy định của pháp luật; hoặc
- h. Chết hoặc chấn thương do tham gia các cuộc đua, các loại hình thể thao chuyên nghiệp hoặc các hoạt động dưới nước có sử dụng mặt nạ thở; hoặc
- i. Chết hoặc chấn thương do bay hoặc tham gia các phương tiện hoạt động trên không trừ phi với vai trò hành khách có mua vé của một hãng hàng không dân dụng có giấy phép hoạt động và lịch trình bay.

## **Điều 4: THAM GIA CHIA LÃI**

Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này không tham gia chia lãi.

**Điều 5: CÁC KHOẢN CHI PHÍ BẢO HIỂM****5.1 Chi phí khai thác**

Chi phí khai thác sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ sung theo tỷ lệ chi phí ban đầu của sản phẩm bảo hiểm chính.

**5.2 Chi phí bảo hiểm rủi ro**

Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Giá trị tài khoản hợp đồng.

Tỷ lệ Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ trên nhóm nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.

Tỷ lệ Chi phí bảo hiểm rủi ro có thể thay đổi sau khi được sự chấp nhận của Bộ Tài chính và sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm 03 (ba) tháng trước khi áp dụng Tỷ lệ Chi phí bảo hiểm rủi ro mới.

**Điều 6: THAY ĐỔI NGHỀ NGHIỆP**

Phí bảo hiểm đóng cho Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này có thể được thay đổi tùy thuộc vào nghề nghiệp của Người được bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải thông báo ngay bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam nếu Người được bảo hiểm có sự thay đổi về nghề nghiệp.

Nếu có sự thay đổi về nghề nghiệp, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ quyết định lại phí bảo hiểm phải đóng và Phí bảo hiểm rủi ro đối với Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này và đồng thời sẽ thông báo lại cho Bên mua bảo hiểm. Việc tăng hay giảm của phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro nếu có sẽ được áp dụng kể từ ngày thay đổi nghề nghiệp. Nếu việc thay đổi nghề nghiệp đó chỉ được thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam sau khi xảy ra yêu cầu đòi giải quyết quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm phải đóng cao hơn số phí thực tế đã đóng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ điều chỉnh giảm Số tiền bảo hiểm tương ứng với tỷ lệ phí đã đóng.

Nếu nghề nghiệp mới của Người được bảo hiểm là nghề nghiệp không thể bảo hiểm, hoặc không thể chấp nhận được theo tiêu chuẩn nhận bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chấm dứt Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này kể từ ngày Người được bảo hiểm thay đổi nghề nghiệp. Các khoản phí bảo hiểm được đóng trước nhằm bảo hiểm rủi ro cho khoảng thời gian sau ngày chấm dứt hợp đồng sẽ được Dai-ichi Life Việt Nam hoàn trả.

**Phụ lục 1: Bảng Sự kiện bảo hiểm và Tỷ lệ thanh toán**

(Tính theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm của sản phẩm)

| Phân loại | Sự kiện bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ thanh toán     |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1.        | <b>Chết do tai nạn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%                 |
| 2.        | <b>Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn</b><br>1. Mất hai chi<br>2. Mất hai bàn tay<br>3. Mất thị lực (Mù hoàn toàn và không thể hồi phục) hai mắt                                                                                                                                               | 100%<br>100%<br>100% |
| 3.        | <b>Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn</b><br>1. Cụt một chân hoặc một cánh tay<br>▪ Cụt trên khuỷu tay hoặc trên đầu gối 75%<br>▪ Cụt từ khuỷu tay hoặc từ đầu gối trở xuống 65%<br>2. Câm hoàn toàn và không thể hồi phục 50%<br>3. Mất thị lực (Mù hoàn toàn và không thể hồi phục) một mắt 50% |                      |
|           | 4. Cụt ở ngón tay cái<br>▪ Xương bàn ngón cái 25%<br>▪ Hai đốt 20%<br>▪ Một đốt 10%                                                                                                                                                                                                                    |                      |
|           | 5. Cụt ở ngón tay trỏ<br>▪ Xương bàn ngón trỏ 15%<br>▪ Ba đốt 10%<br>▪ Hai đốt 8%<br>▪ Một đốt 4%                                                                                                                                                                                                      |                      |
|           | 6. Cụt ở ngón tay giữa<br>▪ Xương bàn tay ngón giữa 8%<br>▪ Ba đốt 6%<br>▪ Hai đốt 4%<br>▪ Một đốt 2%                                                                                                                                                                                                  |                      |
|           | 7. Cụt ở ngón tay áp út<br>▪ Xương bàn tay ngón áp út 8%<br>▪ Ba đốt 6%<br>▪ Hai đốt 4%<br>▪ Một đốt 2%                                                                                                                                                                                                |                      |
|           | 8. Cụt ở ngón tay út<br>▪ Xương bàn tay ngón út 8%<br>▪ Ba đốt 6%<br>▪ Hai đốt 4%<br>▪ Một đốt 2%                                                                                                                                                                                                      |                      |
|           | 9. Cụt ở ngón chân<br>▪ Tất cả các ngón 30%<br>▪ Hai đốt của ngón chân cái 10%<br>▪ Một đốt của ngón chân cái 4%<br>▪ Các ngón khác, nếu cụt từ một ngón chân trở lên, mỗi ngón được thanh toán 2%                                                                                                     |                      |
|           | 10. Mất thính lực (Điếc hoàn toàn và không thể hồi phục)<br>▪ Hai tai 50%<br>▪ Một tai 15%                                                                                                                                                                                                             |                      |

| Phân loại | Sự kiện bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tỷ lệ thanh toán                                                                       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.        | <b>Phồng (bong) do tai nạn</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bong độ ba từ 20% diện tích da</li> <li>Bong độ ba từ hơn 10% đến dưới 20% diện tích da</li> <li>Bong độ hai từ hơn 20% diện tích da</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100%<br>50%<br>10%                                                                     |
| 5.        | <b>Thương tật tạm thời do tai nạn</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ngực                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Tràn khí màng phổi do chấn thương bên ngoài</li> <li>Tràn máu màng phổi do chấn thương bên ngoài</li> </ul> </li> <li>Bụng                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Lá lách – vỡ lá lách (vết thương lách hoặc vỡ lách thì 2)</li> <li>Gan – vỡ gan (vết thương gan hoặc vỡ gan thì 2)</li> <li>Dạ dày và ruột – thủng dạ dày hoặc ruột non hoặc ruột già</li> <li>Tụy – vỡ tụy</li> </ul> </li> <li>Hệ tiết niệu                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Chấn thương mỗi thận do một hay những nguyên nhân sau:                                     <ul style="list-style-type: none"> <li>Rách vỏ thận</li> <li>Vỡ thận toàn bộ</li> <li>Rách các lớp của vỏ thận</li> <li>Đứt chỗ nối giữa niệu quản và bể thận</li> <li>Chấn thương dẫn đến tắc nghẽn động mạch thận</li> </ul> </li> <li>Rách hoặc đứt niệu đạo</li> <li>Rách thành bàng quang</li> <li>Đứt một niệu quản</li> <li>Chấn thương hai thận do cùng một tai nạn</li> </ul> </li> <li>Mô liên kết                             Đứt hoàn toàn của một trong các dây chằng đầu gối sau đây:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Dây chằng giữa hoặc bên</li> <li>Dây chằng chéo trước hoặc sau</li> </ul> </li> </ol> | 2%<br>4%<br><br>2%<br>3%<br>6%<br>10%<br><br>2%<br><br>3%<br>3%<br>6%<br>10%<br><br>4% |
| 6.        | <b>Gãy xương</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xương sườn                             <ul style="list-style-type: none"> <li>gãy từ ba xương sườn trở lên</li> <li>gãy hai xương sườn</li> </ul> </li> <li>Gãy một hoặc nhiều xương chậu trừ xương cùng và xương cụt</li> <li>Xương bánh chè – gãy một xương bánh chè</li> <li>Chấn thương các phần của một chi trên do gãy một hoặc nhiều các xương dưới đây:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Xương đòn</li> <li>Xương cánh tay</li> <li>Xương trụ</li> <li>Xương quay</li> </ul> </li> <li>Gãy xương chày và/ hoặc xương mác của cùng một chân</li> <li>Gãy xương đùi của một chân</li> <li>Xương cột sống                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Xương sống: Gãy một hoặc nhiều thân đốt sống, hoặc gãy trật cột sống, trừ xương cùng và xương cụt</li> </ul> </li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <br>2%<br>1%<br>3%<br>1%<br>3%<br><br>3%<br>6%<br>8%                                   |

| Phân loại | Sự kiện bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thanh toán |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|           | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gãy một hoặc nhiều các xương dưới đây, không bao gồm việc gãy trên vết gãy cũ:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Móm gai, móm ngang, móm khớp đốt sống</li> <li>- Cung đốt sống</li> <li>- Xương cùng và xương cụt</li> </ul> </li> </ul> | 1%               |
|           | 8. Xương sọ – vỡ một hoặc nhiều phần xương sọ, trừ các xương mặt                                                                                                                                                                                                                                                      | 10%              |
|           | 9. Xương mặt – vỡ một hoặc nhiều phần xương mặt                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3%               |
|           | 10. Tay – chấn thương của một tay: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gãy hai hoặc nhiều xương cổ tay</li> <li>▪ Gãy hai hoặc nhiều xương đốt bàn tay/ đốt ngón tay</li> </ul>                                                                                                                                  | 1%<br>1%         |
|           | 11. Chân – chấn thương của một chân: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gãy hai hoặc nhiều xương đốt bàn chân/ đốt ngón chân</li> </ul>                                                                                                                                                                         | 1%               |
|           | 12. Xương cổ chân – gãy một hoặc nhiều phần xương cổ chân của một chân                                                                                                                                                                                                                                                | 3%               |

# **QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU VỚI PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ**

*(Được phê chuẩn theo công văn số 11916/BTC-QLBH ngày 30/09/2020 của Bộ Tài chính)*

## **MỤC LỤC**

|                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------|----|
| Điều 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA .....                                | 2  |
| Điều 2: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM.....                             | 9  |
| Điều 3: CÁC QUY ĐỊNH LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM .....    | 9  |
| Điều 4: PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC KHOẢN PHÍ CÓ THỂ KHẤU TRỪ ..... | 11 |
| Điều 5: THAY ĐỔI QUYỀN LỢI BẢO HIỂM .....                   | 12 |
| Điều 6: KHÔI PHỤC HIỆU LỰC SẢN PHẨM .....                   | 13 |
| Điều 7: CHẤM DỨT HIỆU LỰC SẢN PHẨM .....                    | 13 |
| Điều 8: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM .....         | 14 |
| BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM .....                       | 15 |



Quy tắc và Điều khoản này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm nếu Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc (các) thỏa thuận sửa đổi, bổ sung bằng văn bản của Hợp đồng bảo hiểm giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm có kèm theo Quyền lợi bảo hiểm bổ sung “Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn cầu với phí bảo hiểm được phân bổ”.

Quy tắc và Điều khoản này bao gồm những thỏa thuận bổ sung giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu được bảo hiểm bổ sung các quyền lợi bảo hiểm cụ thể vào Hợp đồng bảo hiểm.

Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ được áp dụng theo Quy tắc và Điều khoản này. Nếu có những khác biệt giữa Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này với Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính thì quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ được ưu tiên áp dụng. Bất kỳ nội dung nào không được đề cập, quy định trong Quy tắc và Điều khoản này sẽ được áp dụng theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm chính.

## **Điều 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA**

Trong Quy tắc và Điều khoản này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- 1.1 Người được bảo hiểm:** là người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này, được ghi tên trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung khác (nếu có). Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này là Người được bảo hiểm của sản phẩm chính hoặc có thể là người khác nếu có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm và theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm.
- 1.2 Độ tuổi tham gia bảo hiểm:** Độ tuổi có thể tham gia bảo hiểm (tính theo sinh nhật vừa qua của Người được bảo hiểm xét tại ngày bắt đầu hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung) là:
  - 0 (không) đến 65 (sáu mươi lăm) tuổi với quyền lợi điều trị nội trú;
  - 0 (không) đến 60 (sáu mươi) tuổi với quyền lợi điều trị ngoại trú, quyền lợi chăm sóc răng.Tuổi tối đa khi kết thúc là:
  - 75 (bảy mươi lăm) tuổi với quyền lợi điều trị nội trú;
  - 65 (sáu mươi lăm) tuổi với quyền lợi điều trị ngoại trú, quyền lợi chăm sóc răng.
- 1.3 Thời hạn bảo hiểm:** là 1 (một) năm kể từ ngày sản phẩm bảo hiểm bổ sung này bắt đầu hiệu lực và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo về việc chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này trước thời điểm gia hạn; với điều kiện Bên mua bảo hiểm nộp đủ và đúng hạn các khoản phí bảo hiểm đến hạn và chấp nhận các điều khoản và điều kiện của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.
- 1.4 Ngày gia hạn năm hợp đồng:** là ngày lặp lại hàng năm của ngày sản phẩm bảo hiểm bổ sung bắt đầu hiệu lực nếu sản phẩm bảo hiểm bổ sung này được gia hạn. Nếu năm không có ngày này, ngày cuối tháng tương ứng sẽ là Ngày gia hạn năm hợp đồng.
- 1.5 Chương trình bảo hiểm:** Tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm vào thời điểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung khác (nếu có), Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn một trong các Chương trình bảo hiểm sau đây: Cao Cấp, Đặc Biệt hoặc Phổ Thông.

Mỗi Chương trình bảo hiểm bao gồm: (i) quyền lợi điều trị nội trú với mức Đồng chi trả theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm và (ii) (các) quyền lợi lựa chọn thêm (nếu có tham gia): quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng.

- 1.6 Đồng chi trả (áp dụng cho quyền lợi điều trị nội trú):** là mức chi phí tương đương 20% (hai mươi phần trăm) hoặc 0% (không phần trăm) chi phí y tế thực tế thuộc phạm vi bảo hiểm của quyền lợi điều trị nội trú mà Người được bảo hiểm và/ hoặc Bên mua bảo hiểm phải chi trả theo Quy tắc và Điều khoản này, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm vào thời điểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung khác (nếu có).
- Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả phần chi phí y tế thực tế còn lại thuộc phạm vi bảo hiểm và không vượt quá giới hạn chi trả tối đa trong Bảng liệt kê quyền lợi tương ứng theo quy định của Quy tắc và Điều khoản này, sau khi lần lượt trừ các khoản sau: (i) chi phí y tế đã được thanh toán bởi đơn vị bảo hiểm khác (nếu có) và (ii) khoản Đồng chi trả (tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm).
- 1.7 Phạm vi địa lý:** là quốc gia và/ hoặc vùng lãnh thổ, mà Dai-ichi Life Việt Nam đồng ý chi trả các chi phí y tế thực tế thuộc phạm vi bảo hiểm, phát sinh khi Người được bảo hiểm khám và điều trị Bệnh tật/ Thương tật, cụ thể như sau:
- Toàn cầu: với quyền lợi điều trị nội trú;
  - Việt Nam: với quyền lợi điều trị ngoại trú, quyền lợi chăm sóc răng.
- 1.8 Bảng liệt kê quyền lợi:** là Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm, với chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng với từng Chương trình bảo hiểm được Bên mua bảo hiểm lựa chọn, được đính kèm Quy tắc và Điều khoản này.
- 1.9 Quyền lợi tối đa của một Bệnh tật/ Thương tật:** là tổng quyền lợi chi trả tối đa trong suốt thời gian tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này cho tất cả quyền lợi điều trị nội trú và ngoại trú, cho một Người được bảo hiểm với cùng một Bệnh tật/ Thương tật và các biến chứng, di chứng có liên quan đến Bệnh tật/ Thương tật này. Quyền lợi tối đa của một Bệnh tật/ Thương tật được quy định trong Bảng liệt kê quyền lợi theo Chương trình bảo hiểm.
- 1.10 Phí bảo hiểm:** là số tiền Bên mua bảo hiểm thanh toán cho Dai-ichi Life Việt Nam vào ngày đến hạn nộp phí. Phí bảo hiểm được tính toán dựa trên tuổi đạt được của Người được bảo hiểm, Chương trình bảo hiểm và quyết định thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam tại thời điểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này hoặc vào (các) Ngày gia hạn năm hợp đồng.
- 1.11 Mức phí bảo hiểm:** là biểu phí của sản phẩm theo tuổi đạt được và Chương trình bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê duyệt.
- 1.12 Thời hạn loại trừ:** là thời gian mà các sự kiện bảo hiểm của các quyền lợi điều trị nội trú và/ hoặc quyền lợi điều trị ngoại trú và/ hoặc quyền lợi chăm sóc răng do Bệnh tật xảy ra không được chi trả. Thời gian loại trừ này được áp dụng như sau:
- a. 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm quyền lợi điều trị nội trú, quyền lợi điều trị ngoại trú, quyền lợi chăm sóc răng và 10 (mười) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận khôi phục hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này;
- và:
- b. 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm của năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này cho những Bệnh tật sau:
    - Nang, polyp, u lành tính hay ác tính, ung thư, tăng trưởng bất thường của tế bào;
    - Trĩ;
    - Tất cả các chứng thoát vị;

- Các Biến chứng thai sản;
- Viêm khớp, thoái hóa khớp, loãng xương, vẹo cột sống và tất cả các hình thức của bệnh thoái hóa xương;
- Mộng, hạt kết mạc góc mắt, đục thủy tinh thể;
- Cắt amidan hoặc nạo VA;
- Các loại sỏi;
- Suy giãn tĩnh mạch;
- Lạc nội mạc tử cung;
- Các tình trạng của tuyến tiền liệt;
- Loét dạ dày, loét tá tràng;
- Viêm gan các loại, xơ gan;
- Viêm xoang;
- Các bệnh tim, bệnh mạch vành, huyết áp cao hoặc thấp;
- Đái tháo đường/ tăng đường huyết;
- Tất cả các hình thức tổn thương (có yêu cầu phẫu thuật) của dây chằng hoặc sụn chêm;
- Parkinson;
- Lupus ban đỏ;
- Suy thận (ngoại trừ suy thận cấp);
- Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD);
- Các bệnh liên quan đến hệ thống tái tạo máu (bao gồm thay máu, lọc máu, chạy thận nhân tạo, bệnh suy tủy, bạch cầu cấp, bạch cầu mãn tính);
- Bệnh tự miễn và rối loạn chuyển hóa.

**1.13 Tai nạn:** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải gây ra Thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 (một trăm tám mươi) ngày tính từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó; và là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác bao gồm: Bệnh tật, đau ốm, nhiễm các loại vi rút/ vi khuẩn/ nấm/ ký sinh trùng, nhiễm trùng, biến chứng.

**1.14 Thương tật:** là thương tích trên thân thể của Người được bảo hiểm do Tai nạn gây ra.

**1.15 Bệnh tật:** là tình trạng sức khỏe kém hoặc tình trạng thể chất kém của Người được bảo hiểm so với tình trạng sức khỏe bình thường, do bệnh hoặc đau ốm gây ra được chẩn đoán bởi Bác sĩ.

**1.16 Bệnh viện:** là cơ sở khám chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo luật pháp của nước sở tại; và phải đáp ứng tất cả điều kiện sau:

- Được thành lập nhằm tiếp nhận, chăm sóc, khám và điều trị y tế cho người bị ốm đau, Bệnh tật, Thương tật;

- Có đầy đủ năng lực và phương tiện để thực hiện các ca chẩn đoán, phẫu thuật y khoa;
- Có đầy đủ điều kiện cho hoạt động điều trị nội trú và theo dõi bệnh nhân bao gồm cả cơ sở phẫu thuật chuyên ngành;
- Có lưu giữ đầy đủ bệnh án và hồ sơ của bệnh nhân theo tiêu chuẩn quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- Không phải là nhà bảo sanh, nhà điều dưỡng, dưỡng bệnh, nơi cho người già an dưỡng hay các cơ sở khác chủ yếu dành cho việc điều trị người mắc bệnh tâm thần, người mắc bệnh phong, người nghiện rượu, người nghiện chất ma túy hoặc người nghiện chất kích thích.

**1.17 Phòng khám:** là một cơ sở khám chữa bệnh được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo luật pháp của nước sở tại và không có chức năng lưu bệnh nhân qua đêm.

**1.18 Khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt (ICU):** là một khoa hoặc một bộ phận của bệnh viện, và phải đáp ứng tất cả điều kiện sau:

- Được thành lập để cung cấp chương trình chăm sóc và điều trị đặc biệt;
- Dành riêng cho các bệnh nhân trong điều kiện nguy kịch đòi hỏi sự theo dõi và kiểm tra y tế liên tục của Bác sĩ;
- Được trang bị các thiết bị, thuốc, phương tiện cấp cứu khác để có thể can thiệp ngay khi cần thiết.

Để tránh nhầm lẫn, theo quy định của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này, Khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt (ICU) không phải là khoa/ phòng hậu phẫu hoặc khoa/ phòng cấp cứu.

**1.19 Cần thiết và hợp lý về mặt y tế:** điều trị được xem là Cần thiết và hợp lý về mặt y tế khi đáp ứng tất cả điều kiện sau:

- Theo đúng chẩn đoán của Bác sĩ để điều trị cho Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm;
- Theo đúng chỉ dẫn y khoa của Y học hiện đại hoặc theo đúng chỉ dẫn y khoa của Y học thay thế trong trường hợp Người được bảo hiểm điều trị ngoại trú bằng Y học thay thế;
- Không phải chủ yếu vì sự tiện lợi của bệnh nhân hoặc gia đình của bệnh nhân hoặc Bác sĩ điều trị;
- Không nhằm mục đích thử nghiệm, điều tra, nghiên cứu, thẩm mỹ, phòng ngừa hoặc sàng lọc;
- Theo đúng tiêu chuẩn được chấp nhận chung để chăm sóc cho các bệnh nhân, và được xem là thích hợp cho việc điều trị Bệnh tật/ Thương tật của bệnh nhân.

**1.20 Chi phí điều trị tối thiểu:** Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chỉ chi trả cho mỗi lần điều trị ngoại trú (ngoại trừ Y học thay thế) hoặc chăm sóc răng khi chi phí y tế thực tế thuộc phạm vi bảo hiểm của mỗi lần điều trị lớn hơn mức Chi phí điều trị tối thiểu. Chi phí điều trị tối thiểu được quy định trong Bảng liệt kê quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này và vẫn sẽ áp dụng ngay cả khi chi phí y tế thực tế thuộc phạm vi bảo hiểm đã được thanh toán một phần bởi đơn vị bảo hiểm khác.

**1.21 Bác sĩ:** là người có bằng cấp chuyên môn Bác sĩ y khoa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc thừa nhận được thực hành nghề y hợp pháp trong phạm vi giấy phép theo quy định của pháp

luật tại nước mà Bác sĩ đó hành nghề. Bác sĩ không được là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của Người được bảo hiểm và/ hoặc của Bên mua bảo hiểm.

- 1.22 Nha sĩ:** là người có bằng cấp chứng nhận và được phép hành nghề nha khoa trong phạm vi giấy phép theo quy định của pháp luật.
- 1.23 Y tá/ Điều dưỡng:** là người có bằng cấp chứng nhận và được phép thực hiện các nhiệm vụ của y tá hoặc điều dưỡng trong phạm vi giấy phép theo quy định của pháp luật.
- 1.24 Chuyên gia nắn khớp xương:** là người được cấp giấy phép, chuyên về thao tác cấu trúc cơ xương với mục đích là khôi phục lại chức năng bình thường bằng việc điều chỉnh những vùng đang biểu lộ cấu trúc hoặc chức năng bất thường.
- 1.25 Chuyên gia vật lý trị liệu:** là người được cấp giấy phép điều trị những rối loạn vật lý thông qua các kỹ thuật thao tác hoặc chuyển động và đề ra những bài tập tăng cường và những lời khuyên thích hợp.
- 1.26 Bệnh nhân nội trú:** là người được nhập viện theo yêu cầu của Bác sĩ của Bệnh viện và Cần thiết và hợp lý về mặt y tế phải lưu trú trong Bệnh viện ít nhất 12 (mười hai) giờ để điều trị Bệnh tật/ Thương tật, có làm thủ tục nhập viện và xuất viện, có thanh toán chi phí giường bệnh, có tên trong sổ bệnh nhân nội trú của Bệnh viện; bao gồm cả trường hợp Bệnh nhân nội trú tử vong dưới 12 (mười hai) giờ sau khi nhập viện.
- 1.27 Bệnh nhân ngoại trú:** là người được điều trị Bệnh tật/ Thương tật ở Phòng khám, khoa điều trị ngoại trú của Bệnh viện, hoặc phòng cấp cứu hoặc trải qua một phương thức điều trị mà không Cần thiết và hợp lý về mặt y tế phải lưu trú trong Bệnh viện như Bệnh nhân nội trú.
- 1.28 Điều trị nha khoa:** là bất kỳ sự kiểm tra, thăm khám, điều trị và phẫu thuật liên quan đến những bệnh của răng và nướu hoặc hàm trong trường hợp có liên quan đến răng, ngoại trừ răng giả, cầu răng và cấy implant; và được thực hiện bởi Nha sĩ.
- 1.29 Y học hiện đại (Tây y):** là ứng dụng các kiến thức khoa học sức khỏe, các nghiên cứu về y sinh học và công nghệ y học để chẩn đoán và chữa trị Bệnh tật/ Thương tật thông qua thuốc men, phẫu thuật hoặc bằng các phương pháp trị liệu tiên tiến khác.
- 1.30 Y học thay thế:** là các cách khám, chẩn đoán và điều trị khác Y học hiện đại, như là phương pháp y học cổ truyền của Việt Nam hay Trung Quốc và những phương pháp tương tự được thực hiện tại Bệnh viện hoặc Phòng khám được thành lập hợp pháp theo quy định của nước sở tại.
- 1.31 Tình trạng nguy cấp:** là tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm thay đổi đột ngột, bất ngờ, không lường trước do Bệnh tật/ Thương tật, đòi hỏi phải có sự điều trị y tế khẩn cấp, ngay lập tức theo ý kiến Bác sĩ để giúp Người được bảo hiểm không chết, hoặc không bị tổn hại trầm trọng đến sức khỏe hoặc thể chất, hoặc để duy trì dấu hiệu sinh tồn về tuần hoàn và hô hấp. Mức độ trầm trọng sẽ được đánh giá theo hoàn cảnh của từng địa phương, bản chất của điều trị cấp cứu và sự có sẵn các phương tiện cấp cứu của từng địa phương.
- 1.32 Tình trạng tồn tại trước:** là
- Tình trạng Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm đã được Bác sĩ tư vấn, khám, chẩn đoán hoặc điều trị trước ngày có hiệu lực và/ hoặc ngày khôi phục hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này; hoặc
  - Tình trạng bệnh hoặc tiền sử bệnh được ghi nhận trong bệnh án hoặc hồ sơ y tế tại Bệnh viện hoặc Phòng khám hoặc các thông tin do Người được bảo hiểm tự kê khai; hoặc



- Các dấu hiệu hoặc triệu chứng có liên quan đến Bệnh tật/ Thương tật khiến cho Người được bảo hiểm phải điều trị, chẩn đoán hoặc chữa bệnh có từ trước ngày có hiệu lực và/ hoặc ngày khôi phục hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này được ghi nhận trong bệnh án/ sổ khám bệnh/ phiếu khám bệnh/ phiếu chỉ định/ đơn thuốc hoặc bất kỳ tài liệu nào theo ghi nhận của nhân viên y tế.

**1.33 Tình trạng bẩm sinh, khuyết tật khi sinh:** là một sự bất thường về mặt thể chất hoặc tinh thần, được hình thành trên thai nhi trong quá trình mang thai hoặc do di truyền hoặc do gen, cũng như những bất thường về mặt thể chất hoặc tinh thần phát triển sau đó do những nhân tố hoặc những tình trạng xuất hiện hoặc không xuất hiện vào lúc sinh ra, cho dù Người được bảo hiểm có nhận biết được tình trạng đó hay không.

**1.34 Biến chứng thai sản:** là một trong các biến chứng sau:

- Thai lưu từ tuần thứ 20 (hai mươi) của thai kì trở đi;
- Thai trứng;
- Thai ngoài tử cung;
- Thuyên tắc ối;
- Vỡ tử cung;
- Băng huyết sau khi sinh;
- Sốt nhau thai trong tử cung sau khi sinh có gây biến chứng nhiễm trùng;
- Phá thai điều trị bao gồm các trường hợp phá thai do các bệnh lý di truyền/ dị tật bẩm sinh của thai nhi hoặc phải chấm dứt thai kì để bảo vệ tính mạng của người mẹ theo chỉ định của Bác sĩ;
- Biến chứng của các nguyên nhân trên.

**1.35 Tiền phòng:** là chi phí cho phòng, giường đơn và các chi phí y tế khác của Bệnh viện nơi Người được bảo hiểm điều trị.

**1.36 Điều trị cấp cứu do Tai nạn:** bao gồm các dịch vụ trong phòng cấp cứu tại Bệnh viện/ Phòng khám để điều trị cho Tình trạng nguy cấp của Người được bảo hiểm khi xảy ra Tai nạn.

**1.37 Điều trị tổn thương răng do Tai nạn:** là việc điều trị khẩn cấp trong vòng tối đa 7 (bảy) ngày tính từ ngày xảy ra Tai nạn gây mất mát hoặc tổn thương cho răng lành mạnh tự nhiên.

**1.38 Điều trị trước và sau khi nằm viện (30/60):** bao gồm:

- **Điều trị trước khi nhập viện:** là lần điều trị gần nhất trước ngày nhập viện điều trị nội trú, có liên quan trực tiếp đến một tình trạng y tế cần phải nhập viện để điều trị theo chẩn đoán của Bác sĩ. Lần Điều trị trước khi nhập viện này bao gồm việc khám kiểm tra, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh theo yêu cầu của Bác sĩ điều trị và thuốc được kê đơn, và được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày nhập viện.
- **Điều trị sau khi xuất viện:** là lần điều trị tiếp theo ngay sau khi xuất viện theo chỉ định của Bác sĩ điều trị, có liên quan trực tiếp đến việc điều trị nội trú trước đó, nhưng không vượt quá 60 (sáu mươi) ngày tính từ ngày xuất viện. Việc điều trị tiếp theo bao gồm khám kiểm tra, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh theo yêu cầu của Bác sĩ điều trị, và thuốc được kê đơn.

**1.39 Điều dưỡng tại nhà:** là việc điều dưỡng chăm sóc tại nhà ngay sau khi Người được bảo hiểm xuất viện, được thực hiện bởi Y tá/ Điều dưỡng và phải có chỉ định của Bác sĩ điều trị.



- 1.40 Điều trị ung thư:** là việc điều trị bệnh ung thư bằng các phương pháp xạ trị, hóa trị (bằng cách truyền và tiêm), bao gồm điều trị nội trú, trong ngày hoặc ngoại trú.
- 1.41 Lọc máu ngoài thận (Lọc thận):** là quá trình để loại bỏ dịch và các chất thải ra khỏi máu và để điều chỉnh lại việc mất cân bằng điện giải do suy thận và phải được thực hiện bởi máy lọc nhân tạo tại Bệnh viện.
- 1.42 Chi phí điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại (Tây y):** bao gồm chi phí thăm khám tại các Bệnh viện/ Phòng khám của Bác sĩ, Bác sĩ chuyên khoa, Chuyên gia vật lý trị liệu, Chuyên gia nắn khớp xương theo chỉ định của Bác sĩ điều trị; và các chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ và thuốc được kê toa.
- 1.43 Chi phí xe cấp cứu:** là chi phí vận chuyển cấp cứu và chăm sóc trong quá trình vận chuyển Người được bảo hiểm đang trong Tình trạng nguy cấp tới Bệnh viện/ Phòng khám gần nhất hoặc từ một Bệnh viện/ Phòng khám đến một Bệnh viện khác trên xe cấp cứu của Bệnh viện/ Phòng khám, trung tâm cấp cứu, dịch vụ cấp cứu hợp pháp theo quy định của nước sở tại.
- 1.44 Phẫu thuật:** là một phương pháp y khoa để điều trị Bệnh tật hoặc Thương tật do những yêu cầu Cần thiết và hợp lý về mặt y tế được chỉ định và thực hiện bởi Bác sĩ có chuyên môn phù hợp nhằm mục đích điều trị Bệnh tật/ Thương tật, tổn thương và được thực hiện trong phòng phẫu thuật của Bệnh viện.
- 1.45 Chi phí phẫu thuật:** là chi phí liên quan đến việc Phẫu thuật, bao gồm cả chi phí đánh giá tiền phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu thuật bình thường, chi phí gây mê, chi phí phòng mổ, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật; và bộ phận giả theo tiêu chuẩn được lắp trong quá trình phẫu thuật.
- 1.46 Phẫu thuật thẩm mỹ và/ hoặc phẫu thuật chỉnh hình:** là phẫu thuật được thực hiện chỉ để cải thiện hoặc nâng cao vẻ bề ngoài của Người được bảo hiểm thông qua các kỹ thuật giải phẫu và y khoa vì bất kỳ lý do nào.
- 1.47 Thể thao hoặc các hoạt động nguy hiểm:** là các môn thể thao hoặc các hoạt động như: săn bắn động vật, tất cả các hình thức đua (không phải bằng chân), đua xe go-kart, đua xe đường trường và thử nghiệm xe, trượt băng, trượt patin, trượt tuyết, trượt tuyết trên ván trượt, trượt ván, quyền anh, võ thuật và môn đấu vật, nhảy dù (ngoại trừ những tình huống để bảo tồn mạng sống), đi lên xuống hoặc di chuyển trên một khí cầu, bay lượn, nhảy bungee, lặn có bình dưỡng khí và thiết bị thở dưới nước, dù lượn, dù kéo, bóng bầu dục, đua ngựa, đua ngựa vượt rào, polo/ mã cầu, leo đá hoặc leo núi (có hoặc không có sử dụng dây thừng hoặc thiết bị khác).
- 1.48 Lần thăm khám:** là một lần Người được bảo hiểm đến khám tại Bệnh viện hoặc Phòng khám; được Bác sĩ khám lâm sàng, chỉ định làm các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thủ thuật thăm dò và kê đơn thuốc liên quan trực tiếp đến triệu chứng bệnh, Bệnh tật/ Thương tật nhằm mục đích điều trị cho lần khám này. (Những) lần tái khám ngay sau đó theo chỉ định của Bác sĩ (cho dù không còn Bệnh/ Thương tật và không cần điều trị nữa) sẽ được xem là một Lần thăm khám mới.
- Các trường hợp dưới đây sẽ được tính là một Lần thăm khám:
- nhiều Bác sĩ, nhiều chuyên khoa cùng hội chẩn cho một người bệnh theo quy chế Bệnh viện; và/ hoặc
  - người bệnh khám một chuyên khoa nhiều lần trong 1 (một) ngày cho dù thăm khám tại nhiều cơ sở khám chữa bệnh khác nhau nhưng cùng 1 (một) kết quả chẩn đoán Bệnh tật/ Thương tật; và/ hoặc
  - người bệnh phải khám nhiều chuyên khoa khác nhau ở cùng một cơ sở khám chữa bệnh do các Bác sĩ chỉ định trong 1 (một) ngày.

## **Điều 2: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

Các quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 2.1, Điều 2.2 và Điều 2.3 được chi trả nếu thuộc phạm vi bảo hiểm sau:

- Việc điều trị Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm (i) là việc điều trị Cần thiết và hợp lý về mặt y tế, (ii) xảy ra trong thời gian sản phẩm bảo hiểm bổ sung này có hiệu lực và bắt đầu sau Thời hạn loại trừ được quy định tại Điều 1.12, và (iii) trong Phạm vi địa lý được quy định tại Điều 1.7; và
- Chi phí y tế thực tế khám và điều trị Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm (i) được quy định chi tiết trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm, và (ii) không vượt quá Mức giới hạn chi trả tối đa theo quy định tại Điều 2.4.

### **2.1 Quyền lợi điều trị nội trú**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả chi phí khám và điều trị thực tế của Người được bảo hiểm theo quy định chi tiết của quyền lợi điều trị nội trú trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm tương ứng với lựa chọn Chương trình bảo hiểm, sau khi đã trừ đi khoản Đồng chi trả.

### **2.2 Quyền lợi điều trị ngoại trú (áp dụng khi Bên mua bảo hiểm lựa chọn tham gia thêm)**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả chi phí khám và điều trị ngoại trú thực tế của Người được bảo hiểm theo quy định chi tiết của quyền lợi điều trị ngoại trú trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm tương ứng với lựa chọn Chương trình bảo hiểm.

### **2.3 Quyền lợi chăm sóc răng (áp dụng khi Bên mua bảo hiểm lựa chọn tham gia thêm)**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả chi phí khám và điều trị nha khoa thực tế của Người được bảo hiểm theo quy định chi tiết của quyền lợi chăm sóc răng trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm tương ứng với lựa chọn Chương trình bảo hiểm.

### **2.4 Mức giới hạn chi trả**

(Các) quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 2.1, Điều 2.2 và Điều 2.3 được chi trả không vượt quá (các) mức giới hạn phụ cho từng hạng mục/ quyền lợi theo quy định trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm tương ứng với lựa chọn Chương trình bảo hiểm.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền chi trả cho quyền lợi điều trị nội trú theo Điều 2.1 và quyền lợi điều trị ngoại trú (nếu có) theo Điều 2.2 cho một Bệnh tật/ Thương tật không vượt quá Quyền lợi tối đa của một Bệnh tật/ Thương tật theo quy định trong Bảng liệt kê quyền lợi bảo hiểm tương ứng với lựa chọn Chương trình bảo hiểm.

## **Điều 3: CÁC QUY ĐỊNH LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không thanh toán quyền lợi điều trị nội trú theo quy định tại Điều 2.1 và quyền lợi điều trị ngoại trú theo quy định tại Điều 2.2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ sung này, nếu việc điều trị Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm phát sinh từ hoặc là hậu quả của bất kỳ trường hợp hoặc sự việc nào sau đây:

1. Các tình trạng tồn tại trước mà Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm có tình không khai báo và nếu biết được các thông tin này, Dai-ichi Life Việt Nam đã không chấp thuận bảo hiểm; hoặc các tình trạng tồn tại trước có khai báo và không được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận vào thời điểm thẩm định sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.

2. Bệnh động kinh, tất cả các hình thức của tràn dịch não, cắt bao quy đầu, tất cả các hình thức của hẹp, dài bao quy đầu và các biến chứng của chúng, tất cả các trường hợp vẹo vách ngăn mũi.
3. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STD); các tình trạng có liên quan đến HIV, hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ của mình tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát.
4. Điều trị hoặc phòng ngừa để giảm nhẹ các triệu chứng thông thường liên quan đến tuổi già, sự mãn kinh hoặc dậy thì sớm, rối loạn chức năng tình dục hoặc điều trị rối loạn sinh lý hoặc thay đổi giới tính.
5. Tất cả các chi phí, dịch vụ hoặc điều trị y tế liên quan đến:
  - a. Sự bất thường của thị lực bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở tất cả các hình thức lác mắt (lệ), kính đeo mắt, kính sát tròng, phẫu thuật điều trị tật khúc xạ hoặc lão thị và bất kỳ chi phí nào có liên quan đến việc điều trị trợ giúp thị giác; kiểm tra thính lực;
  - b. Mua hoặc sử dụng các thiết bị chỉnh hình, hỗ trợ chức năng, lắp ghép nhân tạo như chân, tay giả, máy trợ thính hoặc các thiết bị có tính chất tương tự;
  - c. Chẩn đoán, chăm sóc hoặc điều trị nha khoa trừ điều trị tổn thương răng do Tai nạn trong thời gian hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này, hoặc trừ trường hợp có tham gia quyền lợi chăm sóc răng của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này;
  - d. Vô sinh, mang thai, sinh đẻ, sảy thai, phá thai, kế hoạch hóa gia đình hoặc bất kỳ nguyên nhân nào có liên quan đến thai sản, việc triệt sản hoặc kiểm tra việc triệt sản, ngoại trừ các trường hợp điều trị Biến chứng thai sản được liệt kê tại Điều 1.34 và thỏa điều kiện trong Bảng liệt kê quyền lợi theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này;
  - e. Chứng nghiện rượu và chất có cồn, nghiện thuốc lá, ma túy, dược chất gây nghiện hoặc các chất gây nghiện khác được quy định bởi luật pháp của nước sở tại;
  - f. Các rối loạn thần kinh, suy nhược thần kinh, rối loạn giấc ngủ, mất ngủ, các rối loạn tâm thần, rối loạn lo âu, các vấn đề về tâm thần, các rối loạn nhân cách, các rối loạn về nói, tự kỷ, stress (căng thẳng), các rối loạn về ăn, biếng ăn và các tình trạng rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD);
  - g. Phẫu thuật thẩm mỹ, điều trị liên quan đến việc làm đẹp hoặc các biến chứng của việc điều trị này bao gồm các vấn đề về da, viêm nang lông (trứng cá), râm da (hay nám da, sạm da), tàn nhang, mụn thịt, tăng/ giảm hoặc rối loạn sắc tố da, gàu;
  - h. Giảm cân và tăng cân, thừa cân, béo phì, suy nhược cơ thể, suy dinh dưỡng, các biến chứng về rụng tóc, sẹo, tiếp nhận hoặc sử dụng chất/ thuốc có số đăng ký là mỹ phẩm hoặc thực phẩm chức năng, vitamin, khoáng chất, nước mắt nhân tạo, sữa, chất dinh dưỡng bổ sung, các chương trình kiểm soát cân nặng;
  - i. Phẫu thuật chỉnh hình, trừ khi bị thương tích do Tai nạn và phẫu thuật chỉnh hình là cần thiết để khôi phục lại chức năng của Người được bảo hiểm;

- j. Điều trị phòng ngừa, tiêm chủng hoặc chủng ngừa, ngoại trừ vắc xin bệnh dại cần thiết sau khi bị động vật tấn công hoặc chích ngừa uốn ván cần thiết sau khi bị Tai nạn hoặc bị Thương tật;
  - k. Kiểm tra, tầm soát, khám sức khỏe tổng quát, chăm sóc dưỡng bệnh bao gồm cả chữa bệnh bằng cách nghỉ ngơi và việc phục hồi;
  - l. Hành động tự tử hoặc cố ý tự gây thương tích của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí.
6. Điều trị y tế đang trong giai đoạn thử nghiệm chưa được công nhận ở cả trong nước và quốc tế.
  7. Tất cả tổn thất hoặc thương tích phát sinh từ hành động của Người được bảo hiểm dưới ảnh hưởng của chất có cồn, thuốc gây mê, dược chất gây nghiện hoặc chất gây nghiện được quy định bởi luật pháp của nước sở tại; trừ trường hợp việc sử dụng thuốc theo chỉ định của Bác sĩ.
  8. Thương tật do hành vi phạm tội hoặc cố tình tham gia vào các hành vi phạm tội, hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại Bộ luật hình sự hoặc chống lại việc bắt giữ của cơ quan có thẩm quyền của Người được bảo hiểm; hoặc Thương tật do các hành vi tham gia đấu đá của Người được bảo hiểm, trừ khi chứng minh được đó là hành động cứu người hoặc phòng vệ chính đáng.
  9. Thương tật trong khi Người được bảo hiểm tham gia các môn thể thao với tư cách là vận động viên chuyên nghiệp (bao gồm cả việc luyện tập cho môn thể thao đó) và tham gia các môn Thể thao hoặc các hoạt động nguy hiểm.
  10. Bất kỳ sự điều trị, thuốc hoặc các đồ dùng y tế nào không liên quan đến chẩn đoán và chẩn đoán không liên quan đến Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm hoặc không theo sự Cần thiết và hợp lý về mặt y tế.

#### **Điều 4: PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC KHOẢN PHÍ CÓ THỂ KHẤU TRỪ**

- 4.1** Phí bảo hiểm sau khi khấu trừ Phí ban đầu sẽ được tham gia đầu tư và tích lũy trong Quỹ đầu tư của sản phẩm bảo hiểm chính. Giá trị này được tích lũy chung, đồng thời chịu mọi chi phí liên quan đến Quỹ đầu tư của sản phẩm bảo hiểm chính.

##### **4.1.1 Phí ban đầu**

Phí ban đầu tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ sung. Tỷ lệ phí ban đầu của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ bằng Tỷ lệ phí ban đầu của sản phẩm bảo hiểm chính.

##### **4.1.2 Phí bảo hiểm rủi ro**

Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Quỹ đầu tư của sản phẩm bảo hiểm chính. Phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên độ tuổi đạt được, Chương trình bảo hiểm, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp/ việc làm của Người được bảo hiểm.

- 4.2** Dai-ichi Life Việt Nam có thể thay đổi Mức phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này vào bất kỳ Ngày gia hạn năm hợp đồng nào trong tương lai với sự chấp thuận của Bộ Tài chính về Mức phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro mới. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo trước 60 (sáu mươi) ngày cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản trước khi việc thay đổi này

bắt đầu có hiệu lực. Mức phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro mới cũng sẽ được áp dụng đối với các Hợp đồng bảo hiểm có yêu cầu khôi phục hiệu lực.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không chấp nhận việc thay đổi này, Bên mua bảo hiểm có thể thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam yêu cầu chấm dứt sản phẩm bảo hiểm bổ sung này. Sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam gửi văn bản thông báo về việc thay đổi Mức phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro, nếu Dai-ichi Life Việt Nam không nhận được yêu cầu nêu trên thì được xem là Bên mua bảo hiểm đã chấp nhận việc thay đổi này.

## **Điều 5: THAY ĐỔI QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

**5.1** Vào các Ngày gia hạn năm hợp đồng, bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu thực hiện các điều chỉnh sau:

- Tăng/ giảm Chương trình bảo hiểm; hoặc
- Thay đổi mức Đồng chi trả với quyền lợi điều trị nội trú; hoặc
- Tăng/ giảm/ tham gia mới/ hủy bỏ quyền lợi lựa chọn thêm như: quyền lợi điều trị ngoại trú, quyền lợi chăm sóc răng (nếu có).

Việc điều chỉnh Chương trình bảo hiểm sẽ theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm và chỉ có hiệu lực tính từ thời điểm Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bằng văn bản. Sau khi thay đổi, các quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm sẽ điều chỉnh tương ứng.

**5.2** Trường hợp tăng Chương trình bảo hiểm, quyền lợi điều trị nội trú sẽ được chi trả theo quy định như sau:

**5.2.1** Trong năm thứ nhất tính từ ngày yêu cầu tăng Chương trình bảo hiểm gần nhất được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận:

- Nếu Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm xảy ra trước ngày yêu cầu tăng Chương trình bảo hiểm được chấp thuận (dù Người được bảo hiểm đã điều trị hay chưa điều trị), Bệnh tật/ Thương tật đó sẽ tiếp tục được chi trả theo Chương trình bảo hiểm trước khi tăng.
- Nếu Bệnh tật/ Thương tật của Người được bảo hiểm xảy ra tính từ ngày yêu cầu tăng Chương trình bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận, Bệnh tật/ Thương tật đó sẽ được chi trả quyền lợi theo Chương trình bảo hiểm mới.

**5.2.2** Tính từ năm hiệu lực thứ hai của sự điều chỉnh: mức chi trả sẽ theo quyền lợi mới.

**5.3** Trường hợp giảm Chương trình bảo hiểm, quyền lợi điều trị nội trú và các quyền lợi lựa chọn thêm (nếu có tham gia) sẽ được chi trả theo Chương trình bảo hiểm mới.

**5.4** Dai-ichi Life Việt Nam có quyền thay đổi quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này vào bất kỳ Ngày gia hạn năm hợp đồng nào trong tương lai với sự chấp thuận của Bộ Tài chính về quyền lợi bảo hiểm mới. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo trước 60 (sáu mươi) ngày cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản trước khi việc thay đổi quyền lợi bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực. Quyền lợi bảo hiểm mới cũng sẽ được áp dụng đối với các Hợp đồng bảo hiểm có yêu cầu khôi phục hiệu lực.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không chấp nhận việc thay đổi quyền lợi bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có thể thông báo bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam yêu cầu chấm dứt sản phẩm bảo hiểm bổ sung này. Sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam gửi văn bản thông báo về việc thay đổi quyền lợi bảo hiểm, nếu Dai-ichi Life Việt Nam không nhận được yêu cầu nêu trên thì được xem là Bên mua bảo hiểm đã chấp nhận việc thay đổi quyền lợi bảo hiểm.



**Điều 6: KHÔI PHỤC HIỆU LỰC SẢN PHẨM**

Trong trường hợp sản phẩm bảo hiểm bổ sung này mất hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm chính, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực sản phẩm bảo hiểm bổ sung này trong vòng 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày chấm dứt thời gian gia hạn đóng phí của sản phẩm bổ sung hoặc tính từ ngày sản phẩm bổ sung này mất hiệu lực (tùy ngày nào xảy ra sau).

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ tái thẩm định và có quyền chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu khôi phục hiệu lực này. Việc yêu cầu khôi phục hiệu lực sản phẩm bảo hiểm bổ sung này phải được thực hiện cùng với yêu cầu khôi phục hiệu lực sản phẩm bảo hiểm chính hoặc trong thời gian sản phẩm bảo hiểm chính có hiệu lực.

Trong trường hợp sản phẩm bảo hiểm bổ sung này được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận cho khôi phục: Mức phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro tại thời điểm khôi phục hiệu lực sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ được áp dụng.

**Điều 7: CHẤM DỨT HIỆU LỰC SẢN PHẨM**

**7.1** Dai-ichi Life Việt Nam sẽ từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm, đồng thời có quyền chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này hoặc có quyền từ chối gia hạn hiệu lực của sản phẩm bổ sung này tại Ngày gia hạn năm hợp đồng tiếp theo, trong trường hợp có bằng chứng rõ ràng rằng Người được bảo hiểm và/ hoặc Bên mua bảo hiểm cố ý:

- Yêu cầu bồi thường không trung thực; hoặc
- Kê khai không trung thực về Tình trạng tồn tại trước của Người được bảo hiểm, mà theo đó, nếu với thông tin chính xác, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chấp thuận bảo hiểm hoặc không chấp thuận khôi phục hiệu lực của sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.

Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thu Phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hiệu lực, đồng thời không thu hồi các quyền lợi bảo hiểm đã chấp thuận chi trả trước đó.

**7.2** Dai-ichi Life Việt Nam có quyền từ chối gia hạn sản phẩm bảo hiểm bổ sung này vì bất kỳ lý do nào và sẽ thông báo trước Ngày gia hạn năm hợp đồng 30 (ba mươi) ngày cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.

**7.3** Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ chấm dứt hiệu lực khi một trong các sự kiện sau xảy ra:

- Người được bảo hiểm tử vong; hoặc
- Hợp đồng bảo hiểm chính chấm dứt hiệu lực; hoặc
- Bên mua bảo hiểm yêu cầu hủy bỏ sản phẩm bảo hiểm bổ sung này; hoặc
- Khi Dai-ichi Life Việt Nam từ chối việc tiếp tục duy trì sản phẩm bảo hiểm bổ sung này theo quy định tại Điều 7.1 hoặc Bên mua bảo hiểm từ chối gia hạn sản phẩm bảo hiểm bổ sung này; hoặc
- Vào Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 75 (bảy mươi lăm).

**7.4** Quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng sẽ chấm dứt vào Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 (sáu mươi lăm).

**7.5** Sản phẩm bảo hiểm bổ sung này hoặc các quyền lợi lựa chọn thêm cũng có thể chấm dứt do những nguyên nhân khác được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm chính.



**Điều 8: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM****8.1 Người nhận quyền lợi bảo hiểm**

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm bổ sung này cho Người được bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 18 (mười tám) tuổi, cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm sẽ nhận thay quyền lợi bảo hiểm.

**8.2 Để yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, bằng chi phí của mình, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải:**

- Cung cấp các thông tin và giấy tờ hồ sơ cần thiết theo yêu cầu của Dai-ichi Life Việt Nam gồm:
  - Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã điền thông tin đầy đủ và chính xác.
  - Các chứng từ liên quan đến chẩn đoán và điều trị: đơn thuốc, kết quả xét nghiệm, phiếu phẫu thuật (trong trường hợp phẫu thuật), giấy xuất viện, giấy xác nhận cần Điều dưỡng tại nhà, sổ khám bệnh hoặc giấy chứng nhận y khoa do Bác sĩ điều trị hoặc Bác sĩ ký tên có ghi rõ chẩn đoán và việc điều trị được áp dụng.
  - Bản tường trình tai nạn của Người được bảo hiểm trong trường hợp Tai nạn.
  - Các chứng từ liên quan đến việc thanh toán chi phí y tế hợp lệ và hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính, Cục Thuế như hóa đơn tài chính,... Các giấy tờ này phải là bản chính và sẽ được Dai-ichi Life Việt Nam lưu giữ để làm căn cứ giải quyết quyền lợi bảo hiểm.
- Nộp yêu cầu bồi thường trong vòng 12 (mười hai) tháng tính từ ngày xuất viện hoặc ngày điều trị ngoại trú, chăm sóc răng. Các yêu cầu bồi thường nộp muộn quá 12 (mười hai) tháng tính từ ngày xuất viện hoặc ngày điều trị sẽ không được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.
- Thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ, chứng từ của nước ngoài để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam trong trường hợp Dai-ichi Life Việt Nam yêu cầu. Nếu giấy tờ, chứng từ cần phải nộp có ngôn ngữ khác với tiếng Việt thì người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải dịch thuật và chứng thực các chứng từ yêu cầu bồi thường và gửi về cho Dai-ichi Life Việt Nam. Chi phí cho việc hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực, dịch thuật các giấy tờ, chứng từ này sẽ do người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm chịu trách nhiệm thanh toán.
- Dai-ichi Life Việt Nam có quyền yêu cầu Người được bảo hiểm thực hiện kiểm tra y tế. Mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện kiểm tra y tế sẽ do Dai-ichi Life Việt Nam chịu trách nhiệm chi trả theo hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ.

**8.3 Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả các yêu cầu hợp lệ cho Người được bảo hiểm trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo yêu cầu. Trong trường hợp cần điều tra thêm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền kéo dài ngày chi trả nhưng không trễ hơn 45 (bốn mươi lăm) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ theo yêu cầu.****8.4 Trong trường hợp tranh chấp liên quan đến yêu cầu chi trả bồi thường bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam bảo lưu quyền yêu cầu cung cấp thêm bằng chứng bổ sung có liên quan đến tiền sử bệnh hoặc triệu chứng bệnh được ghi nhận trong hồ sơ bệnh đang được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Mọi chi phí liên quan đến việc cung cấp các tài liệu bổ sung sẽ do Dai-ichi Life Việt Nam chịu trách nhiệm chi trả theo hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ. Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải tuân theo những kết quả/ bằng chứng cuối cùng này.**

## BẢNG LIỆT KÊ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng Việt Nam

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM                                                                                                |                                           | Phổ thông                                               | Đặc biệt                                           | Cao cấp                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Quyền lợi tối đa của một Bệnh tật/<br>Thương tật (cho quyền lợi điều trị nội<br>trú và quyền lợi điều trị ngoại trú) |                                           | 300.000.000                                             | 600.000.000                                        | 1.000.000.000                                      |
|                                                                                                                      |                                           | trong suốt thời gian tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung |                                                    |                                                    |
| QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ                                                                                           |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| Đồng chi trả                                                                                                         |                                           | 20% hoặc 0% tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm      |                                                    |                                                    |
| Phạm vi địa lý                                                                                                       |                                           | Toàn cầu                                                |                                                    |                                                    |
| PHẦN I - VIỆN PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ Y TẾ                                                                                |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| 1. Chi phí phẫu thuật nội trú                                                                                        | Tối đa                                    | 25.000.000/ lần<br>Phẫu thuật                           | 50.000.000/ lần<br>Phẫu thuật                      | 75.000.000/ lần<br>Phẫu thuật                      |
|                                                                                                                      | cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật              |                                                         |                                                    |                                                    |
| 2. Chi phí điều trị nội trú khác và<br>chi phí phẫu thuật ngoại trú                                                  | Tối đa                                    | 15.000.000/ năm<br>cho mỗi Bệnh<br>tật/ Thương tật      | 33.000.000/ năm<br>cho mỗi Bệnh<br>tật/ Thương tật | 60.000.000/ năm<br>cho mỗi Bệnh<br>tật/ Thương tật |
| a. Chi phí xét nghiệm chẩn đoán<br>theo yêu cầu của Bác sĩ, chẩn<br>đoán hình ảnh                                    |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| b. Thuốc được kê đơn                                                                                                 |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| c. Máu và huyết tương                                                                                                |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| d. Thuê xe lăn                                                                                                       |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| e. Phí chuyên môn                                                                                                    |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| f. Phí khám bệnh hằng ngày của<br>Bác sĩ                                                                             |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| g. Điều trị trước và sau khi nằm<br>viện (30/60)                                                                     |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| h. Phẫu thuật ngoại trú                                                                                              |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| 3. Tiền phòng                                                                                                        | Tối đa                                    | 1.500.000/ ngày                                         | 2.500.000/ ngày                                    | 3.000.000/ ngày                                    |
|                                                                                                                      | 45 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật |                                                         |                                                    |                                                    |
| 4. Giường cho người thân khi<br>chăm sóc cho Người được bảo<br>hiểm là trẻ em dưới 18 tuổi                           | Tối đa                                    | 500.000/ ngày                                           | 750.000/ ngày                                      | 1.000.000/ ngày                                    |
|                                                                                                                      | 10 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật |                                                         |                                                    |                                                    |
| 5. Khoa/ phòng chăm sóc đặc<br>biệt (ICU)                                                                            | Tối đa                                    | 2.100.000/ ngày                                         | 3.150.000/ ngày                                    | 5.250.000/ ngày                                    |
|                                                                                                                      | 15 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật |                                                         |                                                    |                                                    |
| 6. Điều dưỡng tại nhà                                                                                                | Tối đa                                    | 250.000/ ngày                                           | 350.000/ ngày                                      | 500.000/ ngày                                      |
|                                                                                                                      | 30 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật |                                                         |                                                    |                                                    |
| 7. Điều trị tổn thương răng do<br>Tai nạn                                                                            | Tối đa                                    | 3.000.000/ năm                                          | 5.000.000/ năm                                     | 7.500.000/ năm                                     |
|                                                                                                                      | cho mỗi Tai nạn                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| PHẦN II - CHI PHÍ CẤP CỨU                                                                                            |                                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| 1. Điều trị cấp cứu do Tai nạn                                                                                       | Tối đa                                    | 2.100.000/ năm                                          | 5.250.000/ năm                                     | 10.500.000/ năm                                    |
|                                                                                                                      | cho mỗi Tai nạn                           |                                                         |                                                    |                                                    |
| 2. Chi phí xe cấp cứu                                                                                                | Tối đa                                    | 3.000.000/ năm                                          | 5.000.000/ năm                                     | 100% chi phí thực tế                               |
|                                                                                                                      | cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật              |                                                         |                                                    |                                                    |

| <b>PHẦN III - CÁC QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT</b>                                                                                                                                                                                                                 |        |                                                                                                                               |                      |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>GIỚI HẠN BẢO HIỂM</b> đối với các quyền lợi bảo hiểm trong Phần III                                                                                                                                                                                            | Tối đa | Quyền lợi này được chi trả theo mức giới hạn cho từng hạng mục của Phần I, Phần II nêu trên và mức giới hạn của Phần III này. |                      |                      |
| <b>1. Điều trị ung thư (hóa trị/ xạ trị)</b>                                                                                                                                                                                                                      | Tối đa | 100% chi phí thực tế                                                                                                          | 100% chi phí thực tế | 100% chi phí thực tế |
| <b>2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến tạng cho Người được bảo hiểm</b><br>Chi phí y tế liên quan đến cấy ghép bộ phận của người hiến tạng cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này. | Tối đa | 150.000.000                                                                                                                   | 300.000.000          | 500.000.000          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                   |        | cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương; trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                   |                      |                      |
| <b>3. Lọc máu ngoài thận (Lọc thận)</b>                                                                                                                                                                                                                           | Tối đa | 5.000.000/ năm                                                                                                                | 10.000.000/ năm      | 15.000.000/ năm      |
| <b>4. Điều trị bệnh tật bẩm sinh, khuyết tật khi sinh</b>                                                                                                                                                                                                         | Tối đa | 15.000.000                                                                                                                    | 25.000.000           | 35.000.000           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                   |        | cho tất cả bệnh tật bẩm sinh, khuyết tật khi sinh trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                                      |                      |                      |
| <b>5. Điều trị Biến chứng thai sản</b><br><u>Lưu ý:</u> Quyền lợi này chỉ được chi trả khi Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này trước khi mang thai.                                                                                        | Tối đa | 15.000.000                                                                                                                    | 25.000.000           | 35.000.000           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                   |        | cho mỗi Biến chứng thai sản trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                                                            |                      |                      |

| <b>QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM</b>                                                                                                                                                                                   |           |                          |                          |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ</b>                                                                                                                                                                              |           |                          |                          |                          |
| <b>Phạm vi địa lý</b>                                                                                                                                                                                            |           | <b>Việt Nam</b>          |                          |                          |
| <b>GIỚI HẠN BẢO HIỂM</b>                                                                                                                                                                                         | Tối đa    | <b>5.000.000/ năm</b>    | <b>10.000.000/ năm</b>   | <b>15.000.000/ năm</b>   |
| <b>1. Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại (Tây y)</b>                                                                                                                                                         | Tối đa    | 1.000.000/ lần thăm khám | 2.000.000/ lần thăm khám | 4.000.000/ lần thăm khám |
|                                                                                                                                                                                                                  | Tối thiểu | 210.000/ lần thăm khám   | 210.000/ lần thăm khám   | 210.000/ lần thăm khám   |
| <b>2. Y học thay thế</b>                                                                                                                                                                                         | Tối đa    | 1.500.000/ năm           | 2.500.000/ năm           | 4.000.000/ năm           |
| <b>QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG</b>                                                                                                                                                                                   |           |                          |                          |                          |
| <b>Phạm vi địa lý</b>                                                                                                                                                                                            |           | <b>Việt Nam</b>          |                          |                          |
| <b>GIỚI HẠN BẢO HIỂM</b>                                                                                                                                                                                         | Tối đa    |                          |                          | <b>10.500.000/ năm</b>   |
| <b>Điều trị nha khoa</b> (sự kiểm tra, thăm khám, điều trị và phẫu thuật liên quan đến những bệnh của răng và nướu hoặc hàm trong trường hợp có liên quan đến răng, ngoại trừ răng giả, cầu răng và cấy implant) | Tối thiểu | Không áp dụng            | Không áp dụng            | 210.000/ lần thăm khám   |



## GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Số Hợp đồng bảo hiểm:

008131616

**PHẦN 1: THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**  
**BÊN MUA BẢO HIỂM (BMBH) LÀ CÁ NHÂN**

|                                                                                        |                                                                       |                                           |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|
| Họ và tên:                                                                             | NGUYỄN HỒNG LOAN                                                      |                                           |           |
| Ngày tháng năm sinh:                                                                   | 08/12/1964                                                            | Nơi sinh:                                 | Hà Nội    |
| Số CCCD/CMND/Hộ Chiếu :                                                                | 001164036347                                                          | Giới tính:                                | Nữ        |
| Tình trạng hôn nhân:                                                                   | Đã lập gia đình                                                       | Quốc tịch:                                | Việt Nam  |
| Địa chỉ thường trú:<br>(tại quốc gia mang quốc tịch)                                   | 0510 R6 Số 72A Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội |                                           |           |
| Địa chỉ thư tín:<br>(chỉ liên lạc với BMBH theo địa chỉ tại Việt Nam)                  | 0510 R6 Số 72A Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội |                                           |           |
| Điện thoại di động:                                                                    | 0834126868                                                            | Điện thoại nhà riêng:                     |           |
| Email:                                                                                 | loannh@minhanhltd.com                                                 |                                           |           |
| Nghề nghiệp/Việc làm hiện tại:                                                         | Nghề thông dụng-Ban giám đốc, chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý        |                                           |           |
| Chức vụ/Mô tả chi tiết công việc:                                                      |                                                                       |                                           |           |
| Nghề nghiệp/Việc làm khác:                                                             | <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có |                                           |           |
| Thu nhập bình quân:                                                                    |                                                                       | 1.000.000.000                             | (VNĐ/năm) |
| Thu nhập gia đình:                                                                     |                                                                       | 5.000.000.000                             | (VNĐ/năm) |
| BMBH có thực hiện khai báo thuế tại Hoa Kỳ không?                                      | <input type="checkbox"/> Có                                           | <input checked="" type="checkbox"/> Không |           |
| <input checked="" type="checkbox"/> Bên mua bảo hiểm cũng là Người được bảo hiểm chính |                                                                       |                                           |           |

**PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

|                              |                 |                          |    |
|------------------------------|-----------------|--------------------------|----|
| <b>CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM</b> | An Tâm Đầu Tư   |                          |    |
| <b>2A. BẢO HIỂM CHÍNH</b>    | An Thịnh Đầu Tư |                          |    |
| Số tiền bảo hiểm (VNĐ):      | 600.000.000     | Quyền lợi bảo hiểm:      |    |
| Thời hạn bảo hiểm (năm):     | 42              | Thời hạn đóng phí (năm): | 42 |

EA00669440

Tỷ lệ phân bổ đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị

Quỹ Tăng trưởng

100%

Quỹ Dẫn đầu

Quỹ Phát triển

Quỹ Tài chính năng động

Quỹ Bảo toàn

**2B. BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ DÀNH CHO NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH VÀ BÊN MUA BẢO HIỂM**

Chi tiết sản phẩm bổ sung/bổ trợ theo Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm và các thỏa thuận bổ sung khác đính kèm.

**PHẦN 3: CHI TIẾT ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM**

Định kỳ đóng phí:

Năm

Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ (VNĐ):

51.512.000

Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (VNĐ):

120.000.000

**PHẦN 4: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI THỤ HƯỞNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

| Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số CCCD/CMND/HC/ĐDCN/GKS | Địa chỉ                                                               | Mối quan hệ với NDBH | Tỷ lệ % thụ hưởng |
|------------------|---------------------|-----------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Nguyễn Hồng Loan | 08/12/1964          | Nữ        | 001164036347             | 0510 R6 Số 72A Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội | Bản thân             | 100               |

**PHẦN 5: THÔNG TIN VỀ VIỆC THAM GIA BẢO HIỂM**

Ngoài yêu cầu bảo hiểm này, BMBH/NDBH đã từng hoặc đang có Yêu cầu/Hợp đồng bảo hiểm với bất kỳ Công ty bảo hiểm nhân thọ nào khác ngoài Dai-ichi Life Việt Nam không (kể cả Yêu cầu/Hợp đồng bảo hiểm bị hủy/từ chối)? ☐ Có ☒ Không

**PHẦN 6: THÔNG TIN VỀ SỨC KHỎE**

**THÔNG TIN SỨC KHỎE CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM (BMBH)**

Họ và tên:

NGUYỄN HỒNG LOAN

1.a Chiều cao: (cm)

155

Cân nặng: (kg)

54

1.b Trong 6 tháng qua, cân nặng của BMBH có thay đổi quá 5kg không?

☐ Có

☒ Không

2.a BMBH đã từng hoặc đang sử dụng bia, rượu hoặc loại thức uống có cồn nào khác không?

☐ Có

☒ Không

2.b BMBH có đang được điều trị bằng bất kỳ loại thuốc nào không?

☐ Có

☒ Không

2.c BMBH đã bao giờ sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích, ma túy hoặc bất kỳ chất gây nghiện nào khác không?

☐ Có

☒ Không

**3. BMBH đã từng hoặc đang có dấu hiệu/ triệu chứng hoặc được chẩn đoán/ điều trị bệnh/ chứng bệnh nào sau đây hay không?**

|                                                                                                                                                                                                                                                           |                                        |                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|
| 3.a Rối loạn mỡ máu, huyết áp cao, huyết áp thấp, tai biến mạch máu não (đột quỵ), cơn đau tim, âm thổi ở tim, khó thở, rối loạn nhịp tim, thấp tim, đau ngực, bệnh van tim, bệnh hoặc bất kỳ rối loạn ở tim hoặc mạch máu?                               | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.b Bệnh hen/ suyễn, viêm phế quản, viêm phổi, lao phổi, ho kéo dài hơn 2 tuần, ho ra máu hoặc những bệnh lý liên quan đến hệ hô hấp?                                                                                                                     | <input checked="" type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không            |
| <i>BLý do khám:</i> Khó thở                                                                                                                                                                                                                               |                                        |                                           |
| <i>Thời gian xảy ra:</i> 7/2022                                                                                                                                                                                                                           |                                        |                                           |
| <i>Nơi khám/ điều trị:</i> Bệnh viện 108                                                                                                                                                                                                                  |                                        |                                           |
| <i>Chẩn đoán chính xác/ điều trị:</i> Hen suyễn                                                                                                                                                                                                           |                                        |                                           |
| <i>Tình trạng hiện tại:</i>                                                                                                                                                                                                                               |                                        |                                           |
| <i>Có cung cấp hồ sơ khám/điều trị?</i> Không. Lý do: Không lưu                                                                                                                                                                                           |                                        |                                           |
| 3.c Bệnh tiểu đường (đái tháo đường), tăng đường máu, bệnh tuyến giáp, bệnh tuyến yên hoặc các rối loạn, bệnh lý liên quan đến tuyến nội tiết?                                                                                                            | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.d Suy sụp thần kinh, động kinh, mất nhận thức, liệt, yếu chi, đau đầu kéo dài hơn 2 tuần, viêm não/ màng não, bệnh tâm thần hoặc các rối loạn tâm thần/ thần kinh?                                                                                      | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.e Chảy máu mũi, thị lực kém, rối loạn thính lực, rối loạn ngôn ngữ hoặc bệnh lý ở tai, mắt, mũi và họng?                                                                                                                                                | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.f Bệnh sốt cơn hoặc sốt kéo dài hơn 2 tuần?                                                                                                                                                                                                             | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.g Viêm/ Loét dạ dày hoặc tá tràng, tiêu chảy kéo dài hơn 2 tuần, tiêu chảy mãn tính hoặc từng đợt, sỏi mật, viêm gan hoặc rối loạn chức năng gan, vàng da, xơ gan, viêm đại tràng, đi đại tiện ra máu hoặc bệnh lý ở đường tiêu hóa, viêm tụy, sỏi tụy? | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.h Máu, đạm hoặc đường trong nước tiểu, sỏi thận, viêm hoặc các bệnh ở thận, đường tiết niệu hoặc cơ quan sinh dục?                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.i Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS), bệnh lây qua đường tình dục ( giang mai, lậu,...)?                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.j Bệnh thiếu máu, bệnh bạch huyết, suy tủy, xuất huyết, bất thường về máu hoặc đã từng được truyền máu?                                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.k Bệnh viêm khớp, bệnh hoặc biến dạng hoặc rối loạn/ bất thường ở cơ, da, xương, khớp (chi, cột sống)?                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.l Bệnh ung thư, u bướu, cục, nang, tăng sinh, loạn sản hoặc phì đại ở các tuyến, bộ phận của cơ thể?                                                                                                                                                    | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |
| 3.m Bệnh xơ cứng bì, lupus (ban) đỏ, bệnh hệ thống, bệnh tự miễn?                                                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> Có            | <input checked="" type="checkbox"/> Không |



**EA00669440**

3.n Các dị tật, khiếm khuyết, bất thường nào, dù là bẩm sinh hoặc mắc phải; bệnh/ rối loạn/ phẫu thuật/ tai nạn/ tổn thương hoặc mất khả năng hoạt động bộ phận của cơ thể hoặc nhiễm độc hóa chất không? ☐ Có ☒ Không

4.a Trong 3 năm qua, BMBH đã bao giờ khám sức khỏe hoặc điều trị nội hay ngoại trú tại bệnh viện hoặc phòng khám; thực hiện hoặc được khuyên nên thực hiện bất kỳ việc xét nghiệm nào chưa (bao gồm xét nghiệm máu/ nước tiểu, xét nghiệm HIV, XQuang, CT Scan, MRI, chụp mạch máu, điện tâm đồ, điện tâm đồ gắng sức, siêu âm, nội soi, hoặc sinh thiết)? ☐ Có ☒ Không

4.b Cha, Mẹ hoặc anh/chị/em của BMBH có ai mắc bệnh hoặc tử vong vì bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch, bệnh thận, bệnh tâm thần, ung thư trước 60 tuổi không? ☐ Có ☒ Không

**5. Nếu là PHỤ NỮ, vui lòng trả lời câu hỏi này:**

5.a BMBH có đang mang thai? ☐ Có ☒ Không

5.b BMBH có rối loạn kinh nguyệt hoặc biến chứng thai kỳ trong các lần thai sản? ☐ Có ☒ Không

**PHẦN 7: SỬ DỤNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**

Tôi (Bên mua bảo hiểm) xác nhận đồng ý các nội dung như sau:

1. Sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Điện Tử liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm được phát hành theo Giấy yêu cầu bảo hiểm này.
2. Đã đọc, hiểu, đồng ý và cam kết tuân thủ: (i) quy định của Điều Khoản Và Điều Khoản Giao Dịch Điện Tử của Giấy yêu cầu bảo hiểm này; (ii) tất cả quy định và hướng dẫn của Dai-ichi Life Việt Nam và pháp luật liên quan đến Giao Dịch Điện Tử.
3. Công ty được quyền gửi thông tin Mã Truy Cập và Mật Khẩu Truy Cập để sử dụng hình thức Giao Dịch Điện Tử, và thực hiện Giao Dịch Điện Tử thông qua địa chỉ thư điện tử (email) và/hoặc số điện thoại mà tôi đã cung cấp tại Phần 1 của Giấy yêu cầu bảo hiểm này và tại (các) yêu cầu thay đổi được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận tại từng thời điểm.
4. Thông báo ngay bằng văn bản cho Dai-ichi Life Việt Nam kèm theo các giấy tờ liên quan khi có sự thay đổi về thông tin (bao gồm không giới hạn địa chỉ thư điện tử (email) và số điện thoại). Việc thay đổi thông tin chỉ có hiệu lực kể từ ngày được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận. Tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thông báo thông tin thay đổi tới Dai-ichi Life Việt Nam, và việc chậm trễ thông báo sự thay đổi sẽ không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý đối với các Giao Dịch Điện Tử đã thực hiện trước khi việc thay đổi thông tin được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.
5. Mọi giao dịch được thực hiện dưới hình thức Giao Dịch Điện Tử đều có giá trị pháp lý và là cơ sở để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

**PHẦN 8: CAM KẾT CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

1. Tôi/ chúng tôi cam kết rằng tất cả các thông tin trên đây cũng như bất cứ thông tin nào khác cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam đều là đầy đủ và đúng sự thật. Tôi/ chúng tôi không che giấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá và chấp thuận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Tôi/ chúng tôi hiểu rằng tôi/ chúng tôi phải có trách nhiệm thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam bất kỳ sự thay đổi nào về tình trạng sức khỏe của những người tham gia bảo hiểm, trước khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành. Tôi/ chúng tôi khẳng định tất cả các câu trả lời là hoàn toàn chính xác.

Dai-ichi Life Việt Nam có trách nhiệm bảo mật thông tin do tôi/ chúng tôi cung cấp.

Dai-ichi Life Việt Nam không được chuyển giao thông tin do tôi/ chúng tôi cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp: thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán phí bảo hiểm; phát hành, lưu trữ, quản lý, thực hiện hợp đồng bảo hiểm; thu phí bảo hiểm; tái bảo hiểm; trích lập dự phòng nghiệp vụ; giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm; nghiên cứu thiết kế sản phẩm; phòng chống trục lợi bảo hiểm; nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn; và các trường hợp khác được tôi/chúng tôi đồng ý bằng văn bản.

2. Tôi/ chúng tôi hiểu và đồng ý rằng việc đóng Phí bảo hiểm tạm nộp trước khi Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận không có nghĩa Dai-ichi Life Việt Nam cam kết phát hành Hợp đồng bảo hiểm theo như yêu cầu, Hợp đồng sẽ chỉ bắt đầu có hiệu lực khi Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được chấp thuận hoàn toàn, phí bảo hiểm đầu tiên đã được nộp đủ và Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.
3. Tôi/ chúng tôi đồng ý cho phép Cơ quan bảo hiểm, Công ty bảo hiểm, Bác sĩ hoặc cơ sở y tế đã điều trị hoặc tư vấn sức khỏe được quyền cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam, Công ty Tái bảo hiểm hoặc tòa án có liên quan bất kỳ thông tin nào về yêu cầu bảo hiểm/ bồi thường hoặc tình trạng sức khỏe của những người tham gia bảo hiểm khi được yêu cầu. Bản sao của hồ sơ này có giá trị như bản gốc.
4. Liên quan đến quy định về thuế tại Hoa Kỳ, khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tôi/ chúng tôi đồng ý và cho phép công ty được tiết lộ thông tin mà tôi/ chúng tôi đã cung cấp cho công ty. Tôi/ chúng tôi đồng ý cung cấp thêm thông tin trong thời gian hợp lý khi công ty yêu cầu.
5. Giấy yêu cầu bảo hiểm này được xem là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm khi yêu cầu bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận.

## **PHẦN 9: THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH/NHÂN VIÊN TƯ VẤN**

|                            |                                  |
|----------------------------|----------------------------------|
| Họ và tên TVTC/NVTV:       | Lê Tuyết Thanh                   |
| Mã số TVTC/NVTV:           | 1035655                          |
| Chi nhánh/Phòng giao dịch: | Ngân hàng Sacombank-PGD Bà Triệu |
| Mã chi nhánh:              | 941175                           |

## **PHẦN 10: ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (ĐK&ĐKGDDT)**

### **1. Định nghĩa**

- 1.1. “**Giao Dịch Điện Tử (GDDT)**” là các giao dịch được thực hiện trực tiếp bởi Bên mua bảo hiểm (BMBH) hay các lệnh được gửi đến Dai-ichi Life Việt Nam (DLVN) thông qua Phương Tiện Điện Tử.
- 1.2. “**Dịch Vụ Giao Dịch Điện Tử (DVGGDDT)**” là các dịch vụ được cung cấp bởi DLVN cho BMBH để thực hiện GDDT.
- 1.3. “**Phương Tiện Điện Tử (PTĐT)**” là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự (bao gồm nhưng không giới hạn như internet, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, thư điện tử, nhắn tin qua điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác).
- 1.4. “**Hệ Thống Thông Tin (HTTT)**” là hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với Thông Điệp Dữ Liệu (bao gồm nhưng không giới hạn các chương trình, ứng dụng phần mềm được thiết lập tại địa chỉ <https://kh.dai-ichi-life.com.vn> và/hoặc tại các máy chủ; điện thoại; máy fax; thiết bị truyền dữ liệu, ghi âm hay các thiết bị khác).

- 1.5. “**Thông điệp Dữ liệu (TDDL)**” là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng PTĐT.
- 1.6. “**Mã Xác Thực**” là chuỗi ký tự (chữ số, chữ cái, dấu, ký tự đặc biệt) được HTTT tạo ra hoặc ghi nhận để gắn với người thực hiện GDĐT tại mỗi lần thực hiện GDĐT nhằm phục vụ việc xác thực.
- 1.7. “**Chứng từ Điện tử (CTĐT)**” là các dữ liệu được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng PTĐT khi thực hiện GDĐT; bao gồm chứng từ, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận, thông tin giao dịch và các loại thông tin, dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.
- 1.8. “**Người Dùng (ND)**” là BMBH cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của BMBH tổ chức để thực hiện GDĐT.
- 1.9. “**Thông tin Đăng Nhập (TTĐN)**” bao gồm Mã Truy Cập và Mật Khẩu Truy Cập.
- 1.10. “**Mật Khẩu Truy Cập (MKTC)**” bao gồm tất cả cụm từ, mật mã, chữ số, ký hiệu hoặc các biện pháp xác thực khác được bảo mật, và được cung cấp cho ND hoặc được ND đăng ký với DLVN để xác thực việc truy cập vào HTTT.

## **2. Trách nhiệm của Người Dùng**

- 2.1. Tự mình chịu mọi thiệt hại phát sinh từ hoặc có nguyên nhân đến (các) rủi ro của GDĐT. ND có trách nhiệm tự cập nhật các rủi ro trong GDĐT được đăng tải website của DLVN và/hoặc HTTT.
- 2.2. Chịu trách nhiệm bảo mật toàn bộ các thông tin, bảo quản các PTĐT liên quan đến GDĐT và thực hiện tất cả biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất để ngăn ngừa sự sử dụng trái phép các thông tin, Mã Xác Thực, TTĐN và PTĐT. Cho mục đích này, ND cam kết không bao giờ tiết lộ thông tin, Mã Xác Thực và TTĐN hoặc đưa PTĐT cho bất kỳ ai bằng bất cứ hình thức nào, dù vô tình hay cố ý, tại bất kỳ nơi nào và vào bất kỳ thời điểm nào. ND đồng ý tự mình chịu trách nhiệm, thiệt hại, tổn thất đối với mọi GDĐT được thực hiện thông qua Mã Xác Thực và TTĐN.
- 2.3. Thông báo ngay lập tức cho DLVN nếu tính bảo mật của Mã Xác Thực và TTĐN bị vi phạm.
- 2.4. Thay đổi MKTC ban đầu trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày được cung cấp. DLVN được miễn trừ trách nhiệm với mọi thiệt hại phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc không đổi MKTC ban đầu theo Điều 2.4 này.
- 2.5. Thực hiện tất cả biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo tính an toàn, tính bảo mật, tính tương thích cho PTĐT mà ND sử dụng để kết nối truy cập vào HTTT, bao gồm không giới hạn cài đặt và thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus, cập nhật phiên bản ứng dụng mới nhất, thông báo cho DLVN khi phát hiện hoặc nghi ngờ có hiện tượng truy cập trái phép vào HTTT, hoặc nghi ngờ TTĐN không còn bảo mật.

## **3. Trách nhiệm của Dai-ichi Life Việt Nam**

- 3.1. Nỗ lực tối đa để bảo đảm sự an toàn về mặt kỹ thuật nhằm bảo mật các dữ liệu được truyền tải trong GDĐT.
- 3.2. Khóa quyền sử dụng của ND ngay khi nhận được thông báo trực tiếp thông qua số Hotline của DLVN (sau khi đã hoàn tất các bước xác minh thông tin khách hàng) hoặc bằng văn bản của ND, tùy hình thức được DLVN áp dụng
- 3.3. Chấm dứt việc sử dụng DVGDĐT trong vòng tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của ND về việc chấm dứt sử dụng DVGDĐT.

## **4. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều khoản**

DLVN có quyền sửa đổi, bổ sung ĐK&ĐKGDĐT này bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước khi có hiệu lực cho ND bằng các hình thức như: gửi thư thông qua địa chỉ thư điện tử (email) mà ND cung cấp và/hoặc công bố trên website của DLVN và/hoặc HTTT, và/hoặc niêm yết tại các văn phòng của DLVN, và/hoặc bất cứ phương thức nào phù hợp với quy định pháp luật. ĐK&ĐKGDĐT sửa đổi, bổ sung sẽ có giá trị ràng buộc nếu ND tiếp tục thực hiện GDĐT sau khi ĐK&ĐKGDĐT sửa đổi, bổ sung có hiệu lực.

**5. Thời gian hiệu lực**

ĐK&ĐKGDĐT này có hiệu lực kể từ ngày BMBH ký Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đến khi có sự kiện pháp lý làm chấm dứt việc sử dụng DVGDĐT.



## PHIẾU XÁC NHẬN HỒ SƠ YÊU CẦU BẢO HIỂM DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

Đính kèm Hồ sơ Yêu cầu bảo hiểm số: E A 0 0 6 6 9 4 4 0

Kính gửi: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“Dai-ichi Life Việt Nam”)

## A. PHẢN XÁC NHẬN

Chúng tôi, là Bên mua bảo hiểm và (những) Người được bảo hiểm (NDBH) ký tên tại Phần B của Phiếu xác nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử này (“Phiếu xác nhận”) đề yêu cầu tham gia bảo hiểm, bằng văn bản này, xác nhận và đồng ý rằng:

1. Chúng tôi đã được Tư vấn tài chính giới thiệu, tư vấn chi tiết, đầy đủ và và nhận thức rõ về nghĩa vụ, quyền lợi và đặc thù của bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam; minh họa kế hoạch đóng phí; thống nhất giải pháp tài chính với các sản phẩm bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH); đã phân tích nhu cầu tài chính/ khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro/ giới thiệu Quỹ đầu tư và mức độ rủi ro của Quỹ (đối với sản phẩm Liên kết đơn vị); và
2. Chúng tôi đã đọc, được Tư vấn tài chính trình bày, hiểu rõ và đồng ý thực hiện giao dịch nộp HSYCBH dữ liệu điện tử để tham gia bảo hiểm với Dai-ichi Life Việt Nam; và
3. Chúng tôi đã trực tiếp cung cấp, kiểm tra và xác nhận tính chính xác của tất cả thông tin trong HSYCBH mà không che giấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá và chấp thuận HSYCBH, trước khi bấm nút “Nộp hồ sơ” thông qua ứng dụng nộp HSYCBH điện tử; và
4. Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phiếu xác nhận này và HSYCBH là cơ sở pháp lý cho đề nghị tham gia bảo hiểm với Dai-ichi Life Việt Nam, và là một phần cấu thành không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm nếu được Dai-ichi Life Việt Nam chấp thuận bảo hiểm, mà không cần thêm xác nhận, chấp thuận hay chữ ký nào khác của chúng tôi; và
5. Chúng tôi hiểu rằng sau khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ gửi bộ Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Trong Thời hạn xem xét lại (21 ngày), chúng tôi có trách nhiệm kiểm tra lại tính chính xác của toàn bộ các thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin đã khai báo trong HSYCBH, quy định của (các) Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm nhằm đảm bảo Hợp đồng bảo hiểm được phát hành đáp ứng đúng nhu cầu của chúng tôi; và
6. Dai-ichi Life Việt Nam sẽ có toàn quyền sử dụng chữ ký dưới đây làm chữ ký mẫu trong tất cả giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm được phát hành theo HSYCBH và Phiếu xác nhận này.

## B. PHẢN KÝ TÊN

(Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi thì Cha/ Mẹ/ Người giám hộ hợp pháp sẽ xác nhận và ký thay).

Đề nghị Bên mua bảo hiểm và (những) Người được bảo hiểm (NDBH) ký và ghi rõ Họ tên.

Ngày ký: 28.07.2022

| BÊN MUA BẢO HIỂM | NDBH CHÍNH     | NDBH BỔ SUNG 1        |
|------------------|----------------|-----------------------|
|                  |                |                       |
| NDBH BỔ SUNG 2   | NDBH BỔ SUNG 3 | Dành cho TVTC/NVTV    |
|                  |                | <br>Mã số: 1035655... |

RECEIVED  
28 JUL 2022

ADHAN:.....

# PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG THÔNG TIN

Mẫu NBI: Sử dụng cho Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm

Số Hợp đồng bảo hiểm/ 8 4 3 1 6 1 6

Số Giấy yêu cầu bảo hiểm: 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0

Họ tên Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Hồng Loan

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.



Tôi/Chúng tôi, Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đề nghị:

☒ Bổ sung chi tiết cá nhân của:

Bên mua bảo hiểm (BMBH)

Người được bảo hiểm (NDBH)

Họ và tên:

Giới tính:

Tình trạng hôn nhân gia đình:

Số CMND/CCCD/HIC/Giấy khai sinh:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ liên lạc

Số điện thoại:

Nghề nghiệp (mô tả chi tiết):

Mối quan hệ với NDBH chính:

Ngày ký yêu cầu bảo hiểm:

Thông tin bổ sung trên YCBH:

(Thông tin sức khỏe/Thông tin khác)

Tôi không liên hồ sơ khám và điều trị hen suyễn tháng 7/2022 nên không có hồ sơ để nộp cho công ty, đề bổ sung thêm thông tin ngày 14/07/2022 về

☐ Tham gia hoặc thay đổi Quỹ đầu tư và tỷ lệ phân bổ (Dành cho sản phẩm liên kết đơn vị): công ty

☐ Tăng trưởng.....% ☐ Phát triển.....% ☐ Bảo toàn.....% ☐ Dẫn đầu.....% ☐ Tài chính năng động.....%

☐ Tham gia hoặc thay đổi sản phẩm bảo hiểm: ☐ Người được bảo hiểm ☐ Người được bảo hiểm bổ sung (Nộp kèm tờ khai sức khỏe)

| Tên sản phẩm bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm | Thời hạn bảo hiểm | Họ tên Người được bảo hiểm |
|-----------------------|------------------|-------------------|----------------------------|
|                       |                  |                   |                            |
|                       |                  |                   |                            |

☐ Bổ sung hoặc thay đổi Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm:

| Họ và Tên | Ngày tháng năm sinh | Số CMND/CCCD/HIC/GKS | Giới tính | Mối quan hệ với NDBH | Tỷ lệ thụ hưởng (%) |
|-----------|---------------------|----------------------|-----------|----------------------|---------------------|
|           |                     |                      |           |                      |                     |
|           |                     |                      |           |                      |                     |

Tôi/Chúng tôi:

- Cam kết rằng tất cả các thông tin trên đây cũng như bất cứ thông tin nào khác cung cấp cho Dai-ichi Life Việt Nam đều là đầy đủ, đúng sự thật và hoàn toàn chính xác. Tôi không che giấu bất cứ thông tin nào có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá và chấp nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- Hiểu rằng phải có trách nhiệm thông báo cho Dai-ichi Life Việt Nam bất kỳ sự thay đổi nào về tình trạng sức khỏe của những người tham gia bảo hiểm, trước khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Ngày ký: 29/07/2022

|                                                                                                                                    |                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chữ ký Bên mua bảo hiểm (ký, ghi rõ Họ và tên)<br><br>Nguyễn Hồng Loan                                                             | Chữ ký Người được bảo hiểm (ký, ghi rõ Họ và tên)<br>(Nếu NDBH chưa đủ 18 tuổi, Cha/mẹ hoặc Người giám hộ hợp pháp của NDBH ký thay)<br><br>Lê Tuyết Minh |
| Phần dành cho Tư vấn tài chính/Nhân viên tư vấn:<br>Ngày nhận phiếu yêu cầu: 29/07/2022<br>Họ Tên: Lê Tuyết Minh<br>Mã số: 1035655 | Phần dành cho Bộ phận Tiếp nhận và Chuyển tiếp<br><br>29 JUL 2022<br>ADHAN:..... NB - 04/2022                                                             |



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/07/2022

## THƯ THỎA THUẬN

V/v: **Bổ sung các điều kiện bảo hiểm riêng**

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Kính gửi Quý khách:

**NGUYỄN HỒNG LOAN**  
0510 R6 72A Nguyễn Trãi  
P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân  
TP. Hà Nội

Hợp đồng bảo hiểm số: **8131616**  
Người được bảo hiểm chính: **NGUYỄN HỒNG LOAN**

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Dai-ichi Life Việt Nam") chân thành cảm ơn Quý khách đã tin nhiệm tham gia bảo hiểm cùng chúng tôi. Chúng tôi đã nhận được hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm của Quý khách, sau khi thẩm định và đánh giá thông tin, chúng tôi xin thông báo Hợp đồng bảo hiểm 8131616 sẽ được phát hành với các khoản phí bảo hiểm cơ bản và điều kiện sau:

### 1. Phí bảo hiểm cơ bản:

| Sản phẩm bảo hiểm          | Người được bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm (đồng) | Thời hạn bảo hiểm (năm) | Định kỳ đóng phí | Phí bảo hiểm cơ bản tạm tính (đồng) | Phí bảo hiểm cơ bản sau khi thẩm định (đồng) |
|----------------------------|---------------------|-------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|
| An Thịnh Đầu Tư            | NGUYỄN HỒNG LOAN    | 600.000.000             | 42                      | Năm              | 42.990.000                          | 49.438.500                                   |
| Bảo Hiểm Tai Nạn Cao Cấp   | NGUYỄN HỒNG LOAN    | 200.000.000             | 18                      | Năm              | 640.000                             | 1.120.000                                    |
| Quyền Lợi Điều Trị Nội Trú | NGUYỄN HỒNG LOAN    | Cao cấp                 | 1                       | Năm              | 7.882.000                           | 8.670.200                                    |
| Tổng cộng:                 |                     |                         |                         |                  | 51.512.000                          | 59.228.700                                   |

### 2. Chi phí bảo hiểm rủi ro:

- Sản phẩm An Thịnh Đầu Tư tăng 75%, Bảo Hiểm Tai Nạn Cao Cấp tăng 75% so với chi phí bảo hiểm rủi ro chuẩn.

**Lý do:** tiền sử bệnh (NGUYỄN HỒNG LOAN).

- Quyền Lợi Điều Trị Nội Trú tăng 10% so với chi phí bảo hiểm rủi ro chuẩn.

**Lý do:** tiền sử bệnh (NGUYỄN HỒNG LOAN).

### \* Điều kiện bổ sung:

- Loại trừ các thăm khám, điều trị cũng như các di chứng, biến chứng có liên quan đến nhịp tim chậm, hen suyễn (hen phế quản) đối với Quyền Lợi Điều Trị Nội Trú.

**Lý do:** tiền sử bệnh (NGUYỄN HỒNG LOAN)

Nếu Quý khách đồng ý với các điều kiện trên, xin vui lòng ký tên ở phần cuối thư thỏa thuận này và gửi về Dai-ichi Life Việt Nam trước ngày 21/08/2022 để chúng tôi có thể phát hành hợp đồng.

Nếu Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ ghi trên Giấy yêu cầu bảo hiểm nhỏ hơn Phí bảo hiểm cơ bản sau khi thẩm định, Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ sẽ được cập nhật lại cho bằng với Phí bảo hiểm cơ bản sau khi thẩm định.

Trường hợp Quý khách cần trao đổi thêm, vui lòng liên hệ với các Văn phòng và Trung tâm dịch vụ khách hàng Dai-ichi Life Việt Nam hoặc Tổng đài dịch vụ khách hàng, điện thoại: (028) 3 8100 888. Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ Quý khách.

Trân trọng kính chào,

**Trương Minh Tâm**

**Phó Tổng Giám Đốc Công Nghệ & Dịch Vụ Bảo Hiểm**

TVTC Lê Tuyết Thanh - CN Hà Nội

### Ý kiến Khách hàng:

Tôi chấp thuận những Điều kiện được trình bày ở trên và yêu cầu Dai-ichi Life Việt Nam phát hành Hợp đồng bảo hiểm cho tôi theo những Điều khoản, Điều kiện đã nêu trên.

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm (ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng Loan

Ngày ký

31/07/2022

RECEIVED  
31 JUL 2022

ADHAN:.....



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM ĐẦU TƯ

An Tâm Đầu Tư giải pháp kết hợp tuyệt vời giữa sự bảo vệ toàn diện và đầu tư tài chính hiệu quả.

## Một vài điểm nổi bật của An Tâm Đầu Tư

- Bảo vệ toàn diện
  - Bảo vệ tài chính trọn đời trước những rủi ro bất ngờ trong cuộc sống
  - Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm
  - Gia tăng quyền lợi bảo hiểm cho bản thân và các thành viên trong gia đình với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung
- Đầu tư tạo dựng tài sản trong dài hạn
  - Danh mục đầu tư đa dạng phù hợp với các nhu cầu đầu tư khác nhau
  - Được gia tăng khoản đầu tư lên đến 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản
  - Hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng hấp dẫn sau mỗi 3 Năm hợp đồng
- Chủ động linh hoạt
  - Linh hoạt lựa chọn Quỹ đầu tư và tỷ lệ đầu tư vào mỗi Quỹ
  - Được quyền chuyển đổi giá trị của các Đơn vị quỹ giữa các Quỹ để phù hợp với sự thay đổi tài chính
  - Tính thanh khoản cao, được mua và bán các Đơn vị quỹ bất cứ lúc nào

## An Tâm Đầu Tư - Giải pháp đầu tư toàn diện cho kế hoạch tài chính của bạn.

Ghi chú:

- Khách hàng hưởng tất cả lợi nhuận và chấp nhận rủi ro trong đầu tư.
- Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

8131616-66/82

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 1/17

# TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gần bó dài lâu.

## THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC30/KDBH do BTC cấp ngày 03/10/2018; Vốn điều lệ: gần 7.700 tỷ VNĐ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 3810 0888; Fax: (028) 3977 3000

## THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

| Họ tên                  | Giới tính | Tuổi bảo hiểm | Nhóm nghề nghiệp |
|-------------------------|-----------|---------------|------------------|
| Người được bảo hiểm (1) | Nữ        | 57            | I                |
| Bên mua bảo hiểm (2)    | Nữ        | 57            | I                |

Đơn vị: Đồng

## THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

| Sản phẩm                              | Người được BH | Tuổi khi kết thúc HĐ | Thời hạn hợp đồng (năm) | Số tiền bảo hiểm ban đầu | Phí BH cơ bản ban đầu | Phí BH SP Bổ sung | Phí BH đóng thêm dự kiến(*) | Phí BH dự kiến (*) |
|---------------------------------------|---------------|----------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------------|--------------------|
| An Tâm Đầu Tư                         | (1)           | 99                   | 42                      | 600.000.000              | 42.990.000            | 68.488.000        | 120.000.000                 |                    |
| BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu(**)     | (1)           |                      | gia hạn hàng năm        |                          | 7.882.000             |                   |                             |                    |
| Quyền lợi Điều trị nội trú Cao Cấp    |               |                      |                         |                          | 7.882.000             |                   |                             |                    |
| BH Tai Nạn Cao Cấp                    | (1)           | 75                   | 18                      | 200.000.000              |                       | 640.000           |                             |                    |
| Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ |               |                      | Năm                     | Nửa năm                  | Quý                   |                   |                             |                    |
|                                       |               |                      | 51.512.000              | 25.756.000               | 12.878.000            |                   |                             |                    |

(\*) Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa quyền lợi bảo hiểm" (\*\*\*) Thời hạn hợp đồng của (các) sản phẩm này là một năm và có thể được gia hạn hàng năm.

Phí BH của (các) sản phẩm này sẽ thay đổi hàng năm theo tuổi được của Người được bảo hiểm. Phí thể hiện ở đây là phí năm tham gia đầu tiên. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và giá trị tài khoản hợp đồng". Mức phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

### Bảng phí bảo hiểm định kỳ năm:

(Đơn vị tính: ngàn đồng)

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
|--------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|--------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG TÁT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 2/17

TVTC: Lê Tuyết Thanh

8131616-67/82

TRANG THÔNG TIN

|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| BH Chăm Sóc<br>Sức Khỏe Toàn Cầu | 7.882 | 7.882 | 7.882 | 7.882 | 9.811 | 9.811 | 9.811 | 9.811 | 9.811 | 15.110 | 15.110 | 15.110 | 15.110 | 15.110 | 21.217 | 21.217 | 21.217 |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |
|                                  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |        |        |        |        |        |        |        |        |  |

KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

# TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

| Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ | Quỹ Dẫn đầu | Quỹ Tài chính năng động | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Phát triển | Quỹ Bảo toàn |
|--------------------------|-------------|-------------------------|-----------------|----------------|--------------|
| %                        | 0%          | 0%                      | 100%            | 0%             | 0%           |

| THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH |                |                                         |
|----------------------------|----------------|-----------------------------------------|
| Họ và tên: Lê Tuyết Thanh  | Mã số: 1035655 | Văn phòng của TVTC: Ngân hàng Sacombank |

8131616-69/82

## KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chi có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 4/17

# TÓM TẮT VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

## 1. Thông tin về các Quỹ liên kết đơn vị

| Các Quỹ liên kết đơn vị và mục tiêu đầu tư                                                                                                          | Lĩnh vực đầu tư                                                                                                             | Mức tối thiểu | Mức tối đa | Mức độ tăng trưởng và rủi ro |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|------------------------------|
| Quỹ Dẫn đầu: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư                                              | 30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam | 80%           | 100%       | Cao                          |
|                                                                                                                                                     | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác                         | 0%            | 20%        |                              |
| Quỹ Tài chính năng động: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư                                  | Cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng                                                                      | 80%           | 100%       | Cao                          |
|                                                                                                                                                     | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác                         | 0%            | 20%        |                              |
| Quỹ Tăng trưởng: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư                                          | Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu                                                                     | 80%           | 100%       | Cao                          |
|                                                                                                                                                     | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác                         | 0%            | 20%        |                              |
| Quỹ Phát triển: mang lại các cơ hội đầu tư với sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư | Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu                                                                     | 15%           | 55%        | Từ cao đến vừa phải          |
|                                                                                                                                                     | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác                         | 45%           | 85%        |                              |
| Quỹ Bảo Toàn: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn cho các nhà đầu tư                                       | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác                         | 100%          |            | Vừa phải                     |

## 2. Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị sẽ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị Quỹ.

## 3. Giá trị quỹ hợp đồng được tính theo Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm. Giá trị các Đơn vị quỹ phụ thuộc vào sự thay đổi Giá Đơn vị quỹ và các chi phí.

4. Giá đơn vị quỹ của mỗi Quỹ đầu tư được xác định bằng cách lấy giá trị tài sản thuần của Quỹ liên kết đơn vị chia cho số Đơn vị quỹ của Quỹ đó. Kỳ định giá Đơn vị Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật. Giá đơn vị quỹ sẽ được công bố trên website [www.dai-ichi-life.com.vn](http://www.dai-ichi-life.com.vn) hoặc Quý khách vui lòng tham khảo tại tất cả các Trung tâm phục vụ khách hàng của Dai-ichi Life Việt Nam trên toàn quốc.

5. Những thay đổi về Giá đơn vị quỹ phản ánh tình hình đầu tư của Quỹ tương ứng. Tỷ lệ tăng trưởng thực tế của Quỹ là không đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ. Quý khách lựa chọn Quỹ liên kết đơn vị để đầu tư tùy theo nhu cầu và khả năng chấp nhận rủi ro của mình.

## 6. Dai-ichi Life Việt Nam được phép sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi bảo hiểm của khách hàng:

- a. Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- b. Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- c. Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có;

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bằng minh họa

Số bằng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 5/17



## TÓM TẮT VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

- d. Ngưng định giá Quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sỡ/trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- e. Các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
- Đối với các biện pháp (a), (b), (c), (e): Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản 3 ngày trước khi áp dụng.

Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ

| Năm                             | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Phát triển | Quỹ Bảo toàn |
|---------------------------------|-----------------|----------------|--------------|
| 2017                            | 52,64%          | 26,56%         | 6,08%        |
| 2018                            | -11,78%         | -1,05%         | 5,90%        |
| 2019                            | 7,53%           | 11,95%         | 6,29%        |
| 2020                            | 19,60%          | 15,19%         | 6,16%        |
| 2021                            | 31,02%          | 13,88%         | 4,70%        |
| Tỷ suất sinh lời<br>quy năm     | 17,80%          | 12,95%         | 5,82%        |
| Từ 01/01/2017 đến<br>31/12/2021 | 126,90%         | 83,91%         | 32,73%       |

Ghi chú: Quỹ Dẫn Đầu và Quỹ Tài Chính Năng Động thành lập vào năm 2022 nên chưa có Tỷ suất đầu tư thực tế năm 2021.  
Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

### KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM AN TÂM ĐẦU TƯ

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

## Quyền lợi cơ bản của sản phẩm An Tâm Đầu Tư

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong: Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng.
- Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65 tuổi: Bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm số tiền nào nhỏ hơn của 1 tỷ hoặc 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này.
- Quyền lợi Chu toàn hậu sự: Nhận trước một phần quyền lợi tử vong với số tiền chi trả là 10% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và không vượt quá 30 triệu đồng tính trên mỗi Người được bảo hiểm của tất cả các hợp đồng sản phẩm chính.
- Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65: Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng.
- Quyền lợi Thường duy trì hợp đồng: nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn đến thời điểm xem xét, hợp đồng bảo hiểm sẽ được thường khoản Thường duy trì hợp đồng vào ngày cuối cùng các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15, 18 và 21 của Hợp đồng bảo hiểm. Thường duy trì hợp đồng bằng 3% của Giá trị quỹ hợp đồng tại thời điểm xem xét tương ứng.
- Quyền lợi đáo hạn: Giá trị quỹ hợp đồng.

## Quyền của bên mua bảo hiểm sản phẩm An Tâm Đầu Tư

- Linh hoạt lựa chọn và chuyển đổi giữa các Quỹ
- Chủ động lựa chọn và thay đổi tỷ lệ đầu tư bất cứ lúc nào
- Đầu tư thêm
- Chuyển đổi Quỹ
- Rút tiền mặt từ Giá trị quỹ hợp đồng
- Tăng, giảm Số tiền bảo hiểm
- Linh hoạt đóng phí từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi
- Bổ sung các sản phẩm bổ trợ

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên

8131616-72/82

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 7/17

# TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỒ TRỢ

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

## • Sản phẩm Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn cầu

- Quyền lợi điều trị nội trú: chi trả chi phí y tế khi Người được bảo hiểm nằm viện điều trị nội trú tại bất kỳ quốc gia nào trên toàn thế giới; chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

Quyền lợi này sẽ chi trả theo mức đồng chi trả 20% hoặc 0% mà khách hàng đã chọn lựa.

- Quyền lợi điều trị ngoại trú (áp dụng trước Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 và khi khách hàng lựa chọn tham gia thêm): chi trả các chi phí y tế điều trị ngoại trú tại Việt Nam tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

- Quyền lợi chăm sóc răng (áp dụng trước Ngày gia hạn năm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 và khi khách hàng lựa chọn tham gia thêm): chi trả các chi phí điều trị nha khoa tại Việt Nam tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

(Vui lòng tham khảo trang Tóm tắt quyền lợi sản phẩm Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn cầu để biết thêm chi tiết).

## • Sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn cao cấp:

- Quyền lợi Tử vong do tai nạn hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm

- Quyền lợi Tử vong do tai nạn đặc biệt: 200% Số tiền bảo hiểm

- Quyền lợi Thương tật do tai nạn: tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán

- Quyền lợi Hỗ trợ viện phí do tai nạn: 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do thương tật

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chi có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 8/17

## TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí ban đầu: sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm theo tỷ lệ sau:

|                                     |     |     |     |     |                        |
|-------------------------------------|-----|-----|-----|-----|------------------------|
| Năm phí bảo hiểm                    | 1   | 2   | 3   | 4   | Kể từ năm thứ 5 trở đi |
| Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản    | 75% | 55% | 30% | 20% | 3%                     |
| Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm | 5%  |     |     |     |                        |
- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm. Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung (nếu có tham gia) sẽ theo tỷ lệ chi phí ban đầu của sản phẩm chính.
- Chi phí quản lý hợp đồng là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Quỹ hợp đồng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng từ năm 2021 là 45.000 đồng/tháng\*.

(\* Chi phí quản lý hợp đồng kể từ thời điểm này có thể thay đổi, nhưng không vượt quá mức tăng tối đa là 15% mỗi năm. Nếu vượt quá mức tối đa, chi phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.

- Chi phí bảo hiểm rủi ro là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo qui định của Hợp đồng bảo hiểm.
- Chi phí quản lý quỹ: là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản thuần của mỗi Quỹ vào mỗi Ngày định giá. Phí quản lý quỹ của các Quỹ như dưới đây:

| Quỹ liên kết đơn vị         | Dẫn đầu | Tài chính năng động | Tăng trưởng | Phát triển | Bảo toàn |
|-----------------------------|---------|---------------------|-------------|------------|----------|
| Phí quản lý quỹ mỗi năm (%) | 2%      | 2%                  | 2%          | 2%         | 0,5%     |

- Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm I khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, theo tỷ lệ như sau:

|               |                    |     |     |     |     |                      |
|---------------|--------------------|-----|-----|-----|-----|----------------------|
| Năm hợp đồng  | Từ năm thứ 1 đến 5 | 6   | 7   | 8   | 9   | Từ năm thứ 10 trở đi |
| Tỷ lệ chi phí | 100%               | 80% | 60% | 40% | 20% | 0%                   |

Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm = Tỷ lệ chi phí \* Trung bình của phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó

- Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng: là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng. Tỷ lệ tính chi phí rút một phần. Giá trị quỹ hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị quỹ hợp đồng.
- Chi phí chuyển đổi quỹ: trong mỗi năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Chi phí chuyển đổi Quỹ cho 4 lần chuyển đổi, kể từ lần chuyển đổi quỹ thứ 5 trở đi, phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng/lần.

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 9/17

MINH HẠ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

| Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ | Dẫn đầu | Tài chính năng động | Tăng trưởng | Phát triển | Bảo toàn |
|--------------------------|---------|---------------------|-------------|------------|----------|
| %                        | 0%      | 0%                  | 100%        | 0%         | 0%       |

| Tỷ suất đầu tư dự kiến | Dẫn đầu |      | Tài chính năng động |      | Tăng trưởng |      | Phát triển |      | Bảo toàn |      |
|------------------------|---------|------|---------------------|------|-------------|------|------------|------|----------|------|
|                        | Thấp    | Cao  | Thấp                | Cao  | Thấp        | Cao  | Thấp       | Cao  | Thấp     | Cao  |
|                        | 0,5%    | 9,0% | 0,5%                | 9,0% | 0,5%        | 9,0% | 4,0%       | 8,5% | 3,5%     | 7,0% |

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ <br>Tuổi<br>của<br>NĐBH | Phí bảo<br>hiểm dự<br>tính | Phí bảo<br>hiểm cơ<br>bản | Phí bảo<br>hiểm<br>đóng<br>thêm | Quyền lợi đầu tư tại mức tỷ suất đầu tư thấp |                        |                |            |                               |                            | Quyền lợi đầu tư tại mức tỷ suất đầu tư cao |                            |             |         |                        |                | Quyền lợi bảo hiểm từ<br>vong |          |           | Khoản<br>tiền rút<br>ra |  |
|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|----------------|------------|-------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-------------|---------|------------------------|----------------|-------------------------------|----------|-----------|-------------------------|--|
|                                   |                            |                           |                                 | Giá trị Quỹ                                  |                        |                |            | Thưởng<br>duy trì<br>hợp đồng | Giá trị<br>quỹ hợp<br>đồng | Thưởng<br>duy trì<br>hợp đồng               | Giá trị<br>quỹ hợp<br>đồng | Giá trị Quỹ |         |                        |                |                               |          |           |                         |  |
|                                   |                            |                           |                                 | Dẫn đầu                                      | Tài chính<br>năng động | Tăng<br>Trưởng | Phát Triển |                               |                            |                                             |                            | Bảo Toàn    | Dẫn đầu | Tài chính<br>năng động | Tăng<br>Trưởng | Phát Triển                    | Bảo Toàn |           |                         |  |
|                                   |                            |                           |                                 |                                              |                        |                |            |                               |                            |                                             |                            |             |         |                        |                |                               |          |           |                         |  |
| 1 57                              | 120.000                    | 51.512                    | 68.488                          |                                              |                        | 64.552         |            |                               |                            |                                             | 64.552                     |             |         |                        |                | 70.553                        |          | 664.552   | 670.553                 |  |
| 2 58                              | 120.000                    | 51.512                    | 68.488                          |                                              |                        | 139.209        |            |                               |                            |                                             | 139.209                    |             |         |                        |                | 158.088                       |          | 739.209   | 758.088                 |  |
| 3 59                              | 120.000                    | 51.512                    | 68.488                          |                                              |                        | 226.573        |            |                               |                            | 6.797                                       | 233.371                    |             |         |                        | 8.007          | 274.910                       |          | 833.371   | 874.910                 |  |
| 4 60                              | 120.000                    | 51.512                    | 68.488                          |                                              |                        | 325.740        |            |                               |                            |                                             | 325.740                    |             |         |                        |                | 399.180                       |          | 925.740   | 999.180                 |  |
| 5 61                              | 120.000                    | 53.441                    | 66.559                          |                                              |                        | 425.098        |            |                               |                            |                                             | 425.098                    |             |         |                        |                | 541.806                       |          | 1.025.098 | 1.141.806               |  |
| 6 62                              | 120.000                    | 53.441                    | 66.559                          |                                              |                        | 524.208        |            |                               |                            | 15.726                                      | 539.934                    |             |         |                        | 20.895         | 717.383                       |          | 1.139.934 | 1.317.383               |  |
| 7 63                              | 120.000                    | 53.441                    | 66.559                          |                                              |                        | 638.788        |            |                               |                            |                                             | 638.788                    |             |         |                        |                | 887.000                       |          | 1.238.788 | 1.487.000               |  |
| 8 64                              | 120.000                    | 53.441                    | 66.559                          |                                              |                        | 737.197        |            |                               |                            |                                             | 737.197                    |             |         |                        |                | 1.070.901                     |          | 1.337.197 | 1.670.901               |  |
| 9 65                              | 120.000                    | 53.441                    | 66.559                          |                                              |                        | 835.040        |            |                               |                            | 25.051                                      | 860.091                    |             |         |                        | 38.107         | 1.308.354                     |          | 1.460.091 | 1.908.354               |  |
| 10 66                             | 120.000                    | 58.740                    | 61.260                          |                                              |                        | 953.007        |            |                               |                            |                                             | 953.007                    |             |         |                        |                | 1.523.282                     |          | 1.553.007 | 2.123.282               |  |
| 11 67                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 929.325        |            |                               |                            |                                             | 929.325                    |             |         |                        |                | 1.630.643                     |          | 1.529.325 | 2.230.643               |  |
| 12 68                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 904.110        |            |                               |                            |                                             | 904.110                    |             |         |                        |                | 1.746.187                     |          | 1.504.110 | 2.346.187               |  |
| 13 69                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 877.260        |            |                               |                            |                                             | 877.260                    |             |         |                        |                | 1.870.553                     |          | 1.477.260 | 2.470.553               |  |
| 14 70                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 848.675        |            |                               |                            |                                             | 848.675                    |             |         |                        |                | 2.004.438                     |          | 1.448.675 | 2.604.438               |  |
| 15 71                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 813.082        |            |                               |                            |                                             | 813.082                    |             |         |                        |                | 2.143.198                     |          | 1.413.082 | 2.743.198               |  |
| 16 72                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 775.411        |            |                               |                            |                                             | 775.411                    |             |         |                        |                | 2.292.459                     |          | 1.375.411 | 2.892.459               |  |
| 17 73                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 735.409        |            |                               |                            |                                             | 735.409                    |             |         |                        |                | 2.452.914                     |          | 1.335.409 | 3.052.914               |  |
| 18 74                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 692.764        |            |                               |                            |                                             | 692.764                    |             |         |                        |                | 2.625.258                     |          | 1.292.764 | 3.225.258               |  |
| 19 75                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 665.558        |            |                               |                            |                                             | 665.558                    |             |         |                        |                | 2.829.472                     |          | 1.265.558 | 3.429.472               |  |
| 20 76                             |                            |                           |                                 |                                              |                        | 635.050        |            |                               |                            |                                             | 635.050                    |             |         |                        |                | 3.048.757                     |          | 1.235.050 | 3.648.757               |  |

8131616-75/82

KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

### MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

|                                          |  | Đơn vị tính: ngàn đồng |         |         |         |         |         |         |           |           |
|------------------------------------------|--|------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----------|-----------|
| Năm hợp đồng                             |  | 1                      | 2       | 3       | 4       | 5       | 6       | 7       | 8         | 9         |
| Giá trị hoàn lại tại tỷ suất đầu tư thấp |  | 13.040                 | 87.697  | 175.061 | 274.228 | 371.657 | 481.455 | 606.723 | 715.821   | 824.352   |
| Giá trị hoàn lại tại tỷ suất đầu tư cao  |  | 19.041                 | 106.576 | 215.390 | 347.668 | 488.365 | 653.736 | 854.936 | 1.049.525 | 1.259.559 |

Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi, Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Quỹ hợp đồng.

### TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20

| THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN |                    | SỐ TIỀN NHẬN CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20 |                    |
|----------------------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------|
| Tổng số phí đóng dự kiến:  | 1.200.000.000 đồng | Tại mức tỷ suất đầu tư thấp:          | 635.049.900 đồng   |
| Tổng tiền rút ra dự kiến:  | 0 đồng             | Tại mức tỷ suất đầu tư cao:           | 3.048.756.500 đồng |

Lưu ý:

- Theo thông tư số 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị, bảng minh họa này chỉ minh họa quyền lợi trong 20 năm, nhưng nếu khách hàng vẫn tiếp tục duy trì hợp đồng và hợp đồng của khách hàng vẫn tiếp tục có hiệu lực thì các Quỹ sẽ vẫn tiếp tục được đầu tư và có thể sinh lợi sau đó.
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, phí bảo hiểm đóng thêm và phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung.
- Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị quỹ hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị quỹ hợp đồng.
- Bảng minh họa theo phí bảo hiểm trả định kỳ hàng năm. Giá trị quỹ hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, giá đơn vị, ... Để biết thông tin giá trị quỹ hợp đồng và tình trạng hợp đồng, quý khách nên thường xuyên theo dõi hợp đồng bảo hiểm của mình. Giá trị quỹ hợp đồng có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến trong bảng minh họa này là không đảm bảo, chỉ mang tính minh họa.

### KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CÁ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 11/17



MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ | Tổng Phí bảo<br>hiểm hàng<br>năm | Chi phí ban<br>đầu | Phí bảo hiểm<br>phần bổ sản<br>phẩm chính | Phí bảo hiểm<br>sản phẩm bổ<br>sung sau khi<br>trừ Phí ban<br>đầu | Phí bảo hiểm được phân bổ vào từng Quỹ |                        |             |            | Phí bảo hiểm<br>rủi ro Sản<br>phẩm chính | Phí bảo hiểm<br>rủi ro Sản<br>phẩm bổ<br>sung | Phí quản lý<br>hợp đồng | Quyền lợi đảm bảo    |                      | Quyền lợi không đảm bảo                               |                                                      |
|-----------|----------------------------------|--------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-------------|------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|           |                                  |                    |                                           |                                                                   | Dẫn đầu                                | Tài chính<br>năng động | Tăng trưởng | Phát triển | Bảo toàn                                 |                                               |                         | Quyền lợi tử<br>vong | Quyền lợi bồi<br>trợ | Giá trị quỹ<br>hợp đồng với<br>tỷ suất đầu<br>tư thấp | Giá trị quỹ<br>hợp đồng với<br>tỷ suất đầu<br>tư cao |
| 1         | 120.000                          | 42.058             | 75.811                                    | 2.131                                                             |                                        |                        | 77.942      |            |                                          | 6.006                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 64.552                                                | 70.553                                               |
| 2         | 120.000                          | 31.756             | 84.409                                    | 3.835                                                             |                                        |                        | 88.244      |            |                                          | 6.576                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 139.209                                               | 158.088                                              |
| 3         | 120.000                          | 18.878             | 95.157                                    | 5.965                                                             |                                        |                        | 101.122     |            |                                          | 7.182                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 233.371                                               | 274.910                                              |
| 4         | 120.000                          | 13.727             | 99.456                                    | 6.818                                                             |                                        |                        | 106.273     |            |                                          | 7.824                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 325.740                                               | 399.180                                              |
| 5         | 120.000                          | 4.931              | 104.931                                   | 10.137                                                            |                                        |                        | 115.069     |            |                                          | 8.508                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 425.098                                               | 541.806                                              |
| 6         | 120.000                          | 4.931              | 104.931                                   | 10.137                                                            |                                        |                        | 115.069     |            |                                          | 9.252                                         | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 539.934                                               | 717.383                                              |
| 7         | 120.000                          | 4.931              | 104.931                                   | 10.137                                                            |                                        |                        | 115.069     |            |                                          | 10.080                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 638.788                                               | 887.000                                              |
| 8         | 120.000                          | 4.931              | 104.931                                   | 10.137                                                            |                                        |                        | 115.069     |            |                                          | 11.016                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 737.197                                               | 1.070.901                                            |
| 9         | 120.000                          | 4.931              | 104.931                                   | 10.137                                                            |                                        |                        | 115.069     |            |                                          | 12.072                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 860.091                                               | 1.308.354                                            |
| 10        | 120.000                          | 4.825              | 99.897                                    | 15.278                                                            |                                        |                        | 115.175     |            |                                          | 13.254                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 953.007                                               | 1.523.282                                            |
| 11        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 14.562                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 929.325                                               | 1.630.643                                            |
| 12        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 15.972                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 904.110                                               | 1.746.187                                            |
| 13        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 17.478                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 877.260                                               | 1.870.553                                            |
| 14        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 19.074                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 848.675                                               | 2.004.438                                            |
| 15        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 20.790                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 813.082                                               | 2.143.198                                            |
| 16        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 22.686                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 775.411                                               | 2.292.459                                            |
| 17        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 24.822                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 735.409                                               | 2.452.914                                            |
| 18        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 27.258                                        | 540                     | 600.000              | 1.200.000            | 692.764                                               | 2.625.258                                            |
| 19        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 30.048                                        | 540                     | 600.000              |                      | 665.558                                               | 2.829.472                                            |
| 20        |                                  |                    |                                           |                                                                   |                                        |                        |             |            |                                          | 33.204                                        | 540                     | 600.000              |                      | 635.050                                               | 3.048.757                                            |

KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 12/17

# MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Lưu ý:

- Quý khách cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Quý khách cần chắc chắn rằng hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu quý khách muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với chúng tôi hoặc tư vấn tài chính của chúng tôi.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong minh họa này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp.
- Mua một hợp đồng An Tâm Đầu Tư là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giá định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH Chăm sóc sức khỏe toàn cầu" bao gồm quyền lợi điều trị nội trú, quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng (nếu khách hàng có chọn lựa tham gia thêm) và là tổng Phí bảo hiểm của tất cả Người được bảo hiểm bổ sung này.
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH Hỗ trợ viện phí" là tổng Phí bảo hiểm của tất cả Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.

8131616-78/82

## KHÁCH HÀNG HƯỞNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 13/17

## MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính, Phí thuận của (các) sản phẩm bổ sung và Chi phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị Quỹ hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 10 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết. Bảng minh họa này chỉ nhằm mục đích minh họa và không phải là một phần của Hợp đồng bảo hiểm.
- Các loại Chi phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các chi phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị quỹ hợp đồng.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá mua Đơn vị quỹ vào ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. Nếu hợp đồng bị chấm dứt sớm, khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Đầu tư tài chính chứa đựng nhiều rủi ro, khách hàng được hướng dẫn toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với phần phí bảo hiểm đã đầu tư.
- An Tâm Đầu Tư là một sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được hiện thực hóa khi khách hàng đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn.
- Việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khoi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.

## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.
- Tôi đã hiểu rõ rằng:
  - Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi Giá trị quỹ hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
  - Giá của các Đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của (các) Quỹ liên kết đơn vị không được đảm bảo. Giá trị quỹ hợp đồng tùy thuộc vào Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm. Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này.
  - Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị quỹ hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) từ năm hợp đồng thứ 3 trở đi.
- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong bảng minh họa này.
- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc Điều khoản hợp đồng ngay khi hợp đồng được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 1035655, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này.

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm

## KHÁCH HÀNG HƯỚNG DẪN TẮT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Version: w2.0.6

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Mã số: 1035655

Trang 14/17

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU

Chi trả chi phí y tế của NDBH. Chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM                                                                                          |  | Phổ Thông                                              | Đặc Biệt    | Cao Cấp       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| Quyền lợi tối đa của một Bệnh tật/ Thương tật (cho quyền lợi điều trị nội trú và quyền lợi điều trị ngoại trú) |  | 300.000.000                                            | 600.000.000 | 1.000.000.000 |
|                                                                                                                |  | trong suốt thời gian tham gia sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ |             |               |

Đơn vị: VND

| QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ             |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Đồng chi trả                           |                                                                                      | 20% hoặc 0% tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm |                                              |                                              |                                              |
| Phạm vi địa lý                         |                                                                                      | Toàn cầu                                           |                                              |                                              |                                              |
| PHẦN I - VIỆN PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ Y TẾ  |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
| 1. Chi phí phẫu thuật nội trú          | Tối đa                                                                               | 25.000.000/ lần Phẫu thuật                         | 50.000.000/ lần Phẫu thuật                   | 75.000.000/ lần Phẫu thuật                   |                                              |
|                                        |                                                                                      | cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật                       |                                              |                                              |                                              |
|                                        | 2. Chi phí điều trị nội trú khác và chi phí phẫu thuật ngoại trú                     | Tối đa                                             | 15.000.000/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật | 33.000.000/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật | 60.000.000/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật |
|                                        |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
|                                        |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
|                                        |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
|                                        |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
|                                        |                                                                                      |                                                    |                                              |                                              |                                              |
| 3. Tiền phòng                          | Tối đa                                                                               | 1.500.000/ ngày                                    | 2.500.000/ ngày                              | 3.000.000/ ngày                              |                                              |
|                                        |                                                                                      | 45 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật          |                                              |                                              |                                              |
|                                        | 4. Giường cho người thân khi chăm sóc cho Người được bảo hiểm là trẻ em dưới 18 tuổi | Tối đa                                             | 500.000/ ngày                                | 750.000/ ngày                                | 1.000.000/ ngày                              |
|                                        |                                                                                      |                                                    | 10 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật    |                                              |                                              |
| 5. Khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt (ICU) | Tối đa                                                                               | 2.100.000/ ngày                                    | 3.150.000/ ngày                              | 5.250.000/ ngày                              |                                              |
|                                        |                                                                                      | 15 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật          |                                              |                                              |                                              |

KHÁCH HÀNG HƯỚNG TẮT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Version: w2.0.6

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Mã số: 1035655

Trang 15/17

|                                                                                                                                                                                      |           |                                                                                                                               |                      |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| 6. Điều dưỡng tại nhà                                                                                                                                                                | Tối đa    | 250.000/ ngày                                                                                                                 | 350.000/ ngày        | 500.000/ ngày        |
|                                                                                                                                                                                      |           | 30 ngày/ năm cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật                                                                                     |                      |                      |
| 7. Điều trị tổn thương răng do Tai nạn                                                                                                                                               | Tối đa    | 3.000.000/ năm                                                                                                                | 5.000.000/ năm       | 7.500.000/ năm       |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho mỗi Tai nạn                                                                                                               |                      |                      |
| PHẦN II - CHI PHÍ CẤP CỨU                                                                                                                                                            |           |                                                                                                                               |                      |                      |
| 1. Điều trị cấp cứu do Tai nạn                                                                                                                                                       | Tối đa    | 2.100.000/ năm                                                                                                                | 5.250.000/ năm       | 10.500.000/ năm      |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho mỗi Tai nạn                                                                                                               |                      |                      |
| 2. Chi phí xe cấp cứu                                                                                                                                                                | Tối đa    | 3.000.000/ năm                                                                                                                | 5.000.000/ năm       | 100% chi phí thực tế |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho mỗi Bệnh tật/ Thương tật                                                                                                  |                      |                      |
| PHẦN III - CÁC QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT                                                                                                                                           |           |                                                                                                                               |                      |                      |
| GIỚI HẠN BẢO HIỂM đối với các quyền lợi bảo hiểm trong Phần III                                                                                                                      | Tối đa    | Quyền lợi này được chi trả theo mức giới hạn cho từng hạng mục của Phần I, Phần II nêu trên và mức giới hạn của Phần III này. |                      |                      |
| 1. Điều trị ung thư (hóa trị/ xạ trị)                                                                                                                                                | Tối đa    | 100% chi phí thực tế                                                                                                          | 100% chi phí thực tế | 100% chi phí thực tế |
| 2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến tạng<br>Chi phí y tế liên quan đến cấy ghép bộ phận của người hiến tạng không vượt quá 50% quyền lợi. | Tối đa    | 150.000.000                                                                                                                   | 300.000.000          | 500.000.000          |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tùy xương; trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                   |                      |                      |
| 3. Lọc máu ngoài thận (Lọc thận)                                                                                                                                                     | Tối đa    | 5.000.000/ năm                                                                                                                | 10.000.000/ năm      | 15.000.000/ năm      |
| 4. Điều trị bệnh tật bẩm sinh, khuyết tật khi sinh                                                                                                                                   | Tối đa    | 15.000.000                                                                                                                    | 25.000.000           | 35.000.000           |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho tất cả bệnh tật bẩm sinh, khuyết tật khi sinh trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                                      |                      |                      |
| 5. Điều trị Biến chứng thai sản<br><u>Lưu ý:</u> Quyền lợi này chỉ được chi trả khi Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này trước khi mang thai.                   | Tối đa    | 15.000.000                                                                                                                    | 25.000.000           | 35.000.000           |
|                                                                                                                                                                                      |           | cho mỗi Biến chứng thai sản trong suốt thời gian tham gia sản phẩm                                                            |                      |                      |
| QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM                                                                                                                                                              |           |                                                                                                                               |                      |                      |
| QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ                                                                                                                                                         |           |                                                                                                                               |                      |                      |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                                                       |           | Việt Nam                                                                                                                      |                      |                      |
| GIỚI HẠN BẢO HIỂM                                                                                                                                                                    | Tối đa    | 5.000.000/ năm                                                                                                                | 10.000.000/ năm      | 15.000.000/ năm      |
|                                                                                                                                                                                      | Tối đa    | 1.000.000/ lần khám                                                                                                           | 2.000.000/ lần khám  | 4.000.000/ lần khám  |
|                                                                                                                                                                                      | Tối thiểu | 210.000/ lần khám                                                                                                             | 210.000/ lần khám    | 210.000/ lần khám    |
| 1. Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại (Tây y)                                                                                                                                    |           |                                                                                                                               |                      |                      |

KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

|                         |           |                   |                |                |
|-------------------------|-----------|-------------------|----------------|----------------|
| 2. Y học thay thế       | Tối đa    | 1.500.000/ năm    | 2.500.000/ năm | 4.000.000/ năm |
| QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG |           |                   |                |                |
| Phạm vi địa lý          | Việt Nam  |                   |                |                |
| GIỚI HẠN BẢO HIỂM       | Tối đa    | Không áp dụng     |                |                |
| Điều trị nha khoa       | Tối thiểu | 210.000/ lần khám |                |                |

Lưu ý: Thời gian loại trừ với các bệnh tật thông thường là 30 ngày và 90 ngày với các bệnh đặc biệt.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bảo trợ để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

## KHÁCH HÀNG HUỖNG TẤT CẢ LỢI NHUẬN VÀ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ngày: 21/07/2022 05:06:24

Bên mua BH: NGUYỄN HỒNG LOAN

TVTC: Lê Tuyết Thanh

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 1035655-220710076

Mã số: 1035655

Version: w2.0.6

Trang 17/17